

CHÁNH KIẾN CƯ SĨ

*Kính Dâng
Chơn Linh Tôn Sư Phạm Công Tắc*

Suy Gẫm

SÁM PHÁP GIÁO

TÀI LIỆU SƯU TẦM 2015
hai•không•một•năm

Ebook được làm theo **ẤN-BẢN** phổ biến trên Website của **DAOCAODAL.INFO**. Mọi góp ý, đề nghị bổ túc, sửa đổi những sơ sót, có thể có, xin vui lòng gửi điện thư vào địa chỉ: *Tamnguyen351@live.com*

Thành thật tri ơn **CHÁNH KIẾN CƯ SĨ, BAN PHỤ TRÁCH PHỔ BIẾN KINH SÁCH WEBSITE DAOCAODAL.INFO** đã bỏ nhiều tâm-huyết và công sức trong việc sưu tập, biên khảo, đánh máy, in ấn hay phổ biến trên Website ngõ hầu **GIÁO-LÝ ĐẠI-ĐẠO** được phổ truyền rộng rãi, lưu lại di-sản tinh-thần vô-giá cho thế-hệ hiện tại và nhiều thế-hệ tiếp nối mai sau.

California, 19/08/2015

Tâm Nguyên

SUY GÃM SẮM PHÁP GIÁO

CHÁNH KIẾN CƯ SĨ

Kính Dâng

Phon Linh Tôn Sư Phạm Công Tác

MỤC LỤC

LỜI DẪN	9
PHẦN I (TỪ CÂU 1 ĐẾN CÂU 12)	11
▪ TIẾT 1. CUỘC ĐỜI HÀNH ĐẠO VÀ THIÊN TÍNH CỦA NGÀI PHẠM CÔNG TẮC	11
▪ TIẾT 2. ĐẠO CAO ĐÀI TRONG VÒNG XOÁY LỊCH SỬ... 15	
□ I. ĐỨC HỘ PHÁP BỊ PHÁP BẮT LƯU ĐÀY (1941–1959)	15
□ II. ĐỂ QUỐC NHẬT VÀO ĐÔNG DƯƠNG	17
□ III. NỘI ỨNG NGHĨA BINH HIỆP TÁC VỚI QUÂN ĐỘI NHỰT ĐẢO CHÁNH PHÁP	20
□ IV. PHÁP QUAY TRỞ LẠI ĐÔNG DƯƠNG.....	30
□ V. HIỆP ĐỊNH GENÈVE 20–7–1954 CHIA ĐÔI ĐẤT NƯỚC.....	33
□ VI. TÔN GIÁO CAO ĐÀI & HIỆP ĐỊNH GENÈVE....	35
□ VII. CHÍNH SÁCH HÒA BÌNH CHUNG SỐNG.....	38
□ VIII. ĐỨC PHẠM HỘ PHÁP TRIỀU THIÊN.....	41
□ IX. VIỆT NAM BỊ CHIA CẮT THÊM 20 NĂM (1955– 1975).....	46
□ X. LUẬT BÙ TRỪ CỦA TẠO HÓA.....	54
PHẦN II (TỪ CÂU 13 ĐẾN 20)	57
PHẦN III (TỪ CÂU 21 ĐẾN 32).....	61
▪ I. PHẬT VƯƠNG (MAITREYA BUDDHA).....	61
▪ II. GIÁNG MA XỬ (THE PESTLE OF THE	

DOMINATION OF DEMONS).....	63
▪ III. TÍN ĐỒ TRUNG KIÊN ĐỨNG NGÃ BA ĐƯỜNG	64
PHẦN IV (TỪ CÂU 33 ĐẾN 48).....	65
▪ TIẾT 1. THẾ CHIẾN THỨ BA CHẴNG?	65
▪ TIẾT 2. GIỮ NƯỚC HAY GIỮ ĐẢNG?	72
PHẦN V (TỪ CÂU 49 ĐẾN 60)	81
▪ TIẾT I. TÌM HIỂU VỀ ĐỒNG THÁP, BẢO GIANG	81
□ I. ĐẤT ĐỒNG THÁP	82
□ II. VƯƠNG QUỐC PHÙ NAM	84
□ III. NHỊ NƯƠNG ĐIỀU TRỊ CUNG	87
□ IV. BÀ LA MÔN GIÁO & PHẬT GIÁO PHÁT TRIỂN Ở PHÙ NAM	88
□ IV. DI TÍCH GÒ MINH SƯ-TAM THỂ PHẬT	92
▪ TIẾT II. BẢO GIANG LÀ SÔNG NÀO?	97
□ I. NGUYỄN BÌNH KHIÊM VÀ SỰ GẮN BÓ VỚI VIỆT NAM:.....	97
□ II. BẢO GIANG CÓ PHẢI LÀ SÔNG CỬU LONG? ...	105
PHẦN VI (TỪ CÂU 61 ĐẾN 76).....	109
▪ TIẾT 1. LƯU THỦY HÀNH VÂN & SỰ TÍCH BÁ NHA, TỬ KỲ.....	109
▪ TIẾT 2. SÔNG VỊ-TÍCH KHƯƠNG THÁI CÔNG.....	113
▪ TIẾT 3. MƯỢN THƠ THÁI BẠCH, NGỰ THUYỀN ĐỒNG PHA.....	115
□ I. THI TIÊN LÝ BẠCH.....	115
□ II. NGỰ THUYỀN ĐỒNG PHA	121
▪ TIẾT 4. TRĂNG TÀ, GÀ GÁY, SAO SA	123
PHẦN VII (TỪ CÂU 77 ĐẾN 100)	129

PHẦN VIII (TỪ CÂU 101 ĐẾN 120)	135
PHẦN IX (TỪ CÂU 121 ĐẾN 132)	137
PHẦN X (TỪ CÂU 133 ĐẾN 152).....	139
▪ TIẾT 1. ANH HÙNG DÂN TỘC NGUYỄN TRUNG TRỰC	140
□ I. TẤM LÒNG YÊU NƯỚC, THƯƠNG DÂN.....	140
□ II. THƠ TIÊN TRI CỦA NGÀI NGUYỄN TRUNG TRỰC.....	145
▪ TIẾT 2. HỒN LO GIẢI THOÁT, THÂN RIÊNG GIÚP ĐỜI	148
PHẦN XI (TỪ CÂU 153 ĐẾN 172)	151
▪ TIẾT 1. CƠ KHẢO THÍ.....	152
▪ TIẾT 2. KHÚC “HÁN SỞ CHIẾN TRƯỜNG”	154
▪ TIẾT 3. ĐƯỜNG VỀ TIÊN BANG.....	156
▪ TIẾT 4. MƯỢN BÀN KHÊ SÔNG VỊ BUỒNG CÂU.....	160
PHẦN XII (TỪ CÂU 173 ĐẾN 200)	169
▪ TIẾT 1. BÀN CỜ THẾ – BÀN CỜ TƯỚNG.....	170
▪ TIẾT 2. THẾ CHIẾN THỨ BA	175
KẾT LUẬN	181

LỜI DẪN

SẤM KÝ LÀ SỰ BÁO TRƯỚC SỰ CHUYỂN BIẾN CỦA thời cuộc, chỉ về những việc trong tương lai dành cho một hay nhiều dân tộc. Sấm thường viết dưới dạng văn vần. Nội dung báo trước thời cuộc, nhưng vì thiên cơ bất khả lậu nên các vị chỉ nói úp mở, hoặc dùng từ bóng gió xa xôi. Phải nhiều bộ óc tìm tòi suy gẫm mới hiểu được ít nhiều. Các vị vì thương sanh chúng mà báo trước lẽ thịnh suy để chúng ta theo đó mà xuất thế hay ở ẩn. Sấm ký vừa huyền diệu, vừa bí hiểm; việc tìm hiểu nó rất khó khăn vì tùy theo kiến thức và trực giác của người giải. Sấm ký có nhiều câu nhiều việc, lúc nó chưa xuất hiện tưởng như vô lý vô nghĩa. Khi việc xảy ra rồi mới thấy thật kỳ lạ, tuyệt vời. Có như vậy, sự khám phá Sấm ký mới gọi là một công việc hấp dẫn.

Nổi tiếng trong nước ta xưa giờ chỉ nhắc đến sấm Trạng Trình của cụ Nguyễn Bình Khiêm.

May mắn thay, trong thế kỷ hai mươi, nước Việt Nam xuất hiện các vị Chân sư như Phật Thầy Tây An, ngài Phạm Công Tắc, ngài Huỳnh Phú Sổ đã cho dân chúng biết vài lời tiên tri cho tương lai sắp đến. Mới nhất, chúng ta có SẤM PHÁP GIỚI gồm 200 câu thơ do một cao nhân tặng. Để tiện dẫn giải, chúng tôi chia làm 12 phần. Kiến thức chúng tôi có hạn, xin bạn đọc suy gẫm và góp ý thêm.

Các Đấng Thiêng liêng cho biết: “Đời có lúc, Đạo có thời; bỏ qua kỳ đại ân xá này sẽ không còn dịp nào khác nữa đâu. Vì vậy, đừng mê say vật chất phù du nữa. Chiến

tranh thế giới tất yếu sẽ đến gần. Hãy giác ngộ, lo lập công bồi đức. Hãy nghiêng vai nâng lấy Đạo nhà.

*Bến mê lắc léo con thuyền
Chở che khách tục cứu tuyến ngăn sông.
Ngăn sông cho chảy qua dòng
Hương về Bồng đảo thưởng công tu hành.
Làm cho rõ mặt tài anh,
Làm cho thế giới biết danh Cao Đài.”*

“Con nghe được tiếng than Sư Phụ...”

Kỷ niệm lễ vía 10-4 Ất Mùi (2015)

CHÁNH KIẾN CƯ SĨ

SUY GẪM SÁM PHÁP GIÁO

PHẦN I (TỪ CÂU 1 ĐẾN CÂU 12)

1. *Ngày qui vị nường nơi đất khách
Chiếu triệu hồi châu BẠCH NGỌC KINH*
Nhẹ tay phải sạch trần tình
Tường vân nường gót Thiên đình cao phi.*

5. *Tam thập lục niên y phổ giáo *
Thương giống nòi truyền đạo Tiên gia.
Nặng lòng tổ quốc sơn hà.
Tận tri như lực bốn ba mấy hồi.**

9. *Tuy biết thế yên ngôi sao nữ!
Đem xác thân che chở non sông.
Đã mang giòng máu Lạc Hồng,
Trong cơn quốc phá yên lòng được sao?*

Dẫn giải

PHẦN I. (từ câu 1 đến câu 12)

TIẾT 1. CUỘC ĐỜI HÀNH ĐẠO VÀ THIÊN TÍNH CỦA NGÀI PHẠM CÔNG TẮC

Đầu thập niên 1920, phong trào Thông linh học (Spiritisme) bắt đầu phổ biến tại Nam Kỳ. Vào khoảng tháng 7 năm 1925, ông cùng với các bạn hữu công chức gốc Tây Ninh là Cao Quỳnh Cư và Cao Hoài Sang cùng

thử nghiệm xây bàn tại nhà ông Cao Hoài Sang ở gần chợ Thái Bình, phố Hàng dừa (nay là đường Cống Quỳnh quận 1, Sài Gòn) để cùng nhau hòa nhạc hoặc ngâm thơ vịnh phú. Ông Cao Quỳnh Diêu cũng tình cờ đến chơi. Vốn là những thi sĩ chất chứa nơi tâm hồn nỗi căm hờn vì nước nhà bị đô hộ, các vị mượn thú xây bàn theo lối Thần Linh học Tây phương, mời vong linh những người quá vãng để cầu hỏi về vận mạng tương lai của tổ quốc.

Từ đó ba vị được một Đấng tự xưng là A Ẫ Ẫ, cùng các Đấng Thiêng liêng khác đến xuống hạ thi.

Ngày 10-11 Ất Sửu (25-12-1925): Đấng A Ẫ Ẫ xưng Cao Đài Thượng Đế

Đến đêm Noel năm 1925, Đấng A Ẫ Ẫ mới cho biết chính Ngài là Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế. Ngài đến để lập Đạo Cao-Đài. Thượng Đế xưng danh đầy đủ là:

**NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ viết CAO ĐÀI TIÊN ÔNG
ĐẠI BỔ TÁT MA HA TÁT GIÁO ĐẠO NAM PHƯƠNG**

Tại nhà ông Cư, Đức A Ẫ Ẫ thu nhận Ngài Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc và Cao Hoài Sang làm đệ tử: *“A Ẫ Ẫ Cao Đài đã hiểu lòng của ba đệ tử. Ngài đã ban đầy ân cho mỗi người. Đêm nay phải vui mừng vì là ngày của Thượng Đế xuống trần dạy đạo bên Thái Tây..”*

Trước đây Thượng Đế phải ẩn danh, xưng là A Ẫ Ẫ, hạ mình làm một Chơn linh thường để dễ bề gần gũi, cảm hóa đệ-tử. Từ đó, Đức Chí-Tôn thường giáng cơ dạy Đạo, thân nhận môn đồ. Và sau đó là dạy thành lập nền tôn giáo mới tại Việt nam. Đó là ĐẠO ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ, gọi tắt là Đạo Cao Đài.

Giờ Tý ngày rằm tháng 3 Bính Dần (26-4-1926),

tại nhà Ngài Lê Văn Trung ở Chợ Lớn (nay gần góc Châu Văn Liêm, Lão Tử), buổi lễ Thiên phong Chức sắc lần đầu tiên được tổ chức. Ba vị chức sắc rường cột cho Đạo được Đức Chí Tôn phong chức: bên Cửu Trùng Đài là nhị vị Đầu sư Thượng Trung Nhựt và Ngọc Lịch Nguyệt; bên Hiệp Thiên Đài có:



1. **PHẠM CÔNG TẮC:** HỘ PHÁP, Hộ Giá Tiên Đồng Tá Cơ Đạo sĩ.
2. **CAO QUỲNH CƯ:** THƯỢNG PHẨM, Tá Cơ Tiên Hạc Đạo sĩ.
3. **CAO HOÀI SANG:** THƯỢNG SANH

Có một điều hết sức đặc biệt trong trường hợp của Ngài Phạm Công Tắc, chưa thấy có trường hợp thứ hai, là khi Ngài Phạm Công Tắc đứng trên bàn Hộ pháp hôm rằm tháng 3 ấy, mặt Ngài đắp một tấm khăn đỏ, Ngài được Đức Chí Tôn (lúc này đã nhập thân vào Ngài Cao

Quỳnh Cư) trực Chơn thân ra, thay vào đó là Chơn thân của vị Hộ Pháp. Đây là trường hợp duy nhất trong tôn giáo Cao Đài. Trong cuộc lễ Thiên phong này, Đức Chí Tôn trực Thân của Phạm Công Tắc để đưa Chơn-Linh Hộ Pháp nhập vào xác thân của Phạm Công Tắc. Cũng kể từ đây, Ngài chánh danh chánh vị là Hộ Pháp của Hội Thánh, một chức phẩm vào hàng Phật vị. Danh vị Hộ pháp này mới xứng đáng để tất cả các chức sắc, từ nhị vị Đầu sư trở xuống phải quỳ trước mặt mà lễ, trong lời thể có câu cuối là: «*Như ngày sau phạm thiên điều, thể có Hộ Pháp hành pháp đọa tam đồ bất năng thoát tục.*»

23-9-Bính Dần (29-10-1926) Đức Chí Tôn trao quyền cho Đức Lý Thái Bạch làm Giáo Tông.

Đức Chí Tôn giao cho Đức Lý Thái Bạch là Nhứt Trấn Oai Nghiêm kiêm Giáo Tông Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ và dạy rằng: “*Vậy từ đây, quyền thường phạt đã giao vào tay Lý Thái Bạch. Các con liệu mình mà cầu rỗi nơi người. Thấy dạy dỡ, các con không nghe, đợi có hình phạt thì các con chịu lấy.*”

Ngày 15-10-Bính Dần (19-11-1926) cử hành Đại Lễ KHAI ĐẠO (Khai Tịch Đạo) tại chùa Gò Kén (Từ Lâm Tự, Tây Ninh). Buổi lễ này đánh dấu kết thúc giai đoạn Đức Thượng Đế giảng trần dùng cơ bút để độ dẫn chư Chức sắc Tiên khai từ hạnh đức đến hiểu biết biểu tượng và nghi lễ thờ phượng; pháp môn, tôn chỉ và triết lý cho nền tôn giáo mới. Ý nghĩa buổi đại lễ là chính thức ra mắt việc khai sáng mới Đạo Trời trước nhân sanh.

Ngày 3-10-Canh Ngọ (22-11-1930): Đầu Sư Thượng Trung Nhứt được phong Quyền Giáo Tông:

Đức Lý Giáo Tông hiệp với Đức Phạm Hộ Pháp ban hành 6 Đạo Nghị Định để chỉnh đốn nền Đạo. Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhựt được Đức Lý Giáo Tông chính thức ban quyền hành thay mặt cho Ngài mà thi hành các phận sự Giáo Tông về phần xác, còn phần thiêng liêng Đức Lý giữ.

13-10 Giáp Tuất (19-11-1934): Đức Quyền Giáo Tông đăng Tiên

13-10 Ất Hợi (8-11-1935): Đức Phạm Hộ Pháp chương quản Nhị Hữu hình đài

Kỷ niệm ngày mất của Đức Quyền Giáo Tông Lê văn Trung được tổ chức vào ngày 8-11-1935, đồng thời Đại Hội Nhơn Sanh gồm tất cả nhơn sanh và Hội Thánh nhóm họp tại Toà Thánh Tây Ninh vào ngày 8, 9, 10 tháng 11 năm đó, có hàng vạn tín đồ các nơi về tham dự. Toàn Đại Hội đã đồng thanh tín nhiệm Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc cầm quyền thống nhất Chánh Trị Đạo cho đến ngày có Đầu sư chánh vị. Đó là quyền Vạn Linh, một giải pháp tình thế. Tạm thời, Đức Lý giao Quyền Giáo Tông hữu hình cho Đức Hộ Pháp. Thế là, từ đó (1935), Đức Phạm Hộ Pháp Chương Quản Nhị Hữu Hình Đài, Hiệp Thiên và Cửu Trùng để lo xây dựng Chánh Pháp và Đạo sự đăng bảo tồn Chơn truyền diu dắt con cái Đức Chí Tôn trên đường Thánh Đức.

TIẾT 2. ĐẠO CAO ĐÀI TRONG VÒNG XOÁY LỊCH SỬ

I. ĐỨC HỘ PHÁP BỊ PHÁP BẮT LƯU ĐÀY (1941-1959)

Đạo Cao Đài là một tôn giáo được thành lập ở Việt Nam vào đầu thế kỷ XX, năm 1926. Từ Cao Đài theo

nghĩa đen chỉ “*một nơi cao*”, nghĩa bóng là nơi cao nhất ở đó Thượng đế ngự trị. Đó cũng là danh xưng rút gọn của Thượng đế trong tôn giáo Cao Đài, vốn có danh xưng đầy đủ là **Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát**.

Nhà nước Pháp tại Việt Nam cấm hành đạo Cao Đài triệt để. Họ đóng cửa Tòa Thánh, cấm xây dựng tiếp tục, đuổi hết công quả ra khỏi chùa, chiếm dụng Giáo Tông Đường (lúc này Đức Quyền Giáo Tông đã qui Tiên năm 1934), đem lính vào ở trong các dinh thự trong Nội ô Thánh Địa. Còn ở các Thánh Thất địa phương cũng bị hoàn cảnh giống như vậy. Quý vị chức sắc tâm huyết, đồng hội hợp với nhau tìm đường cứu Đạo. Ngày mùng 4 tháng 6 nhuận, năm Tân-Tỵ (27-7-1941), ĐỨC HỘ PHÁP PHẠM CÔNG TẮC bị nhà cầm quyền Pháp bắt đày đi Sơn La. Ngày 11 Tháng 7 Năm Tân-Tỵ (2-9-1941), Năm Vị Chức Sắc Đại Thiên Phong sau đây cũng bị bắt chung số phận và dẫn giải đến Djiring là một Quận nhỏ ở vùng Cao Nguyên Trung Việt:

1. Ông KHAI PHÁP TRẦN DUY NGHĨA, Thời Quân Hiệp Thiên Đài (Phẩm này tương đương với Đầu Sư Cửu Trùng Đài) bị bắt tại Saigon.
2. Ông TRẦN VĂN PHẤN (Giáo Sư THÁI PHẤN THANH), Chủ Trưởng Hội-Thánh Ngoại-Giáo Cao Đài tại Nam Vang, bị bắt tại đây.
3. Ông NGUYỄN THẾ TRỌNG, Ngọc Chánh Phối Sư bị bắt tại Tòa-Thánh Tây-Ninh.
4. Ông THÁI VĂN GẤM (Giáo Sư THÁI GẤM THANH), bị bắt tại Tòa-Thánh Tây-Ninh, liêu Đạo tại MADAGACAR, Ngày 20 tháng 8 Năm Nhâm Ngọ (29-9-1942).

5. Ông ĐỖ QUANG HIỂN, Sĩ Tài Hiệp Thiên Đài, Bí Thư của ĐỨC HỘ PHÁP, bị bắt tại Tòa-Thánh Tây-Ninh; mất tại Karianga MADAGACAR, ngày 14 Tháng 4 Năm 1943 (10-3. Quí-Mùi).

Ngày rằm tháng 7 Năm Tân-Tỵ (6-9-1941), tất cả đều bị đưa một cách bí mật xuống chiếc tàu “S/S Cao TOURANE” và từ đây, họ phải chịu số phận tù đày.

Cái tin Đức Hộ Pháp PHẠM CÔNG TẮC bị bắt gây náo loạn kinh khủng và gieo rắc một mối hỗn loạn vô cùng rộng giữa các giới Tín Đồ Cao Đài Giáo. Nhà Cẩm Quyền Pháp tiếp tục bắt bớ một cách phi lý chẳng có lệnh của Biện Lý hay Tòa Án nào cả. Các cuộc bắt bớ khám xét, đóng cửa các Thánh Thất, các cơ sở Phước Thiện ngày càng gia tăng, cho đến việc chiếm đóng Tòa-Thánh, là những hành tàng áp bức Đạo đến mức tột độ, giữa tình trạng nghiêm trọng như thế. Lịch Sử ĐẠO CAO ĐÀI đang phải gặp thời kỳ đau đớn nhất, đen tối nhất, kể từ ngày Khai Đạo cho đến nay. Sự bắt cóc Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc, Giáo Chủ Cao Đài Giáo và các Chức Sắc Thiên Phong đã ghi vào lịch sử một vết nhơ đen tối vì không chịu tuyên-bố lý do, không đem ra trước pháp đình để ánh sáng công lý soi tỏ để trấn an dân chúng, đồng thời giữ danh dự và thể thống cho nước Pháp.

II. ĐỂ QUỐC NHẬT VÀO ĐÔNG DƯƠNG

Chiến tranh thế giới thứ hai ảnh hưởng tới Việt Nam. Hòa ước giữa Nhật và Đông Dương (thuộc quyền bảo hộ của chính quyền Pháp thân Đức quốc xã do Philippe Pétain đứng đầu), được ký để cho phép quân đội Nhật đổ bộ vào Việt Nam.

Ngày 30 Tháng Tám, 1940 đại sứ Pháp tại Tokyo là Arsène Henry trước áp lực của Nhật Bản trong Hệ nhị Thế chiến thỏa thuận cho lực lượng 6000 quân đội của Đế quốc Nhật Bản tiến vào Đông Dương với điều kiện Nhật Bản phải tôn trọng chủ quyền của Pháp. Cuộc điều đình chưa kết thúc vì Nhật đòi tăng quân số lên 25000 lính nhưng vì thấy Pháp cố trì hoãn, Nhật Bản đơn phương tiến quân từ Trung Hoa qua biên giới Bắc Kỳ và chiếm lấy Lạng Sơn ngày 24 Tháng Chín. Hai bên giao tranh đến ngày hôm sau, 25 Tháng Chín, chính phủ Pháp chính thức chấp nhận mọi yêu sách, chấp nhận việc chiếm đóng cùng giao quyền điều hành những căn cứ quân sự cho quân đội Nhật.

Hai vị Luật sư PHAN HỮU PHƯỚC, VÕ VĂN NHƠN đã gửi cho các nhà cầm quyền Pháp, Bộ Tham mưu quân đội Nhật Bản, Lãnh Sự ngoại quốc, các báo chí và một số nhân sĩ ái quốc trong nước mỗi nơi một hồ sơ gồm các bản văn của hai vị Luật Sư Hiệp Thiên Đài, để báo động và yêu cầu can thiệp với Chánh quyền Pháp:

- Lý do bắt Đức Hộ Pháp, hiện câu lưu tại đâu để cho toàn Đạo hữu được rõ.
- ĐỨC HỘ-PHÁP PHẠM CÔNG TẮC, Giáo Chủ Cao Đài Giáo ngày nay có phải chịu số phận như Đức Chúa JESUS CHRIST ngày xưa chăng?
- Xin Chánh quyền vui lòng cho phép hai vị Luật Sư Hiệp Thiên Đài là : Phan Hữu Phước và Võ văn Nhơn, được theo Đức Giáo chủ hầu giúp đỡ Ngài trong buổi đồ lưu.

Ông Đại Tá Tư lệnh chỉ huy quân đội Nhật Hoàng tại Miền Nam rất lưu ý các văn thư của hai Ông Phước và

Nhơn, nghiêm chỉnh trao đổi ý kiến về thời cuộc. Cuối cùng Đại Tá trao cho nhị vị Luật Sự một bản tin tức tối mật của Ban giám điệp Nhựt Phủ Toàn Quyền báo cáo cho ông về việc Chánh Phủ Pháp bắt ĐỨC HỘ PHÁP Phạm Công Tắc, và nắm vị chức sắc Đại Thiên Phong của CAO ĐÀI TÒA-THÁNH TÂY-NINH. Bản báo-cáo như sau:

“Do lệnh tối cao của Toàn Quyền Đông-Dương là Ông DECOUX, ra lệnh cho sở mật thám Saigon bắt Ông PHẠM CÔNG TẮC, vì lý do tình nghi làm Quốc Sự có nguy hại đến nền cai trị của Chánh Quyền Pháp. Lúc mới bị bắt, Ông TẮC được đưa một cách bí mật đến Sơn-La (Bắc-Kỳ) để câu lưu và canh chừng nghiêm ngặt. Sau một tháng câu lưu tại Sơn-La, là một địa điểm đầy rừng thiên nước độc, khí hậu rất xấu thuộc vùng sơn cước thượng du Bắc Việt, Ông Phạm Công Tắc được di chuyển trở về Saigon, Chánh Quyền Pháp dấu kín Ông ở dưới một chiếc sà lan (Chaland) để chờ bắt thêm 5 vị Chức Sắc yếu trọng của Đạo Cao Đài là các ông: Trần Duy Nghĩa, Nguyễn Thế Trọng, Trần Văn Phấn, Thái Văn Gấm, và Đỗ Quang Hiến, để rời sang qua một chiếc tàu lớn, chở sáu Ông qua MADAGASCAR, câu lưu họ nơi đó một thời gian vô hạn định...”

Xem bản tin tối mật xong, hai vị Luật-Sự Phước và Nhơn, yêu cầu Bộ Tư Lệnh Nhựt can thiệp giúp Đạo... thì Đại Tá quân đội Nhựt đáp đại ý rằng: *“Chánh Phủ Nhựt-Bốn mới vừa ký Hiệp Ước với Chánh Phủ Pháp tại Đông Dương về việc Quân Sự mà thôi, còn việc bắt ĐỨC HỘ PHÁP, các Chức Sắc Cao Cấp khác của Đạo thì thuộc nội bộ Chánh Trị của Pháp. Theo nguyên tắc ký kết thì Bộ Tư Lệnh Quân Đội Nhựt chúng tôi không có quyền can thiệp. Tuy nhiên, chúng tôi rất lưu ý theo dõi, hiện giờ chúng tôi*

xin Quý Ông thông cảm và ân nhẫn chờ thời cơ thuận tiện, vì quyền hạn chúng tôi chưa cho phép hành động khác hơn, Và chúng tôi xin cảm ơn về tin tức quan trọng này mà hai Ông Luật Sư có nhã ý cho chúng tôi được rõ.... Chúng tôi mong được có sự cộng tác mật thiết giữa chúng ta, Nhật-Bổn và Việt-Nam vì quyền lợi chung của giống da vàng trong khối Đại-Đông-Á.”

III. NỘI ỨNG NGHĨA BÌNH HIỆP TÁC VỚI QUÂN ĐỘI NHỰT ĐẢO CHÁNH PHÁP

Với tin ĐỨC HỘ PHÁP PHẠM CÔNG TẮC, Giáo Chủ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ và một số Chức Sắc Đại Thiên Phong đang cầm quyền yếu trọng của Hội Thánh Cao Đài Tây Ninh bị bắt đi biệt tích (1941), Chánh phủ thực dân Pháp thời ấy đã ngang nhiên vi phạm công khai quyền tự do tín ngưỡng và hành Đạo mà Toàn Quyền ROBIN đã công bố cho Đạo CAO ĐÀI từ năm 1934. Bị đàn áp đến cực độ, nên tinh thần bất khuất của khối Tín đồ Cao Đài dầu kiên tâm nhẫn nại đến đâu cũng phải có phản ứng.

Đêm mừng 10 tháng 10 Nhâm Ngọ (1942), một đàn cơ tại Long Xuyên với sự hiện diện của các chức sắc:

- Giáo- sư Thượng Đức Thanh, Ngọc Non Thanh và Giáo sư Thượng Vinh Thanh
- Ba vị Giáo- hữu Thái Đến Thanh, Thái Hào Thanh, Thượng Cao Thanh.
- Ba vị Lễ- sanh Thượng Tý Thanh, Ngọc Hoai Thanh, Thượng Sang Thanh.

Đức Lý Đại Tiên và Đức Quyền Giáo Tông giảng

dạy đầy đủ chi tiết về tương lai của nền Đạo và giống nòi, giục thúc phải tức cấp lo cơ quan hiệp tác với Nhật cho ra thiết tướng.

Tuân theo lời dạy phụng sự Thiên cơ trong ván cờ nương thế Nhật đảo chánh Tây, quý vị trên tìm cách đảo ngược tình thế. Người Nhật can thiệp lập Hội Thánh tại Sài Gòn, đổi lại việc Giáo sư Thượng Vinh Thanh (Trần Quang Vinh), người tạm thời thay mặt Hộ pháp Phạm Công Tắc lãnh đạo các tín đồ Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh, sẽ tập hợp các tín đồ hợp tác với quân đội Nhật để chống Pháp. Khá đông tín đồ Cao Đài được tuyển làm nhân công của xưởng đóng tàu Nichinan của quân đội Nhật tại Nam Bộ. Một lực lượng bán vũ trang Cao Đài ra đời với tên gọi NỘI ÚNG NGHĨA BINH, dưới danh nghĩa được Hoàng thân Cường Để chỉ thị thành lập để liên minh với Nhật Bản.

Ngày 9 tháng 3 năm 1945, tại Sài Gòn, đại sứ Nhật Matsumoto trao cho Đô đốc Decoux một tối hậu thư đòi các lực lượng vũ trang Pháp phải được đặt dưới quyền chỉ huy của Nhật. Sau 2 giờ, khi nhận được câu trả lời của Decoux, người Nhật cho rằng ông này đã bác bỏ tối hậu thư của họ. Trong vòng 48 giờ, từ Đô đốc Decoux đến những viên chức Pháp thấp nhất đều bị tước quyền hành và bỏ tù hoặc bị tập trung lại. Ngày 9-3-1945 đánh dấu ngày Nhật đảo chính Pháp trên toàn Việt Nam và chấm dứt thời Pháp thuộc.

Trong ngày 09-3-1945 lịch sử đó, lúc 21 giờ đêm, toàn bộ «*Nội Ứng Nghĩa Binh*» dưới sự lãnh đạo của Giáo sư Trần Quang Vinh đã hành quân giải phóng đất nước từ Sài Gòn đến các tỉnh Nam Việt. Điểm đáng ghi

nhớ là với đức tin dũng mãnh vào quyền năng của Đức Lý Đại Tiên và Anh cả Đức Quyền Giáo Tông và chư vị thần linh, toàn bộ «*Nội Ứng Nghĩa Binh*» chỉ với tấm vòng vật nhọn và dây luyệt dùng trời lính Pháp. Cuộc binh biến chỉ xảy ra vài tiếng đồng hồ từ 21 giờ đến 0 giờ đêm cùng ngày đã không đổ máu và giành hoàn toàn thắng lợi. Quân Đội Cao Đài hình thành kể từ đó.

Ngay sau đó, theo chính sách Khôi Thịnh vượng chung Đại Đông Á, Đế quốc Nhật Bản bảo trợ thành lập chính phủ Việt Nam do quốc trưởng Bảo Đại đứng đầu với thủ tướng là Trần Trọng Kim. Chính phủ Trần Trọng Kim, chính phủ đầu tiên của nước gồm nhiều người tài đức được toàn dân kính mến. Đây là một chính quyền thực tế và chính danh từ tháng 3/1945 tuy bước đầu lực lượng quân sự còn non yếu. Chính phủ này không có thực quyền vì tài chính và nhân lực đều do quân Nhật nắm giữ. Vua Bảo Đại tuyên bố độc lập ngày 11 tháng 3 năm 1945, thu hồi chủ quyền, bãi bỏ các hiệp ước bảo hộ và mất độc lập với Pháp trước đây.

Từ tháng 4 năm 1945, Việt Nam rơi vào một tình trạng hỗn loạn do khoảng trống về quyền lực chính trị quá lớn. Người Nhật đang lo chống đỡ các đòn tấn công của quân đội đồng minh Anh-Mỹ. Cả chính phủ của Trần Trọng Kim lẫn triều đình của Bảo Đại đều không đủ lực lượng quân sự và uy tín chính trị để kiểm soát tình hình.

Ngày 6-8-1945 Mỹ ném trái bom nguyên tử đầu tiên xuống Hiroshima nước Nhật, tiếp theo sau đó là quả bom nguyên tử thứ hai được ném xuống Nagasaki. Ngày 18-8-1945 Nhật Hoàng tuyên bố đầu hàng Đồng Minh vô điều kiện. Chiến tranh thứ hai kết thúc, nước Việt

Nam cũng bị hệ quả dây chuyền của cuộc điện. Ngay sau khi Nhật Bản đầu hàng quân Đồng Minh, lực lượng Việt Minh đã tổ chức thành công cuộc Cách mạng tháng Tám.

Tại miền Nam, sau khi đảo chính Pháp, ngày 14-8-1945, Nhật cho phép Bảo Đại cử một Khâm sai đại thần nắm quyền cai trị tại Nam Kỳ đồng thời bổ nhiệm những người Việt thuộc Mặt trận Quốc gia Thống nhất vào các vị trí trong bộ máy chính quyền. Ngày 16-8-1945, người Việt tiếp quản Sài Gòn. Ngày 19-8-1945, Khâm sai Nguyễn Văn Sâm đến Sài Gòn. Nhật chuyển giao vũ khí cho chính quyền Việt Nam và các đảng phái thuộc MẶT TRẬN QUỐC GIA THỐNG NHẤT.

Ngày 19-8-1945, sau khi được biết ý định cướp chính quyền của Việt Minh, Vua Bảo Đại ra lời kêu gọi thế giới ủng hộ nền độc lập của Việt Nam và kêu gọi dân chúng ủng hộ vì nền độc lập của Việt Nam. Bảo Đại gửi điện cho Tổng thống Truman, vua George VI của Anh, Thống chế Tưởng Giới Thạch và tướng De Gaulle kêu gọi công nhận nền độc lập của Việt Nam

Trong cuộc họp ngày 22-8-1945 của Mặt trận Quốc gia Thống nhất, Trần Văn Giàu thuyết phục các đảng phái trong Mặt trận chuyển giao quyền lực cho Việt Minh vì Mặt trận có thể bị Đồng Minh xem là một tổ chức thân Nhật còn Việt Minh lại đang hợp tác với Đồng Minh (tình báo quân sự Mỹ OSS) chống Nhật. Ngày 23-8-1945, Mặt trận Quốc gia Thống nhất quyết định rút lui, nhường quyền lãnh đạo cho Việt Minh thành lập ỦY BAN HÀNH CHÍNH LÂM THỜI NAM BỘ do Trần Văn Giàu làm Chủ tịch. Sau đó, Ủy ban Hành chính Lâm thời Nam Bộ ra tuyên bố họ là bộ phận phía

Nam của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Ở Hà Nội, các phe cánh tả tổ chức biểu tình kêu gọi Bảo Đại thoái vị, thành lập nền cộng hòa dưới sự bảo trợ của Việt Minh. Việt Minh phát động công nhân, nông dân cướp chính quyền trên toàn quốc. Trước áp lực đó, Bảo Đại mời Việt Minh thành lập một chính phủ mới dưới quyền ông thay thế chính phủ Trần Trọng Kim.

Sáng ngày 23 tháng 8, hai phái viên của Việt Minh là Trần Huy Liệu và Cù Huy Cận đến cung điện Huế. Theo lời yêu cầu của hai ông này, chiều ngày 25 tháng 8, 1945, Bảo Đại đã đọc Tuyên ngôn thoái vị trước hàng ngàn người tụ họp trước cửa Ngọ Môn và sau đó trao ấn tín, quốc bảo của hoàng triều cho ông Trần Huy Liệu. Ông thoái vị với lý do sau:

“Hạnh phúc của dân Việt Nam, độc lập của nước Việt Nam, muốn đạt mục đích ấy, Trẫm đã sẵn sàng hy sinh hết tất cả mọi phương diện, và cũng vì mục đích ấy nên Trẫm muốn sự hy sinh của Trẫm phải có lợi cho Tổ quốc. Xét thấy điều bổ ích nhất cho Tổ quốc lúc này là sự đoàn kết toàn thể quốc dân, Trẫm đã tuyên bố ngày 22 tháng 8 vừa rồi rằng trong giờ nghiêm trọng này rằng đoàn kết là sống mà chia rẽ là chết. Nay thấy nhiệt vọng dân chủ của quốc dân Bắc bộ lên quá cao, nếu Trẫm cứ ngồi yên mà đợi Quốc hội thì không thể nào tránh khỏi nạn Nam Bắc phân tranh, đã thống khổ cho quốc dân lại thuận tiện cho người ngoài lợi dụng, cho nên mặc dầu Trẫm hết sức đau đớn nghi tới công lao Liệt Thánh vào sinh ra từ trong gần bốn trăm năm để mở mang giang sơn đất nước từ Thuận Hóa đến Hà Tiên, mặc dầu Trẫm hết sức bùi ngùi cho nỗi làm vua trong hai mươi năm mới gần gũi quốc dân được mấy tháng chưa làm

được gì ích lợi cho quốc dân như lòng Trẫm muốn, Trẫm cũng quả quyết thoái vị để nhường quyền điều khiển quốc dân lại cho Chính phủ dân chủ Cộng hòa...”.

Ông cũng yêu cầu chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa: *“Đối với các đảng phái đã từng phấn đấu cho nền độc lập quốc gia, nhưng không đi sát theo phong trào dân chúng, Trẫm mong chính phủ mới sẽ lấy sự ôn hòa xử trí để những phần tử ấy cũng có thể giúp vào việc kiến thiết quốc gia và tỏ rằng Chính phủ dân chủ cộng hòa nước ta đã xây đắp ở trên sự đoàn kết của toàn thể nhân dân.”*. Ông trở thành *“công dân Vinh Thuy”*. Trong bản Tuyên ngôn Thoái vị, ông có câu nói nổi tiếng *“Trẫm muốn được làm Dân một nước tự do, hơn làm Vua một nước bị trị”*.

Ngày 28 tháng 8, Chính phủ lâm thời Việt Nam dân chủ cộng hòa, tuyên cáo cho biết *“Chính phủ lâm thời không phải là chính phủ riêng của Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh (Việt Minh) như mọi người đã lầm tưởng”*. Ngày 2 tháng 9 năm 1945, Hồ Chí Minh tuyên bố Việt Nam thống nhất và độc lập với tên gọi nước VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA. Không có dấu hiệu của cuộc cách mạng vô sản tại Việt Nam. Khi Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thành lập, đa phần dân chúng miền Bắc chỉ biết Hồ Chí Minh mới từ nước ngoài về và là người đứng đầu nhà nước chứ không biết rõ thân thế của ông cũng như khuynh hướng cộng sản của Việt Minh. Họ cũng không có hiểu biết về chủ nghĩa cộng sản. Tuy nhiên, người dân cảm thấy tự hào và vui sướng vì Việt Nam đã giành được độc lập. Đa số dân chúng đều muốn thay đổi. Họ cảm thấy dễ chịu khi được người Việt cai trị hơn là người Pháp.

Trong thời gian đó, tình hình miền Nam rối loạn.

Ngày 19-11-1945 (Rằm tháng 10 âm lịch Ất Dậu), Thánh Thất Đạo Cao Đài tại Chợ Lớn bị lính Pháp bao vây, lục soát; tịch thu tất cả tài sản của Đạo trong Thánh Thất. Bốn đạo giữ Thánh Thất lần lượt bị bắt và Tây bắn chết xác đem bỏ ngoài đường. Ngày 9-10-1945, Giáo sư Trần Quang Vinh đưa gia đình về Sadéc, nhưng gần tới cầu Bình Điền (cách Saigon lối 15 cây số) thì bị Việt-Minh bắt và bị giam tại Cà Mau cùng với Vũ Tam Anh, Giáo sư Hồ Văn Ngà, Chủ tịch Việt Nam Độc lập Đảng.

Dưới sự bảo trợ của Anh, quân đội Pháp trở lại Việt Nam. Ngày 26-01-1946, ba ông cùng với số tù nhân khác phá khám thoát nạn. Sau khi thoát nạn Việt-Minh trở về tới Saigon thì đến 8-5-1946, Công An Pháp bắt ông Giáo-sư Trần Quang Vinh, Giáo-sư Thượng Trí Thanh, Giáo-Hữu Thái Đến Thanh, Lê-Sanh Thượng Tý Thanh, Lê-Sanh Ngọc Hoai Thanh, Luật-Sự Nguyễn Văn Hoa, Luật-Sự Võ Văn Nhơn, và chư đạo hữu nam nữ tất cả là 22 người. Tất cả bị giam vào bót công an đường Catinat (nay là đường Tự Do); sau đó bị tra tấn dã man. Trước tình hình đó, hai ngài Hiến Pháp và Bảo Pháp phò loan xin Ôn Trên chỉ dạy. Đức Quyền Giáo Tông giảng cho một bài tứ tuyệt, khoán thủ như sau:

*THƯỢNG tuấn liên Pháp bất liên Hoa,
TRUNG hạ Liên-Minh dĩ bất hòa.
NHỰT kiến QUANG VINH mưu xuất lộ,
Định tâm chư đệ khởi can qua.*

Thiên cơ chuyển thế nào mà sáng bữa sau, Luật Sự Võ Văn Nhơn, bị công an Pháp bắt giải vào bót Catinat, nhờ dịp này mà bốn bộ được hấp thụ ý nghĩa bài thi này, nhứt là câu đầu, dễ hiểu: ‘*Thượng tuấn liên Pháp bất liên Hoa*’,

thì ai cũng hiểu rằng trước hết phải liên hiệp với Pháp

Ngày 21-5-1946, Cò Bazin mời ông Trần Quang Vinh thảo luận chủ trương «*Pháp Việt để huê*». Với đức tin vào quyền năng vận hành của thiên liêng, từ bài Thánh giáo của Đức Quyền Giáo Tông Thượng Trung Nhật do luật sư Võ Văn Nhơn mang vào, cũng như căn cứ theo lời giảng dạy của Đức Bát Nương Điều Trì cung dạy Lê sanh Thượng Tý Thanh, toàn bộ Ban chỉ huy Quân Đội Cao Đài từ Giáo Sư Trần Quang Vinh đến tất cả nhân viên đều đồng thanh chấp thuận thỏa hiệp với bốn điều kiện:

1. Xin nhà cầm quyền Pháp trả Tòa Thánh Tây Ninh lại cho Đạo và mở cửa các Thánh Thất bị chính quyền Pháp đóng cửa.
2. Trả tự do cho những tín đồ bị bắt về lý do chánh trị.
3. Chánh quyền Pháp phải công nhận hẳn sự tự do tín ngưỡng.
4. Chánh quyền Pháp phải trả tự do cho Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc và 5 vị chức sắc đang lưu đày bên hải đảo Madagascar».

■ (*Hồi ký Trần Quang Vinh, trang 46 & 47*)

Chính quyền Pháp đồng ý các điều kiện trên và trả tự do cho toàn bộ Ban Chỉ huy Quân đội Cao Đài vào ngày 30-5-1946.

– Ngày 09-6-1946 hai bên ký thỏa ước Bính Tuất, gọi là «*Thỏa ước Menage-Vinh*». Pháp thực hiện đầy đủ các điều kiện đã cam kết. Chính quyền Pháp còn cho phép các lãnh thổ do Tòa Thánh Tây Ninh kiểm soát có quyền tự trị. Lực lượng vũ trang Cao Đài Tây Ninh được chính quyền Pháp bảo trợ và trang bị vũ khí, do Trung tướng

Trần Quang Vinh làm Tổng tư lệnh, Thiếu tướng Nguyễn Văn Thành làm Tham mưu trưởng, có vai trò như một lực lượng bổ sung (Forces supplétives), hỗ trợ quân Pháp. Hơn hai tháng sau, ngày 22-8-1946 (26-7. Bính Tuất), tàu thủy của Pháp đưa Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc từ Madagascar về đến Vũng Tàu. Sau đó ba vị chức sắc còn sống: quý ông Trần Duy Nghĩa, Nguyễn Thế Trọng và Trần Văn Phấn cũng được Pháp đưa về bằng chiến hạm đến Sài Gòn ngày 29-11-1946.

Ngày 30-8-1946 Đức Hộ Pháp về đến Tòa Thánh Tây Ninh với sự tiếp rước long trọng đúng theo nghi lễ một bậc giáo chủ, với sự có mặt của đại diện chính phủ Pháp các quan khách, toàn thể chức sắc chức việc, và tín đồ Cao Đài. Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc nắm lại quyền Chưởng Quản Nhị Hữu Hình Đài Hiệp Thiên và Cửu Trùng để điều hành cơ phổ độ Đại Đạo. Nhìn thấy quê hương tổ quốc bị chiến tranh tàn khốc, tâm can Đức Ngài rất đau xót. Khi nghe kể tới thoả ước ngày 9-06-1946 thì Đức Ngài có vẻ trầm ngâm, khá lâu rồi mới nói: *“Luật công-bình thiêng liêng của Tạo-Hóa, dầu muốn dầu không cũng không thể sửa cái đặng..., còn thiếu 2 năm 10 tháng mới may ra giải khổ ách cho dân tộc Việt-Nam dứt đặng...”*

Ý Đức Ngài muốn nói: hoàn cảnh thúc-bách đã tạo ra quân-đội để đưa Ngài về nước, nhưng cũng là cái nạn mà Ngài phải lưu vong sau nầy để nhận thay cái khổ cho nhân-sanh. Đức Ngài đã biết trước mọi lẽ, nhưng không thể cãi lại luật Thiên-điều. Chuyển sang việc Nội-Ứng Nghĩa-binh tham gia đảo chánh ngày 9-03-1945, Đức Ngài nói: *«Các em tham gia đảo chánh, thì tự nhận tương*

lai của mình, không em nào được vào lịch kỷ-niệm của Đạo, giống như chuyên viên đảo chánh Khương Thái Công, cũng không được vào lịch kỷ niệm».

Quân đội Cao-Đài do ông Trần Quang Vinh lập từ Nội-Ứng Nghĩa-Binh (1945), trong khi Đức Hộ-Pháp bị pháp giam cầm ở Madagascar, Phi châu. Thế nên Đức Ngài minh định: **Chỉ có quân đội Cao-Đài thi hành những điều đã ký với Pháp, còn toàn thể Đạo đứng trung lập.** Trong Huấn-từ khai mạc Đại-Hội ngày mùng 1 tháng 12 năm Bính-Tuất (1946), Đức Ngài nói: “*Đã trót năm năm dư, Bản-Đạo bị đờ lưu nơi hải ngoại, đã từng chịu biết bao nhiều là sự khổ tâm hôn, nỗi lo cho tương lai Đạo, nỗi sợ cho vận nước tránh không khỏi cái nạn chiến-tranh loạn ly. Con hạc lạc hồi quê, nhìn không nhớ tổ, xem nước non đổi vẻ thay màu, thăm thiết nơi lòng, tuông châu đồ ngọc, muốn kêu một tiếng nỉ non giục kẻ tri âm tri kỷ cùng Bản-Đạo, ngoài ra chú hiền hữu, hiền muội. Tưởng khi các bạn có lẽ tội nghiệp cho con hạc linh này mà để tai lóng tiếng. Vậy Bản-Đạo cúi mình cậy các bạn một điều rất thiết yếu là hòa giọng yêu thương cùng con hạc lạc này, đừng giục lòng bác ái đến cảnh an nhơn thiên-liêng cho toàn sanh chúng. Vừa để gót về Tổ đình thì đã quên mảnh thân tiểu tụy hao mòn, vội cầu Đạo đặng sửa đường cho đẹp về chân truyền, nên tức cấp mở Hội-Nghị Nhơn-Sanh đặng phục vụ quyền Vạn-Linh như trước.*”

Đức Hộ-Pháp giảng: “**Nếu hạn phiền ấy theo tâm lý thường tình thì có gì quan-hệ đâu. Trái lại trong thi hài của Phạm Công Tắc còn có một vị làm chủ của nó nữa là Hộ Pháp; quyền của Hộ-Pháp mạnh mẽ hơn. Phạm-Công-Tắc là con ngựa để cỡi mà thôi, còn Hộ**

Pháp là người cỡi, nên con ngựa không thể không tuân mạng lệnh của chủ nó được. Hộ-Pháp có một phần, mà Phạm Công Tắc có một phần; Phạm-Công-Tắc là Tôi, còn Hộ-Pháp là quyền năng của Chí Tôn”

■ (Mùng 1 tháng giêng năm Mậu Tý/10-02-1948)

Với nghị lực cương quyết cứu vãn tình thế đen tối cho dân, cho nước; để tránh cảnh thệt rơi máu đổ của nòi giống, Đức Ngài thống nhất các đảng phái, thành lập MẶT TRẬN THỐNG NHẤT TOÀN LỰC QUỐC GIA làm hậu thuẫn cho giải pháp “Bảo Đại” để tranh đấu buộc nước Pháp phải trao trả chủ quyền độc lập lại cho Việt Nam. Giáo Sư Trần Quang Vinh được Đức Hộ Pháp ủy quyền thay mặt Đạo giao thiệp với nhà đương cuộc Pháp và đồng thời giữ chức Tổng Tư lệnh Quân đội Cao Đài dưới lá cờ Bảo Sanh Nhơn Nghĩa Đại Đồng.

IV. PHÁP QUAY TRỞ LẠI ĐÔNG DƯƠNG

Theo Hội nghị Potsdam, lực lượng Đồng Minh gồm quân Anh và quân Trung Quốc vào Việt Nam để giải giáp vũ khí Nhật. Mỹ đồng ý cho quân đội Tưởng Giới Thạch vào miền Bắc giải giáp quân đội Nhật. Quân đội Trung Hoa Dân quốc vẫn để Chính phủ Hồ Chí Minh đóng tại Bắc Bộ Phủ và cộng tác với họ suốt thời gian đóng quân tại Việt Nam nhưng Trung Hoa Dân quốc không công nhận tính hợp pháp và thiết lập quan hệ ngoại giao chính thức với Chính phủ này. Ông không có ý định dính líu vào cuộc đấu tranh giành độc lập của Việt Nam.

Tại miền Nam, lực lượng Anh do Thiếu tướng Douglas D. Gracey chỉ huy đổ bộ vào Sài Gòn để thực hiện nhiệm vụ giải giáp quân Nhật. Lực lượng Anh có

nhiệm vụ chiếm giữ các bộ chỉ huy của Nhật Bản và vùng Sài Gòn Chợ Lớn, giúp đỡ tù binh và tù dân sự, giải giáp và tập trung quân Nhật, duy trì luật pháp và trật tự, chỉ huy các quân nhân Pháp tại miền Nam. Tuy nhiên, lực lượng này không có trách nhiệm giữ trật tự ngoài các khu vực được phân công nếu nhà chức trách Pháp không yêu cầu và phải được sự đồng ý của Tổng Tư lệnh Tối cao quân đội Đồng Minh. Việc giữ trật tự tại các khu vực ngoài tầm kiểm soát của quân Anh sẽ do quân đội Nhật phụ trách. Ngày 8-9-1945, Trần Văn Giàu ra lời kêu gọi nhân dân Nam Kỳ cộng tác với quân đội Đồng Minh theo chủ trương của Hồ Chí Minh. Trong thời điểm đặc biệt khó khăn cần sự đoàn kết giữa các lực lượng chính trị tại Việt Nam thì Việt Minh và các đảng phái, tôn giáo khác như Việt Nam Quốc dân Đảng, Đại Việt Quốc dân đảng, Việt Nam Cách mệnh Đồng minh Hội, những người Trotskyist, Bình Xuyên, Hòa Hảo, Cao Đài... bị chia rẽ rất nghiêm trọng. Các phe phái đã dùng vũ lực để tiêu diệt lẫn nhau

Ngày 23-9-1945, với sự giúp đỡ của quân Anh, quân Pháp nổ súng chiếm quyền kiểm soát Sài Gòn (sau được Việt Nam gọi là ngày Nam Bộ Kháng chiến). Nước Việt Nam vừa giành được độc lập đã phải đối đầu với quân đội nước ngoài. Khi Pháp tái chiếm Nam Bộ, các nhóm lực lượng vũ trang Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh tham chiến tại các mặt trận số 1 và số 2, chiến đấu ở mặt Đông và Bắc Sài Gòn. Đặc phái viên Trung ương Nguyễn Bình vào Nam, tổ chức hội nghị An Phú Xã, thống nhất tổ chức các đơn vị vũ trang thành các chi đội Vệ Quốc đoàn. Tuy nhiên, trước sức mạnh của quân Pháp, các mặt trận nhanh chóng tan vỡ. Nhiều đơn vị vũ trang tan rã. Một

số chức sắc cao cấp và chỉ huy quân sự Cao Đài đã đưa lực lượng của mình rút về Tây Ninh và tự xây dựng các căn cứ để bảo vệ Tòa Thánh Tây Ninh. Hành động này là lý do để Việt Minh lên án các tín đồ Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh là phản bội. Một vài cuộc xung đột đẫm máu đã nổ ra bắt nguồn từ những tín đồ Cao Đài và các phần tử Việt Minh quá khích. Hàng ngàn tín đồ Cao Đài bị Việt Minh giết.

Ngày 3–6–1946 thành lập Cộng hòa Tự trị Nam Kỳ với bác sĩ Nguyễn Văn Thỉnh thân Pháp làm Thủ tướng. Mục đích của Pháp là tách Nam Kỳ ra khỏi Việt Nam thống nhất. Phía Việt Minh sẵn sàng đối thoại và thỏa thuận với phía Pháp để Pháp công nhận Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, lấy đó làm điểm xuất phát cho quá trình Pháp dần trao trả độc lập cho Việt Nam. Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ký với Pháp Hiệp định sơ bộ Pháp-Việt (1946) cho phép Pháp đưa quân vào miền Bắc đổi lại Pháp công nhận Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là trong Liên bang Đông Dương thuộc khối Liên hiệp Pháp. Trong khi đó, Pháp ký Hiệp ước Hoa-Pháp thỏa thuận với Trung Hoa ngày 28 Tháng Hai 1946 để Quân đội Trung Hoa rút khỏi phía bắc vĩ tuyến 16 nhường chỗ cho Pháp đại diện phe Đồng Minh giải giới Quân đội đế quốc Nhật Bản.

Ngày 5 tháng 6 năm 1948, Bảo Đại và Bollaert ký kết Hiệp định tại Vịnh Hạ Long trong đó Pháp tuyên bố “*trình trọng công nhận nền độc lập của Việt Nam*”, nhưng Pháp giữ lại quyền kiểm soát công tác đối ngoại và quân đội; việc chuyển giao các chức năng khác của chính phủ sẽ được giải quyết ở các cuộc thương lượng sau. Chính quyền Pháp tuy ký nhưng không thực lòng trao trả nên

quốc gia Việt Nam chẳng được độc lập gì. Sau đó, Bảo Đại sang Châu Âu. Ngày 25-8-1948, Bảo Đại báo cho phía Pháp biết ông sẽ không về nước nếu chế độ thuộc địa ở Nam Kỳ không bị hủy bỏ.

Ngày 8 tháng 3 năm 1949, Tổng thống Pháp Vincent Auriol và Cựu hoàng Bảo Đại đã ký Hiệp ước Elysée, thành lập Quốc gia Việt Nam là quốc gia độc lập hội viên trong khối Liên hiệp Pháp, đứng đầu là Quốc trưởng Bảo Đại. Tuy nhiên, chính quyền Quốc gia Việt Nam non trẻ rất yếu ớt do các quyền quan trọng về quân sự, tài chính và ngoại giao đều do người Pháp nắm giữ và quyền hành cao nhất ở Đông Dương trên thực tế là Cao ủy Đông Dương của Liên hiệp Pháp.

Đến đây, một câu hỏi được đặt ra là vì sao Pháp và Vương quốc Campuchia ký hiệp ước chấp thuận Vương quốc Campuchia là quốc gia tự trị, thành viên Liên hiệp Pháp (ngày 7-1-1946) và một hiệp ước tương tự được ký với Vương quốc Lào (ngày 27-8-1946); còn dân tộc Việt Nam cứ phải chiến đấu, phải đổ máu tiếp tục? Ai đã thọc gậy vào bánh xe, xin để lịch sử phán xét.

V. HIỆP ĐỊNH GENÈVE 20-7-1954 CHIA ĐÔI ĐẤT NƯỚC

Trước khi Hiệp ước Genève ký kết, Pháp đã ký riêng với Chính phủ Bảo Đại một hiệp ước khác vào ngày 4 tháng 6 năm 1954 công nhận Quốc gia Việt Nam hoàn toàn độc lập. Chính phủ này sẽ không còn bị ràng buộc bởi những hiệp ước do Pháp ký kết. Sau thất bại Điện Biên Phủ (7-5-1954), chẳng những Pháp thay lãnh đạo ở Đông Dương, mà thay luôn cả chính phủ Pháp ở Paris. Nội các Joseph Laniel từ chức ngày 13-6-1954, và Mendès-France,

người Pháp gốc Do Thái, thuộc đảng Xã Hội Cấp Tiến (Socialiste Radical), được mời lập chính phủ. Điều trần trước Quốc Hội Pháp, Mendès-France tuyên bố sẽ giải quyết vấn đề Đông Dương trong vòng bốn tuần lễ. Nói cách khác, với ý nguyện của Quốc Hội Pháp, chính phủ Mendès-France quyết định bỏ rơi Quốc Gia Việt Nam, và bằng mọi giá ký kết hiệp ước đình chiến, rút quân Pháp ra khỏi Đông Dương. Pháp bèn thương thuyết với Việt Minh mang danh nghĩa kháng chiến, để chia đôi đất nước tại vĩ tuyến 17 bởi Hiệp Định GENÈVE, ký kết giữa hai phe ngày 20-7-1954, lấy sông Bến Hải làm ranh giới. Danh xưng chính thức đầy đủ của hiệp định Genève về Việt Nam là Hiệp định đình chỉ chiến sự ở Việt Nam. Hiệp định này được viết bằng hai thứ tiếng Pháp và Việt, có giá trị như nhau. Hai nhân vật chính ký vào hiệp định Genève là thiếu tướng Henri Delteil, thay mặt Tổng tư lệnh Quân đội Liên Hiệp Pháp ở Đông Dương và Tạ Quang Bửu, thứ trưởng Bộ Quốc phòng chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa (VNDCCH tức Việt Minh cộng sản). Đại diện các nước khác cùng ký vào hiệp định Genève còn có Anh, Liên Xô, Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa (Trung Cộng), Lào, Cambodia. Hiệp định đình chỉ chiến sự ở Việt Nam (gọi tắt là hiệp định Genève) gồm có 6 chương, 47 điều, trong đó điều khoản chính như sau: Việt Nam được chia thành hai vùng tập trung, ranh giới tạm thời từ cửa sông Bến Hải, theo dòng sông, đến biên giới Lào Việt. (Cửa sông Bến Hải tức Cửa Tùng, thuộc tỉnh Quảng Trị. Sông Bến Hải ở vĩ tuyến 17 nên người ta nói nước Việt Nam được chia hai ở vĩ tuyến 17.)

Ngày 10 tháng 10 năm 1954, quân Pháp chính thức

rút khỏi Hà Nội, Quân đội Nhân dân Việt Nam vào tiếp quản Hà Nội. Thời kỳ hòa bình tại miền Bắc Việt Nam bắt đầu. Ở miền Nam, quân đội Pháp rút đi và trao quyền lực cho chính quyền Quốc gia Việt Nam. Phái đoàn Quốc gia Việt Nam tham gia đàm phán đã từ chối ký và không công nhận Hiệp định Genève, đồng thời ra Tuyên bố Hiệp định Genève chứa *“những điều khoản gây nguy hại nặng nề cho tương lai chính trị của Quốc gia Việt Nam”* và *“không tôn trọng nguyện vọng sâu xa của dân Việt”*, bởi Bộ Tư lệnh Pháp đã *“nhường cho Việt Minh những vùng mà quân đội quốc gia còn đóng quân và tước mất của Việt Nam quyền tổ chức phòng thủ”* và *“tự ấn định ngày tổ chức tuyển cử mà không có sự thỏa thuận với phái đoàn quốc gia Việt Nam”*. Tuyên bố cũng cho biết Quốc gia Việt Nam sẽ tự dành cho mình quyền hoàn toàn tự do hành động để bảo vệ quyền thiêng liêng của dân tộc Việt Nam trong công cuộc thực hiện Thống nhất, Độc lập, và Tự do cho xứ sở.

Phái đoàn Hoa Kỳ cũng từ chối ký Hiệp định và tuyên bố không bị ràng buộc vào những quy định ấy. Trong tuyên bố của mình, đối với vấn đề tổng tuyển cử thống nhất Việt Nam, chính phủ Mỹ nêu rõ quan điểm *“tiếp tục cố gắng đạt được sự thống nhất thông qua những cuộc tuyển cử tự do được giám sát bởi Liên Hiệp Quốc để bảo đảm chúng diễn ra công bằng”*.

VI. TÔN GIÁO CAO ĐÀI & HIỆP ĐỊNH GENÈVE

Ngày 28/5/1954 tại điện Elysées, Bộ Trưởng Ngoại giao ông Mecheri tiếp đón phái đoàn Cao Đài dưới sự hướng dẫn của Đức Hộ Pháp trong nghi lễ Quốc khách. Tổng Thống Pháp René Coty và Thủ Tướng Laniel bắt tay chào

mừng Đức Hộ Pháp và đoàn tùy tùng. Hội nghị ra thông cáo chung đồng thuận tìm một giải pháp Việt Nam tự trị. 29/5/1954 vào lúc 17 giờ tại Hôtel Georges V Paris, Đức Hộ Pháp mở cuộc họp báo dành riêng cho báo giới và ký giả phỏng vấn về tôn giáo Cao Đài và tình hình Việt Nam hiện tại cũng như trong tương lai.

5/6/1954 Toàn đạo tổ chức mừng sinh nhật Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc 60 tuổi tại Hộ Pháp Đường. Có trên 60 Đại sứ khắp nơi trên thế giới đến Tòa Thánh Tây Ninh để chúc thọ Đức Hộ Pháp. Nhân ngày lễ Lục tuần Đức Hộ Pháp gửi đến các Đại sứ một thông điệp kêu gọi *“Nhân loại hãy hướng về thế giới vì Công bình, hạnh phúc và hỗ trợ cho Việt Nam sớm được độc lập”*.

15/7/1954 Đức Hộ Pháp cùng phái đoàn Cao Đài đến Thụy Sĩ, do Cựu Hoàng Bảo Đại nhờ Ngài thay mặt, dự Hội nghị Genève. Phái đoàn Cao Đài có nhiệm vụ dung hòa và kêu gọi đôi bên VNDCCH và VNCH hãy hy sinh quyền lợi phe phái để tự giải quyết cho dân tộc hòa bình, tránh cảnh chia đôi đất nước; Đức Hộ Pháp không muốn lịch sử dân tộc Việt Nam lặp lại lần thứ hai như Trịnh-Nguyễn. Cuộc nội chiến Trịnh – Nguyễn (1627–1672) kéo dài 45 năm và đất nước bị chia cắt bởi dòng sông Gianh. Còn vì sao Ngài ủng hộ giải pháp Bảo Đại? Mặc dầu Cựu Hoàng Bảo Đại đã cấm đoán Đạo Cao Đài hồi thời Pháp đô hộ làm cho Đạo chịu nhiều khổ nạn. Nhưng Đức Hộ Pháp chỉ nghĩ đến quyền lợi của đất nước mà thôi. Sở dĩ Ngài đưa ra giải pháp Bảo Đại buổi đó là Ngài nhận thấy rằng nhà Nguyễn đã cùng với Pháp ký hai Hiệp ước 1862 và 1884 giao quyền bảo hộ nước Việt Nam cho Pháp. Nhưng Pháp đã bất lực không bảo vệ nổi để Việt Nam rơi

vào tay Nhật, đương nhiên hai Hiệp ước kể trên không còn hiệu lực. Đức Hộ Pháp thường nói: *Ngài chủ trương thương thuyết nhưng Ngài chưa có tư cách pháp lý ký kết với Pháp. Cựu Hoàng Bảo Đại mới có đủ tư cách đòi lại độc lập trong tay Pháp, rồi phải giao lại cho quốc dân quyết định thể chế cho Việt Nam.*

Kết quả: Pháp đã ký hai bản Hiệp ước Pháp-Việt vào ngày 4-6-1954.

- Thoả ước Độc lập, ký ngày 4-6-1954, nhìn nhận nước Việt Nam hoàn toàn độc lập, có đầy đủ chủ quyền trước Công Pháp quốc tế.
- Hiệp ước thứ hai là Hiệp ước liên kết Việt-Pháp mà Pháp có nhã ý làm món quà tặng nhân dịp lễ Sinh nhật của Đức Hộ Pháp mồng 5 tháng 5 âm lịch tại Paris.

Còn vấn đề chia cắt nước Việt Nam, khi nghe tin Pháp và Việt Minh đã thoả thuận. Đức Hộ Pháp có tuyên bố với Pháp-Tấn xã A. F. P do báo “*Journal d’Extreme Orient*” đăng tại Saigon ngày 3-7-1954 như sau:

“Bằng lòng cắt hai nước Việt Nam là chấp nhận sự bại trận. Trong trường hợp Pháp và Việt Minh thoả thuận phân chia như vậy, thì chúng tôi những người quốc gia Việt Nam sẽ phải chiến đấu cả hai mặt vừa đánh Pháp vừa đánh Việt Minh”.

- *(Hồi ký của Trần Tấn Quốc trong Báo Đuốc Nhà Nam)*

Đức Hộ Pháp Phạm Công Tác thay mặt Quốc Trưởng Bảo Đại và tín đồ đã tuyên bố tại Liên Hiệp Quốc: *“Nếu Việt Minh và Pháp tuân lệnh ngoại bang chia nước Việt Nam làm hai mà không có sự chấp thuận*

của toàn dân Việt Nam thì Bản đạo chống cả hai hết”.

Lời tuyên bố cương quyết vì thương yêu dân tộc Việt Nam vô bờ bến của Đức Hộ Pháp, nay vẫn còn lưu trữ tại thư viện Liên Hiệp Quốc Genève. Lời Tiên tri của Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc tại Genève như sau:

“Hôm nay là ngày khởi đầu cho nội chiến, rồi đây dân tộc Việt Nam sẽ nghèo khó nhứt trên thế giới bởi không có thời gian để phát triển đất nước. Lẽ ấy, chúng ta là con dân Đạo phải hy sinh vì dân tộc mà không hổ với Tổ Tiên”.

Lời tiên tri ấy đã thành sự thật. Hiệp ước đình chiến được ký trong thời gian ngắn thì đất nước bắt đầu trảm mình vào cuộc nội chiến Huynh-đệ tương tàn triển miên.

VII. CHÍNH SÁCH HÒA BÌNH CHUNG SỐNG

13/02/1955 Thủ Tướng Ngô Đình Diệm đọc diễn văn khai mạc lễ Quốc gia hóa quân đội Cao Đài Liên Minh chính thức sát nhập vào Quân đội Quốc gia Việt Nam. Những tướng như thế đã yên, nhưng chính sách kỳ thị tôn giáo của chính phủ Ngô Đình Diệm đã dùng tiền và quyền chức để mua chuộc các tướng lãnh quân đội Cao Đài trước đây quay về phản Thầy, phản Đạo.

9/1955 Tổng Tư Lệnh Quân Đội Cao Đài Nguyễn Thành Phương ra sức tăng cường, bao vây siết chặt Nội ô Tòa Thánh Tây Ninh và thành lập Ủy Ban Thanh Trừng, bắt Chức sắc, Tín đồ giam cầm và bắt tín đồ Nữ phái câu lưu tra tấn ép buộc khai theo hồ sơ ngụy tạo nội dung nhiều điều khiếm nhã cho Đức Hộ Pháp.

14/02/1956 Ngô Đình Diệm ra lệnh cho Trung Tướng

Nguyễn Thành Phương bao vây Tòa Thánh Tây Ninh, bắt giam ngục Chức sắc Thiên phong, các sĩ quan cao Đài còn trung thành với Đạo với oai quyền của Quân Đội Quốc gia, cùng tổ chức Ban ám sát đặng giết chóc con cái của Đạo.

16/02/1956 Không thể để cho cảnh tương tàn, máu đổ giữa đồng-đạo và làm cơ cho cường-quyền Ngô Đình Diệm chiếm Tòa-Thánh, Đức Ngài ra *"Bản Tuyên-Ngôn"* có câu: *"Cơ Đạo trải qua hồi biến chuyển, Bản-Đạo khuyên cả con cái Đức Chí-Tôn bình tĩnh, sáng suốt, chờ Hội-Thánh giải quyết"*. Đức Ngài cũng nói với các cấp chỉ-huy quân-đội: *"các con là lửa Tam-Muội. Lửa dữ trừ được Ma vương mà cũng có thể đốt thiêu luôn Tòa-Thánh"*.

Với ý định gỡ cho kỳ được ách nô lệ mà đồng bào đang mang nặng, ĐỨC HỘ PHÁP lưu vong qua Phnom Penh (Cambodge) ngày 5 tháng Giêng năm Bính-Thân (16-2-1956). Đây là xứ trung lập, mới có thể đề xướng Chính sách *"HÒA BÌNH CHUNG SỐNG"* hầu chấm dứt cuộc chiến tranh phi nghĩa giữa giống nòi. Ngài tiếp tục hành Đạo và phát triển Đạo ở ngoại quốc.

Ngày 20-03 Bính-Thân, trên đất Cao-Miên, Đức Phạm Hộ-Pháp đưa ra Bản Tuyên-Ngôn xác nhận rõ việc lập quân-đội Cao-Đài như sau:

"Sau 5 năm 2 tháng bị đờ lưu nơi hải ngoại, Bản-Đạo để hết sức lực và tâm não đặng nghiên-cứu và thi-hành các phương-pháp bảo-vệ phong trào cách-mạng và giải ách lệ thuộc giống nòi, lại tìm phương hay bảo thủ tinh-thần dân-tộc, hầu đủ phương thống nhất hoàng đờ, tránh nạn Nam Bắc phân tranh, nổi da xáo thịt... Khi Đức Bảo-Đại về nước, chính Bản-Đạo giao trọn quyền sử dụng quân-đội Cao-Đài cho Đức Ngài điều khiển trong hàng ngũ quân"

lực quốc-gia. Khi Đức Ngài đi Pháp, tạm giao quân-lực ấy lại cho Bản-Đạo, trong lúc vắng mặt Đức Ngài, Bản-Đạo đã ra lệnh cho hai Chánh-Phủ Nguyễn văn Tâm và Bửu-Lộc thi-hành hợp-pháp quốc-gia-hóa quân-đội Cao-Đài. Nhưng sự thi-hành ấy vẫn kéo dài cho tới chánh-phủ Ngô Đình Diệm thọ phong toàn quyền cũng chưa quyết-định. Bản-Đạo phải nhắc nhở và yêu cầu chánh-phủ Ngô Đình Diệm quốc-gia-hóa quân-đội Cao-Đài một cách hợp pháp.

“Bản-Đạo không buổi nào muốn giải quyết vận-mạng nước nhà với quân-lực, mà chỉ dùng phương-pháp đạo-đức, đặng đem hòa-bình hạnh-phúc cho giống nòi”.

Tại Nam Vang, Ngày 26-03-1956, Đức Hộ-Pháp ban hành **“Chánh-Sách Hòa-Bình Chung Sống”**; **do dân, phục-vụ dân, lập quyền dân**. Cương-lĩnh gồm ba điểm chánh-yếu:

1. Thống nhất lãnh-thổ và khối dân tộc Việt-Nam với phương-pháp ôn-hòa.
2. Tránh mọi cách xâm phạm nội-quyền Việt-Nam.
3. Xây dựng hòa-bình hạnh-phúc và tự-do dân-chủ cho toàn dân.

Chánh-sách này không làm ngăn trở một chánh-quyền nào, mà cũng không tranh lấy chánh-quyền, không chống báng chánh-quyền, cốt chỉ để cứu nhơn-loại khỏi vòng tội lỗi giết hại lẫn nhau đúng với tiêu-chuẩn nhơn nghĩa của một Tôn-giáo. Đức Ngài gửi cho Liên Hiệp Quốc, các Đại Cường Quốc và Chánh Phủ hai Miền Nam Bắc Việt-Nam nhiều Thông-Điện, kêu gọi đem tình thương xóa bỏ hận thù, đem Bác-Ái Công-Bình làm phương châm

giao tế. Nếu lãnh đạo các phe làm chiến biết nghe theo sáng kiến của Đức Ngài thì xương máu của chúng sanh tại Đông Dương đã không phải đổ!

Thư khuyên nhủ của Đức Hộ Pháp viết từ Nam Vang (trích đăng):

“Bản Đạo tự lưu đày qua Miên quốc vì muốn tránh cho giống dòng dân tộc Việt Nam khỏi cái cảnh của giống dân Do Thái trước đây bị tiêu diệt mất nước... Bản Đạo cảm không có một vị chức sắc nào đủ quyền sửa đổi luật lệ của Đạo Cao Đài... Hãy chờ đến ngày nào có một Hội thánh đầy đủ uy quyền hiệp cùng Nhơn sanh cầu nài xin Chí Tôn sửa đổi mới hợp pháp. Bằng không, cả con cái Đức Chí Tôn bất tuân không thi hành việc sửa đổi của một người hay một nhóm nào đó. Bản đạo ước vọng cả con cái Đức Chí Tôn khôn ngoan giữ Đạo như thế đó đừng bảo tồn mỗi Đạo Cao Đài đến thất ức niên không ra phạm giáo...”

Bản đạo thấy một điều rất ngộ nghĩnh: Đức Đại Từ Phụ muốn đem con cái của Người về ngôi vị bằng cách ở nơi mặt thế này phải chịu đựng nhiều đau khổ, chịu nhục nhã đó vậy...”

VIII. ĐỨC PHẠM HỘ PHÁP TRIỀU THIÊN

*Bao năm chìm đắm biển công-danh,
Chí muốn bay cao dạ chẳng thành.
Đêm thấy Thân Nhơn về báo mộng,
Ban lời Ngọc-chỉ của Thiên-Đình.*

Một sáng vào tháng tám năm Bính-Thân (1956), Đức Hộ-Pháp gọi ông Hồ Bảo-Đạo cho biết Ngài đã thấy chư

APOTHÉOSE (hiển Thánh) trong đêm. Trong 2 lần xây dựng 2 Đền thờ vĩ đại để trả hiếu cho Đại Từ Phụ và Đại Từ Mẫu, Đức Hộ Pháp đều gặp những thử thách lớn lao:

- Khi Tòa Thánh Tây Ninh xây sập xong thì chính quyền Pháp bắt Ngài đầy đi Madagascar (1941) hơn 5 năm.
- Khi cất Đền Thờ tại Nam Vang sập xong, chỉ còn lợp ngói, lót nền thì chánh quyền Cam Bốt cấm đoán không cho tiếp tục và làm khó dễ đủ điều. Điều này đã ảnh hưởng lên sức khỏe của Ngài.

Đức Hộ-Pháp đã qui Thiên, sau một cơn mệt, tại bệnh viện Calmette, vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày Chủ-Nhật, nhằm lễ Ascension, 17-05-1959 (Mùng 10-04 Kỷ-Hợi), thọ 70 tuổi. Thánh thể được đưa về Thánh-Thất Toul-Sway-Prey, Nam vang.

Sự linh ứng về cuộc triều Thiên của Đức Hộ Pháp không chỉ được người Cao Đài cảm nhận, mà những người có năng khiếu ngoại cảm cũng nhận thấy. Một thí dụ cụ thể là trên tạp chí Le Lien des Cercles d'Etudes số 4 tháng 5-6 năm 1959, nữ đồng tử Sarah Barthel tại Paris, Pháp có viết bài chứng nghiệm:

Một tiếng nói trên không trung, nói với tôi: «Sở dĩ đạo đức đưa tới một đời sống hạnh phúc là vì đạo đức là một tình thương yêu cao cả. Tình yêu này chỉ là một với tình yêu cả nhân loại lẫn vũ trụ.» Tiếng nói ấy thoát ra ngoài vật thể và nó ở khắp nơi trên thế giới địa hoàn, để cho các tâm hồn yên lặng và mở rộng đều có thể nghe được. Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc vừa quy Thiên ngày 17-5-1959 hồi 13 giờ 30 phút (giờ Cao Miên). Đúng giờ đã định, những vị Thiên thần cầm lọng vàng

tới đón rước Ngài, và các hung thần bị xua đuổi ra xa tít... Những Đấng đã liễu đạo, lớp mặc thiên phục đỏ, lớp thiên phục xanh dương, lớp nữa, thiên phục vàng, và cũng còn hàng ngàn và hàng ngàn mặc thiên phục trắng tiếp rước Ngài. Tiếng nói của Đấng Thượng Đế, tiếng nói trong tâm mỗi người, dẫu ở Thiên giới, Địa giới hay Trung giới, đã phán: «*Trong bốn màu hiệp lại thành một. Con đã xuống thế, hạ mình một cách cao cả... Hộ Pháp Phạm Công Tắc, con hãy trở về trong lòng Ta và góp phần trong lời Thánh huấn của Ta.*»

Ngày 17-5-1959, trong toàn Địa giới, Trung giới, yên tịnh hay phiêu lãng, tất cả những người nam nữ trong đại cơ quan đồng tử đều được nhìn thấy và nghe rõ tất cả những sự việc mà tôi ghi chép y như trên”.

Ký tên: Nữ Đồng tử Sarah Barthel - Paris Xème

■ (Trích trong quyển “*Hình ảnh Đức Hộ Pháp Quy Thiên*”, biên soạn bởi Lê Minh Cảnh và Nguyễn Văn Hào xuất bản năm 1967)

Đức Ngài lưu vong sang Cam bốt ngày 16-2-1956, qui Thiên ngày 17-5-1959. Thời gian sống nơi đất người là 3 năm 3 tháng. Đức Ngài gần như là môn đệ yêu ái nhất của Đức Chí Tôn trong Tam Kỳ Phổ Độ. Từ 37 tuổi, thể xác Phạm Công Tắc được Hộ Pháp giáng linh và kể từ đó, Đức Ngài đã xả thân hành Đạo cho đến ngày trở về Thiêng liêng vị. Đêm 13-04 Kỷ Hợi, Đức Ngài cho bài thi:

*Trót đã ba năm ở xứ người,
 Dem thân đối lấy phút vui tươi.
 Ngờ dẫu vạn sự do Thiên định,
 Tuổi đã bảy mươi cũng đủ rồi.
 Nhớ tiếc sức phàm thừa chống chỏi,*

*Buồn nhìn cội Đạo lương chơi với.
Rời đây ai đến cầm chơn pháp,
Tô điểm non sông Đạo lẫn Đời.*

Sự trở về của Đức Ngài không bình lặng như của nhơn-sanh, mà sự trở về của Đức Ngài là một biến cố lớn cho toàn nhơn-loại, vị Giáo-chủ hoàn-cầu của Đạo Cao-Đài (The World Leader of Caodaism) như tuần-báo Le Lien des Cercles d'Études gọi danh. Đức Ngài hiện xuống vào Tết Đoan-Ngọ, giữa khổ đau nhục-nhẫn của dân-tộc, dưới hai tầng áp-bức phong kiến và thực-dân. Đức Ngài san xẻ niềm đau đó bằng cách mang đến niềm tin vào đấng Trọn-Lành. Đấng ấy sẽ giúp nước họ được thống nhất, tự-do dân chủ, thoát vòng nô-lệ. Đức Ngài kêu gọi Tình-Thương và Công-Lý, mong hai điều này sẽ đến với toàn thế-giới. Sau khi đọc tin trên báo Le Lien, Hội-Thánh Ngoại-Giáo có viết bài trả lời trên báo, bày tỏ quyền năng của Đức Phạm Hộ-Pháp, về Liên-đài, về cách liệm ngôi và bức di ngôn của Đức Ngài gởi cho Sihanouk. Sau đó, các báo ngoại-quốc tiếp tục nghiên-cứu về huyền diệu linh-ứng của Đức Ngài.

Theo thư của ông Placren và Thánh-Giáo của bà Sarah Barthel đã đăng trên tuần báo Le Lien số 5 tháng 7 và 8 năm 1959, thì Ngài đã dùng huyền diệu thuyết giảng đạo đức uyên thâm để giác ngộ nước Việt-Nam phải biết tôn trọng Đấng Thượng-Đế và **Ngài cho biết Ngài còn phải trở lại một lần nữa, chưa hề định đến nơi nào để kịp kỳ chuyển thể tạo dựng hoàn cầu.**

Đức Jesus chịu đựng gian khổ và truyền đạo trong ba năm, còn Đức Phạm Hộ-Pháp phải chịu lắm nỗi nhọc nhằn từ năm 1926 đến năm 1959. Đức Ngài bị khảo đảo,

bị cường quyền Pháp đàn áp lưu đày. Đức Ngài nói: “*Khi vâng lệnh Đức Chí-Tôn đến Gò-Kén mở Đạo, Bản Đạo có xin phép nghỉ sáu tháng (vì là công-chức). Đến chừng trở lại làm việc, người ta không cho Bản-Đạo làm ở Nam-Việt nữa mà chuyển lên Kiêm-Biên... Từ khi lập Đạo chịu khổ hạnh truân-chuyên, chịu nhục nhã, chịu mọi điều thống khổ*». Ngài còn chịu sự đàn áp của sáu đời Toàn quyền Pháp ở Đông-Dương. Ngài đã làm xong sứ mạng Thiên Liêng tối trọng của một Đấng Giáo Chủ thay Trời độ thế.

ĐỨC HỘ PHÁP, một Vị nhân của thế kỷ thứ 20, suốt kiếp sanh tận tụy Thế Thiên Hành Hóa lấy Đạo cứu Đời, cứu khổ cho nhơn loại. Ba ngày trước khi lâm chung Đức Ngài còn gởi cho Chánh phủ Hoàng gia Cao Miên để lời Di chúc rằng:

“... Ngày nào Tổ Quốc thân yêu của chúng tôi, nước Việt Nam sẽ thống nhất hoặc sẽ theo cùng Chánh Sách HÒA BÌNH VÀ TRUNG LẬP là mục tiêu đời sống của Bản Đạo; thì Tín đồ của chúng tôi sẽ di thi hài của Bản Đạo về Tòa Thánh Tây Ninh.

Bản Đạo lại khẩn cầu Hoàng Tử và Chánh Phủ Hoàng Gia, sau khi Bản Đạo thoát xác, dành cho đoàn tùy tùng và Tín Đồ của Bản Đạo việc cư trú rộng lượng và mọi sự dễ dãi trong việc tu hành theo tôn giáo của chúng tôi. Biết rằng Hoàng Tử sẽ chấp nhận đơn thỉnh cầu này, Bản Đạo yên lòng nhắm mắt và đem theo kỷ niệm êm đềm nhứt trong đời Bản Đạo với sự cung kính cầu xin Hoàng Tử nhận nơi đây lòng tri ân vĩnh viễn của Bản Đạo.

NAM VANG, ngày 14. 5. 1959

HỘ PHÁP

Ký tên: PHẠM CÔNG TẮC

Số 226 Phlaur Préah Bat Nordon Phnom-Penh

IX. VIỆT NAM BỊ CHIA CẮT THÊM 20 NĂM (1955–1975)

1. Hậu quả của hiệp định Genève 1954

Theo thống kê của Ủy ban Quốc tế Giám sát Đình chiến có 892.876 dân thường di cư từ miền Bắc vào miền Nam Việt Nam, trong khi 140.000 người khác từ miền Nam tập kết ra Bắc.

Việt Nam Dân chủ Cộng hoà muốn giành độc lập, thống nhất cho Việt Nam bằng mọi giá, dù phải lệ thuộc vào khối cộng sản Nga, Hoa. Mục tiêu của Việt Nam Cộng hoà – theo tuyên bố trước đó của Thủ tướng Quốc gia Việt Nam Ngô Đình Diệm là “**thống nhất đất nước trong tự do chứ không phải trong nô lệ**” nên từ chối đàm phán hoặc tổng tuyển cử với chính phủ Hà Nội. Vì thế, cuộc nội chiến (1954–1975) sẽ là bước tiếp nối để giải quyết mục tiêu thống nhất đất nước. Tuy chính quyền cả hai bên đều muốn thống nhất đất nước, nhưng giải pháp sáng suốt nhất là thương thuyết để đưa đất nước đến thống nhất và trung lập của Đức Ngai thì cả hai bên đều không chịu chấp nhận! Vì sao anh em Việt Nam không ngồi lại với nhau để tránh cảnh xương rơi máu đổ cho dân tộc mình? Đó là vì bàn tay của các nước lớn muốn giành ảnh hưởng ở Việt nam; đó là vì lãnh đạo hai miền đều có nhiều tham vọng cá nhân mà lại không có TÌNH THƯƠNG và sự CÔNG CHÁNH nên mới bị giết dây.

Bản “*Tuyên bố cuối cùng của Hội Nghị Genève 1954 về vấn đề lập lại hòa bình ở Đông Dương*” cũng đi vào vết xe cũ, không đưa ra một giải pháp chính trị cụ thể cho tương lai Đông Dương, ngoài một Bản tuyên bố không

có người ký. Từ đó, các bên liên hệ đến Bản tuyên bố có thể tùy tiện giải thích Bản tuyên bố một cách khác nhau, tùy theo chủ trương chính sách của mỗi bên. Ngay trong Hội Nghị Liễu Châu từ ngày 3 đến ngày 5-7-1954, cả Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa lẫn Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa đã thỏa thuận tạm hòa để tiếp tục chiến tranh. Trong hội nghị ở Liễu Châu, Trung quốc, những nhà lãnh đạo Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa đã trình bày kế hoạch hậu chiến, trường kỳ mai phục, gài người cùng chôn giấu vũ khí tại miền Nam để chờ đợi thời cơ nổi dậy. Như thế có nghĩa là kế hoạch tấn công miền Nam, vi phạm Hiệp Định Genève đã được phía cộng sản dự tính trước khi ký kết Hiệp Định. Sau chín năm chiến tranh triền miên (1946-1954), dân chúng Việt Nam rất khao khát hòa bình, nhưng giấc mơ hòa bình vẫn còn ngoài tầm tay của người Việt. Sau này, ngày 10-03-1971, Đức Phạm Hộ-Pháp giảng cơ nói lên nỗi đau của tình huynh-đệ bị cấu xé: *“Cái đau đớn nhất của tình cốt nhục là tự cắt tay nhau cho thành người tàn phế”*.

2. Chiến tranh Việt Nam (1955-1975) là giai đoạn khốc liệt nhất.

Đây là cuộc chiến giữa hai bên, một bên là Việt Nam Cộng hòa ở miền Nam Việt Nam cùng Hoa Kỳ và một số đồng minh khác như Úc, New Zealand, Đại Hàn, Thái Lan và Philippines tham chiến trực tiếp; một bên là Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam tại miền Nam Việt Nam, cùng Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ở miền Bắc Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, được sự viện trợ vũ khí và chuyên gia từ các nước xã hội chủ nghĩa cộng sản, đặc biệt là của Liên Xô và Trung Quốc.

Chiến tranh tiếp tục nổ ra trên toàn Đông Dương với sự tham gia của Mỹ thay thế cho Pháp. Mục tiêu của các bên trong Chiến tranh Việt Nam rất phức tạp và đa diện tùy theo lập trường của các bên, nhưng có thể rút ra một số đặc điểm sau:

HOA KỲ: Ngay từ năm 1949, sau khi nội chiến Trung Quốc kết thúc, tiếp đó là chiến tranh Triều Tiên bùng nổ, khuynh hướng thân Liên Xô tại nhiều nước Á Rập... làm giới chính khách Mỹ cảm thấy lo sợ về làn sóng ủng hộ chủ nghĩa Cộng sản tại các nước thế giới thứ ba (các nước đang phát triển, các nước chậm phát triển, các nước kém phát triển,...). Mỹ cần có quan hệ đồng minh với Pháp để thiết lập sự cân bằng với sức mạnh của Xô Viết ở châu Âu sau chiến tranh thế giới thứ II. Hoa Kỳ can thiệp chính trị và quân sự vào Việt Nam nhằm thi hành Chính sách chống Cộng theo thuyết domino, với mục đích ngăn chặn chủ nghĩa cộng sản và duy trì kiểm soát kinh tế, tài nguyên tại khu vực Đông Nam Á.



Chuỗi sự kiện Domino được Mỹ giữ định tại châu Á

VIỆT NAM CỘNG HÒA: Việt Nam Cộng hòa tuyên bố sẽ “*không bỏ qua một cơ hội nào để thống nhất Việt Nam trong tự do và hòa bình*” nhưng từ chối đàm phán hoặc tuyến cử với chính phủ Hà Nội (ở Việt Nam, trước 1954 được gọi là Việt Minh và kể từ năm 1955–1975

gọi là Việt Nam Dân chủ Cộng hòa). Chính quyền miền Nam thi hành chính sách “*Tố Cộng Diệt Cộng*”.

VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA: Chính quyền miền Bắc với chủ nghĩa Tam vô sắt máu: vô thần, vô tổ quốc, vô gia đình”.

“Giết, giết nữa bàn tay không phút nghỉ.

Cho ruộng đồng mau tốt, thuế mau xong...”

(Tố Hữu).

Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, một tổ chức của Cộng sản VN chỉ đạo, được ra đời tại miền Nam để tiếp tay với miền Bắc.

LIÊN XÔ & TRUNG QUỐC: Cả Liên Xô và Trung Quốc dù có những xung đột sâu sắc với nhau vẫn cùng viện trợ cho chính phủ miền Bắc chống lại Mỹ. Liên Xô và Hoa Kỳ – hai kẻ thù tư tưởng – sẵn sàng đối chọi nhau ở mọi vấn đề quốc tế. Việt Nam là một trong những nơi mà hai bên muốn thể hiện điều đó. Liên Xô tuy đã có vũ khí nguyên tử từ năm 1949 nhưng ưu thế quân sự của Hoa Kỳ vẫn áp đảo. Do đó Liên Xô vẫn e ngại sự quá căng thẳng với Hoa Kỳ và chỉ viện trợ cho miền Bắc ở mức đủ để xây dựng một «*chủ nghĩa xã hội*». Trung Quốc, lúc đó đang cạnh tranh vai trò lãnh đạo phe Xã hội chủ nghĩa với Liên Xô nên họ viện trợ cho Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, trong giai đoạn này, còn nhiều hơn Liên Xô...

HỘI NGHỊ PARIS: Vừa đánh vừa đàm. Dân chúng Hoa Kỳ quá mệt mỏi với chiến tranh Việt Nam. Dư luận Mỹ và thế giới thúc ép chính quyền phải đạt được một nền hòa bình bằng thương lượng theo đúng cam kết giải quyết chiến tranh trong nhiệm kỳ tổng thống của họ.

Đến cuối năm 1972, Hoa Kỳ và Chính phủ Hà Nội đã đạt được thoả hiệp cơ bản những ý chính của Hiệp định Paris. Hiệp định Paris được ký kết chính thức vào ngày 27 tháng 1 năm 1973 tại Paris, được coi là một thắng lợi quan trọng của Chính phủ Hà Nội.

THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC 1975: Giai đoạn 1973–1975 là giai đoạn kết thúc chiến tranh vì với sự ra đi của quân viễn chinh Hoa Kỳ cùng với việc Hoa Kỳ từng bước cắt giảm viện trợ quân sự cho Việt Nam Cộng hòa thì kết cục cho chiến tranh Việt Nam đã rõ ràng. Việt Nam Cộng hòa không thể tự bảo vệ, quân đội của họ đã nhanh chóng bị đánh bại vào ngày 30 tháng 4 năm 1975.



Thời kỳ này có một sự kiện bất ngờ với Việt Nam

Cộng hòa và ngõ ngàng cho Chính phủ Hà Nội là việc Trung Quốc tấn công chiếm đóng hoàn toàn quần đảo Hoàng Sa vào tháng 1 năm 1974. Hoa Kỳ và hạm đội 7 của họ không giúp đỡ Việt Nam Cộng hòa tại Hoàng Sa nữa. Chính phủ Hà Nội cũng không công khai phản kháng lại các động thái của Trung Quốc.

3. Hậu quả của chiến tranh Việt Nam

Việt Nam đã có được thống nhất và độc lập, mục tiêu mà vì nó nhiều thế hệ người Việt đã đấu tranh, hy sinh xương máu suốt từ thời Pháp thuộc. Sống trong nước nô lệ bị mất chủ quyền, cũng như các nước láng giềng khác, các lãnh tụ quốc gia Việt Nam lợi dụng sự đầu hàng của Nhật để dành lại tự do cho dân tộc. Việc ấy sẽ dễ dàng hơn và đã kết thúc từ lâu, nhưng thời cơ xui khiến Cộng Sản cướp chánh quyền, rồi người Pháp trở lại hai bên đánh nhau. Việt Minh thắng ư?... Pháp thắng ư?... Hai viễn ảnh điều tai hại cả hai... Một bên là Cộng Sản phụng sự quyền lợi Nga Sô, còn bên khác là Pháp lo duy trì quyền lợi của mình, như thế còn gì là quyền lợi của quốc gia, còn đâu là nền tự chủ. Muốn cứu dân cứu nước phải thoát ra khỏi gọng kìm ấy... Ai sẽ vạch đường mở lối cho dân tộc Việt Nam; Ai sẽ diu dắt dân này ra khỏi bế tắc?...

Việt Nam Cộng hòa bị sụp đổ. Các tổ chức như Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, Liên minh các Lực lượng Dân tộc, Dân chủ và Hòa bình Việt Nam (dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam thành lập ở miền Nam Việt Nam để tạo uy thế chính trị trên bình diện quốc tế) đã sát nhập vào Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thành nước CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM. Cuộc chiến tranh giữa khối tự do và khối

chủ nghĩa cộng sản đã đem lại biết bao đau khổ cho người dân Việt Nam. Tuy nhiên điều này được lồng vào bên trong cái vỏ bọc “*giành độc lập dân tộc và thống nhất đất nước*”. Nhờ cái vỏ bọc này những người cộng sản đã dùng thủ đoạn đẹp hết các đảng phái yêu nước có trước đó để dành chiến thắng và còn gây ngộ nhận cho các thế hệ sau. Chiến tranh Việt Nam là cuộc chiến gây nhiều tàn phá nhất trong lịch sử Việt Nam và gây chia rẽ rất sâu sắc trong lòng dân tộc Việt Nam. **Thống nhất đất nước trong hòa bình hay thống nhất trong hận thù giai cấp!**

Những biến cố cả khách quan lẫn chủ quan về kinh tế và lãnh đạo này đã tạo nên làn sóng những người vượt biên ra đi. Theo số liệu của Cao ủy Liên Hiệp Quốc về người tị nạn, trong khoảng thời gian 1975–1995 đã có 849.228 người vượt biên bằng đường biển và đường bộ.

Tùy theo nguồn, số người Việt Nam bị thiệt mạng trong chiến tranh Việt Nam là từ 3 đến 5 triệu, hàng triệu người khác tàn tật và bị thương. Những người sống sót tiếp tục phải đối mặt với các vấn đề nghiêm trọng về kinh tế, xã hội và môi trường mà cuộc chiến đã gây ra.

Đất nước VN cuối cùng trở thành nơi thử nghiệm các phương tiện kỹ thuật giết người của Hoa-kỳ và Liên-xô.; còn Trung quốc ngồi hưởng lợi. Khi Mao Trạch Đông chiếm lục địa Trung Quốc, các cường quốc Tây phương không công nhận Cộng Hòa Nhân Dân Trung Quốc và không cho Cộng Hòa Nhân Dân Trung Quốc thay thế Trung Hoa Dân Quốc tại Liên Hiệp Quốc. Nhờ chiến tranh Việt Nam, Trung Quốc được các cường quốc mời họp Hội nghị Genève. Nghĩa là Trung Quốc được ngồi ngang hàng với các cường quốc Tây phương nhờ chiến

tranh Việt Nam, nhờ xương máu của dân tộc Việt Nam. Lãnh đạo Trung Quốc thoả hiệp với Mỹ, giúp Mỹ giải quyết vấn đề Việt Nam để cố tạo nên thế ba nước lớn trên thế giới là Trung Quốc, Mỹ và Liên Xô, đồng thời dùng vấn đề Việt Nam để đổi lấy việc Mỹ rút khỏi Đài Loan. Tiếp đó là việc khôi phục địa vị ở Liên hợp quốc và nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa trở thành một trong năm uỷ viên thường trực của Hội đồng bảo an. Trung Quốc đã nhận được một khoảng thời gian yên bình gần 30 năm để tiếp nhận công nghệ và khoa học phương Tây, cần thiết cho việc thực hiện chủ trương “*bốn hiện đại hoá*”, mau chóng trở thành cường quốc. Chính sách của Đặng Tiểu Bình còn lấy Việt Nam làm con chốt thí để chiếm lòng tin của giới lãnh đạo Mỹ (dạy Việt Nam một bài học 1979).

Chiến tranh Việt Nam – Trung Quốc, 1979 hay thường được gọi là Chiến tranh biên giới Việt – Trung năm 1979 là một cuộc chiến ngắn nhưng khốc liệt giữa Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa và Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, nổ ra vào ngày 17 tháng 2 năm 1979 khi Trung Quốc đưa khoảng 600 cho tới 700 ngàn quân tấn công Việt Nam trên toàn tuyến biên giới trên bộ giữa hai nước. Theo tác giả Nguyễn Quốc Khải, trong 30 năm phát triển, Trung Quốc đã tạo ra được sức mạnh đủ để mưu tính trở thành một siêu cường mới ở châu Á, và đi đến chỗ muốn thay thế vai trò của Mỹ đã suy yếu. Riêng đối với Việt Nam, âm mưu đó được thực hiện một cách toàn diện, vì từ vị trí địa chính của mình, Việt Nam chứa đựng tiềm năng tiếp tục trở thành một cái nút chặn lộ trình đi xuống phía Nam của chủ nghĩa dân tộc Đại Hán. Vì thế, ngoài việc liên tục quấy phá, cướp đoạt, lấn

chiếm, bắn giết ngoài Biển Đông, Trung Quốc tìm cách xâm nhập vào nội bộ trong các lĩnh vực kinh tế, văn hoá, tình báo để thao túng, biến Việt Nam thành một quốc gia phụ thuộc để khai thác và sai khiến. Chỉ có một thể chế chính trị mạnh về mọi mặt, bên ngoài có chỗ dựa của sự đồng tình quốc tế, bên trong là một nhà nước có được sự hậu thuẫn của nhân dân, mới tạo ra được sức mạnh tổng hợp ngăn chặn sự gây hấn của Trung Quốc. Nếu Ông Hồ Chí Minh khôn ngoan, biết nhìn xa đã không du nhập chế độ Cộng sản vào Việt Nam. Nếu người dân Việt Nam, kể cả một thành phần không nhỏ trí thức, khôn ngoan đã không đi theo Cộng sản để reo rắc đau thương triền miên cho đất nước trong một nửa thế kỷ và làm đất nước chậm tiến như ngày nay. Cuối cùng, một bài học lớn là đừng bao giờ chui vào vòng nô lệ của bất cứ ngoại bang nào dù là đồng minh.

X. LUẬT BÙ TRỪ CỦA TẠO HÓA.

Ngày 05-7-1954 phái đoàn Ông Phạm Văn Đồng và phái đoàn Đức Hộ Pháp (cố vấn cho Quốc Trưởng Bảo Đại) gặp nhau tại Genève. Ông Phạm-Văn-Đồng xây qua nói với ĐỨC HỘ-PHÁP như vậy: *“ĐỨC HỘ-PHÁP thử nghĩ coi biểu tôi phải nhìn nhận Ngô-Đình-Diệm... thì làm sao đặng, vì họ không có đại-diện cho một thực-lực cho một ai hết, chớ như Đạo Cao-Đài đây, có một thực-lực hơn mấy triệu tín-đồ và một quân-đội mấy chục ngàn người, thì chúng tôi sẵn-sàng tiếp đón và thảo-luận tất cả mọi vấn-đề”*.

Ông Phạm-Văn-Đồng cười và hỏi tiếp: ĐỨC NGÀI bị ai hù có sợ hay không?

Đức Ngài nói rằng: *Nếu tôi sợ thì tôi không có đến đây. Chúng tôi có nhắc cho anh em Việt-Minh biết rằng cái công kháng-chiến của họ, quốc-dân không quên. Nhưng họ phải làm thế nào cho cuộc giải-phóng dân-tộc cho trọn vẹn chớ đừng gỡ ách này rồi mang cái gông khác hay là đuổi cậu Pháp rồi rước chú Tàu về thì không ăn thua gì và quốc-dân sẽ phán-đoán việc đó.*

Ngày 08-12-1926 Thượng Đế dạy rằng: **Đạo Trời mở cho một nước tất là ách nạn của nước ấy hầu mãi.**

- Ách nạn của dân tộc Việt Nam lúc đó là đã chịu 80 năm dưới ách đô hộ của thực dân Pháp.
- Sau 1954 đất nước bị chia đôi tạo ra cuộc chiến tranh nổi da xáo thịt 20 năm.
- Sau ngày 30-4-1975 cả nước thành một nhà tù khổng lồ và hàng mấy triệu người bỏ nước ra đi. Hàng hà sa số thuyền nhân Việt Nam không đến đất liền được phải bỏ mình dưới lòng đại dương.
- Rồi cuộc chiến tranh mười năm ở Campuchia, chiến tranh với Trung cộng ở biên giới phía Bắc!
- Viễn ảnh trước mắt tới đây là cuộc chiến khủng khiếp khác ở biển Đông Thái Bình Dương!

Ách nạn nước ta phải chăng là do trong quá trình dựng nước, mở mang bờ cõi; tổ tiên đã diệt mất nước Champa? Luật NHÂN QUẢ nào chỉ áp dụng cho một cá nhân, khuôn luật của Tạo hóa còn áp dụng cho một nước, một chế độ... Đức Chí Tôn nói: *“Cầm cả quyền hành vô lượng nơi tay, Thấy ngó một cái cũng đủ tiêu diệt nó đặng, nhưng mà phép công bình thiêng liêng chẳng phải nên vậy. Ấy cũng là cơ mầu nhiệm cho các*

con có thể lập công quả”.

Đức Hộ-Pháp quả quyết: “Qua nghĩ cái độc tâm của người có những quỷ quyền tưởng đâu sẽ tiêu diệt Thánh Thể của Đức Chí Tôn. Qua nói thiệt, nếu dưới mặt thế gian này tiêu diệt cả Thánh-Thể của Đức Chí-Tôn được, thì không còn ai nữa. Từ Tín Đồ đến Hội Thánh chẳng hề khi nào tiêu diệt nó được. Kẻ nào muốn tiêu diệt Đạo Cao Đài tốt hơn đừng sanh ra, bởi chẳng hề khi nào muốn tiêu diệt Đạo đặng, khuôn luật vẫn vậy”.



PHẦN II (TỪ CÂU 13 ĐẾN 20)

13. *Xưa Liễu Nhứt lược thao gồm đủ.
Thông vận thời cơ ngũ Tề, Yên.
Hiếu trung thể trước bệ tiền.
Trả xong mới chịu về miền Thiên thai.*
17. *Bản đạo thọ “Cao Đài Kim Khuyết”
Rõ máy huyền thấu việc xưa nay.
Nhưng thân sanh đứng làm trai.
Đạo đời gánh nặng hai vai Tiên, Phạm.*

** Dẫn giải*

LIỄU NHỨT tức TÔN TẤN (孫贖, khoảng thế kỷ 4 TCN), người nước Tề, là một quân sư, một nhà chỉ huy quân sự nổi tiếng thời Chiến Quốc. Tôn Tấn là người nước Yên, cha là Tôn Tháo, mẹ là Công Chúa Yên Đơn, ông nội là Tôn Vô Tử. Lúc Tôn Tấn lên 9 tuổi thì Tôn Tháo mất, Tôn Kiều là chú đang làm quan Đại Phu nước Tề đem Tôn Tấn về nuôi dưỡng. Sau đó Tôn Kiều gặp nạn, phải lánh sang nước Châu, gia đình sa sút, Tôn Tấn phải đi làm thuê để sinh sống. Tôn Tấn lớn lên, nghe đồn Quỷ Cốc Tiên Sinh có tài cao phép lạ, nên tìm đến xin thọ giáo. Nguyên ở Dương Thành thuộc địa phận nhà Châu, có một chỗ gọi là Quỷ Cốc, vì nơi ấy có núi cao rừng rậm, âm khí nặng nề. Trong núi ấy có một ẩn sĩ họ Vương tên Hủ, trước ở núi Vân Mộng cùng Mặc Địch hái thuốc, tu Tiên, sau đến ẩn nơi

Quý Cốc, nên người ta thường gọi là Quý Cốc Tiên Sinh. Quý Cốc Tiên Sinh có học vấn uyên bác, tu Tiên đặc đạo, tinh thông lý số, thông hiểu lẽ huyền vi của Trời Đất, lại cũng tinh thông binh thư đồ trận. Học trò của Quý Cốc Tiên Sinh có nhiều người tài giỏi như: Tôn Tẫn, Bàn Quyên, Tô Tần, Trương Nghi,... Tôn Tẫn và Bàn Quyên thì học về binh pháp. Còn Tô Tần và Trương Nghi thì học về du thuyết.

Bàn Quyên học được 3 năm, tự cho mình đã giỏi rồi, nên xin thầy cho xuống núi đi lập công danh. Khi đó, Bàn Quyên hứa với Tôn Tẫn nếu lập được công danh sẽ giới thiệu bạn với vua. Nhưng khi làm tướng nước Ngụy, vì ghen ghét tài học của Tôn Tẫn đã mượn pháp luật mà trị tội chặt 2 chân, chạm vào mặt để Tẫn phải giấu mình không lộ diện. Sứ giả nước Tề đến đất Lương (Ngụy), Tôn Tẫn lên gặp thuyết phục sứ giả. Sứ giả nước Tề cho là kỳ lạ bèn mang trộm Tôn Tẫn lên xe về Tề. Tướng Tề là Điền Kỵ phục tài, tâu với Tề Uy Vương phong Tẫn làm thầy, cùng với Kỵ đem quân đánh Ngụy. Tẫn ngồi trong xe kín, bày mưu kế cho Kỵ đánh Ngụy phải kiệt quệ.

Mười ba năm sau, Ngụy và Triệu đánh Hàn. Hàn cáo cấp với Tề, Tề lại sai Điền Kỵ làm tướng, Tôn Tẫn làm quân sư đi cứu Hàn. Tôn Tẫn dùng kế “*vây Ngụy cứu Hàn*” khiến cho tướng Ngụy là Bàn Quyên nghe vậy phải rời bỏ Hàn quay về. Tẫn lại dùng kế giảm số bếp trong quân lừa Bàn Quyên đuổi theo, rồi sau đó sai quân cung nỏ mai phục hai bên đường Mã Lăng, lấy một khúc gỗ to cạo sạch vỏ, lấy than khắc lên dòng chữ: “*Bàn Quyên sẽ chết dưới cây này*”. Sau đó dặn quân lính hễ thấy ánh lửa nổi lên là bắn thẳng vào chỗ đó. Quyên đọc xong, thất kinh

vội sai quân rút nhưng đã muộn. Quân Tề mai phục thấy ánh lửa đốt lên vội bắn như mưa về phía đó. Bàng Quyên bị tên bắn ngã ngựa, sợ bị quân Tề làm nhục vội rút gươm tự tử. Giết xong Bàng Quyên rồi, Tôn Tấn xin với vua Tề cho về ẩn dật tu luyện ở núi Thạch Lư. Một năm sau, không còn ai biết Tôn Tấn ở đâu nữa.

Trong tôn giáo Cao Đài, Ngài Liễu Nhưt Chơn nhưn thỉnh thoảng có giảng cơ luận việc Đạo.

Ngài Phạm Công Tắc vì yêu nước, thương sanh chúng lầm than xương phơi máu đổ nên phải chịu tù đầy và lưu đày để mưu cầu thống nhất và trung lập cho VN. Nhưng, ách nước gần mãn mà chưa mãn!

Đạo đời gánh nặng hai vai Tiên, Phạm.

Tuy Ngài vào hàng phẩm vị Đại Tiên, Ngài muốn vậ nhưng mà Thiên Cơ chưa định... Vì thế, Ngài tuy triều Thiên mà lòng vẫn ai hoài cho vận nước, cho chúng sanh.

PHẦN III (TỪ CÂU 21 ĐẾN 32)

21. *Chờ đến lúc Nam non phụng gáy,
Điệp sắc truyền trở lại trung ương.
Trước đền thọ mạng Phật Vương,
Giáng-ma-xử chuyển Cao trương phong thần.*
25. *Thăm sát bấy lê dân kỳ hậu,
Đã bao phen bảo tấu Mẹ Thầy.
Thương đàn con dạy thơ ngậy,
Chắt chiu lạc lõng không ai dắt dìu.*
29. *Nơi Pháp chánh sớm chiều tu học.
Nhưng cuộc đời ô trọc vầy quanh.
Sa chân một chút tan tành,
Nếu không vẹn tánh hiệp thành trung kiên.*

** Dẫn giải*

I. PHẬT VƯƠNG (MAITREYA BUDDHA)

Phật Vua, tức là vị Phật thay mặt Đức Chí Tôn làm vua cai trị Càn khôn Thế giới và Vạn linh trong thời Tam Kỳ Phổ Độ. Di-Lạc Vương Phật là vị Phật tương lai, giáng sanh xuống cõi trần vào thời Tam Kỳ Phổ Độ, làm Giáo chủ Đại Hội Long Hoa, trọn quyền thưởng phạt. Trong Kinh Thiên Đạo của Đạo Cao Đài, Đức Phật Thích Ca giáng cơ ban cho hai bài Kinh: Kinh Đại Tường và Di-Lạc Chơn Kinh, nhờ đó chúng ta biết được nhiệm vụ và

quyền hành của Đức Di-Lạc Vương Phật.

Khi Ngài làm nhiệm vụ cai quản Càn khôn Thế giới thì gọi Ngài là Đức Di-Lạc Vương Phật; nhưng khi Ngài làm nhiệm vụ cứu độ chúng sanh thì gọi Ngài là Di-Lạc Vương Bồ Tát. Bài Kinh Đại Tường cho biết Đức Di-Lạc Vương Phật sẽ giáng sanh xuống trần vào thời Tam Kỳ Phổ Độ, có nhiệm vụ thực hiện các điều sau đây do Đức Chí Tôn giao phó:

1. Tái sanh sửa đổi Chơn truyền và Thâu các đạo hữu hình làm một:

Đức Phật Di-Lạc sẽ giáng sanh xuống cõi trần để sửa đổi và chỉnh đốn các giáo lý chơn truyền của các Đấng Giáo chủ thời Nhị Kỳ Phổ Độ để lại, đã bị người đời canh cải sai lạc rất nhiều; thống nhất lại làm một mối để có một tín ngưỡng chung, cùng nhìn nhận Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu là hai Đấng Đại Từ Phụ và Đại Từ Mẫu thiêng liêng của toàn nhơn loại.

2. Khai cơ Tận độ, Cứu tuyền diệt vong:

Đức Di-Lạc Vương Phật mở ra một cơ quan Tận độ chúng sanh, đóng cửa Địa ngục, giải phóng các tội hồn cho đi đầu thai trả quả và lo tu hành để được cứu vớt trong sự Ân Xá của Đức Chí Tôn.

3. Hội Long Hoa tuyển phong Phật vị và Trường thi Tiên, Phật, duợt kiếp khiên:

Đức Di-Lạc Vương Phật làm Chánh Chủ Khảo Trường thi công đức, tuyển lựa các ngôi vị Thần Thánh Tiên Phật.

4. Tạo đời cải dữ ra hiền, Bảo sanh năm giữ diêu

buôn Chí Tôn:

Đức Di-Lạc Vương Phật thay mặt Chí Tôn để tạo lập lại đời Thượng Ngươn Thánh đức, dân chúng hiền lương đạo đức, trong một xã hội đại đồng.

Trong ngày Đại lễ Khai Đạo Cao Đài tại Thánh Thất tạm đặt tại Chùa Từ Lâm Tự Gò Kén (Tây Ninh), có trưng bày đôi liễn do Đức Chí Tôn ban cho:

- **DI-LẠC THẮT BÁ THIÊN NIÊN QUẢNG KHAI ĐẠI-ĐẠO,**
- **THÍCH-CA NHỊ THẬP NGŨ THẾ CHUNG LẬP THIÊN-MÔN.**
- *Đức Phật Di-Lạc, 700 000 năm, rộng mở nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ,*
- *Đức Phật Thích Ca, 25 thế kỷ, chấm dứt việc lập cửa Thiên.*

II. GIÁNG MA XỬ (THE PESTLE OF THE DOMINATION OF DEMONS)

Giáng Ma Xử là một bửu bối của Đức Hộ Pháp có hình dạng giống như một cái chày, dùng để trị tà ma yêu quái, không cho chúng lộng hành phá khuấy, để bảo tồn nền Đại Đạo của Đức Chí Tôn.

Đức Phạm Hộ Pháp có hai bửu bối: Giáng Ma Xử và Kim Tiên. Giáng Ma Xử là bửu bối vô hình, Ngài để trấn Cực Lạc Thế Giới nơi cõi thiêng liêng.

***Trước đèn thọ mạng Phật Vương,
Giáng-ma-xử chuyển Cao trường phong thần.***

Ngài còn chờ lệnh Thiên điều, thọ mạng Phật vương Di Lạc (Maitreya) để xuống thế lập bảng phong Thần, Thánh, Tiên cho nơn loại trong ngày phán xét của Hội Long Hoa sẽ diễn ra trong tôn giáo CAO ĐÀI.

III. TÍN ĐỒ TRUNG KIÊN ĐỨNG NGÃ BA ĐƯỜNG

Nơi Pháp chánh sớm chiều tu học.

Nhưng cuộc đời ô trọc vây quanh.

Sa chân một chút tan lành,

Nếu không vẹn tánh hiệp thành trung kiên.

Dù bị kềm kẹp, bắt bớ bởi công an giăng bủa khắp nơi; dù cơ Đạo bị nghiêng ngửa bởi những người mua Thần, bán Thánh; những tín đồ trung kiên cương quyết không tham chút danh lợi mà nhận phạm phong, hay phản Thầy, mưu hại đồng Đạo. Những vị này vẫn cam chịu hăm hiu với rau cháo nhưng cương quyết bảo thủ Chơn truyền, xứng đáng là những đệ tử trung kiên của TÔN SƯ. CS lỏng người của họ vào giáo hội các cấp, sửa đổi Bí pháp. Họ biến Tòa Thánh Tây Ninh thành địa điểm du lịch, có lợi cho chính trị của chế độ vì người ngoài nhìn vào tưởng có tự do tôn giáo. Họ mong sau hai, ba thế hệ sẽ chẳng còn ai giữ được Chơn truyền, chỉ còn biết phục vụ cho Đảng. Thế nên, những ai quên lời Minh thệ khi nhập môn vào Đạo, đã thề gìn giữ luật lệ Cao Đài (TÂN LUẬT, PHÁP CHÁNH TRUYỀN) hãy mau tỉnh ngộ. Đừng để bị “**tận đọa tam đồ bất năng thoát tục**” thì đã mất linh hồn. Cơ khảo thí rất mắc mỏ để chọn Linh hồn nào xứng đáng sống đời Thánh đức. Xin nhớ rằng: Quyền lực, danh lợi chỉ tồn tại trong một kiếp; nếu sa chân, ngày về vong hồn chỉ mang theo đại tội mà thôi!

PHẦN IV (TỪ CÂU 33 ĐẾN 48)

33. *Cơ vận chuyển Thần Tiên lao khổ,
Điểm Long Hoa nhiều chỗ điêu tàn.*
Mười hai chung cuộc dinh hoàn.
Ba mươi sáu đạo binh tràn Nam phương.*
37. *Tiếng sấm vang khai trường chinh chiến,
Nơi đất bằng khai diễn mệnh mông.
Đổi đời còn vực núi sông,*
Tro bay xương trắng máu hồng đổ loang.*
41. *Kể từ niên KÊ tàn THÂN lục,*
Sắp trí binh Cửu khúc Huỳnh hà.
Mượn đường không địa LIÊN, HOA.
LÀO, MIÊN, THÁI, ÚC chia tay trận tiền.*
45. *Dương ĐÔNG lại kích miền Nam địa.
Khắp Trung kỳ đã phía Tây Châu.
Nam-Vang là ải địa đầu,
Để cho Thiên quốc chư hầu giao phong.*

Dẫn giải

TIẾT 1. THẾ CHIẾN THỨ BA CHĂNG?

Vì là Thiên cơ nên đoạn này khá bí hiểm.

1. *Điểm Long Hoa nhiều chỗ điêu tàn.*

Điển Long Hoa là điển gì? Phải chăng là điển phong Thần, phong Thánh của Hội Long Hoa nên sẽ có cuộc chiến lớn xảy ra? 12 chung cuộc dinh hoàn là 12 gì? Chúng ta chỉ biết số 12 là số riêng của Đức Chí Tôn. Còn 36 đạo binh là của nước nào?

Đoạn này với 16 câu thơ đã vẽ rõ hình ảnh thế chiến thứ ba (cuối năm Ất Dậu 2016) với vũ khí hạt nhân làm cho xương trắng thành tro bay, máu hồng đổ loang; rồi sông núi đổi thay! Nguyên nhân từ Trung cộng tham lam quyết giành cho được đường 9 đoạn, đường lưỡi bò của TQ ở biển Đông?

*Kể từ niên KÊ tàn THÂN lục, **

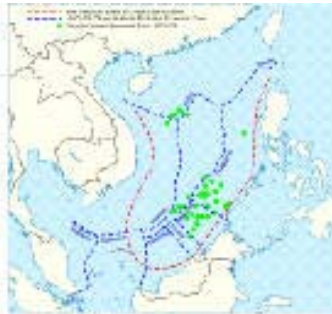
Sắp trí binh CỬU khúc Huỳnh hà.

Mượn đường không địa LIÊN, HOA.

LÀO, MIÊN, THÁI, ÚC chia tay trận tiền.

2. Kể từ niên KÊ tàn THÂN lục: có phải 2016–2017?

3. CỬU KHÚC có phải là Đường chín đoạn (âm Hán Việt: Cửu đoạn tuyến), còn gọi là Đường lưỡi bò, Đường chữ U. Đường 9 khúc, là tên gọi dùng để chỉ đường quốc giới hải vực biển Đông mà Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa chủ trương và đơn phương tuyên bố chủ quyền.





Bản đồ yêu sách lãnh hải tại biển Đông của Trung Quốc mang tên gọi «đường lưỡi bò», hay hình chữ U.

Ngày 7/5/2009, Trung Quốc gửi công hàm lên Tổng Thư ký Liên Hợp quốc phản đối việc Việt Nam và Malaysia nộp báo cáo chung về ranh giới ngoài thềm lục địa của mình cho Ủy ban Ranh giới thềm lục địa của Liên Hợp quốc theo quy định của Công ước Liên Hợp quốc về Luật Biển 1982, kèm theo công hàm này là một bản đồ thể hiện yêu sách “đường lưỡi bò” trên Biển Đông (Bản đồ kèm theo). Trong công hàm viết: “*Trung Quốc có chủ quyền không thể tranh cãi đối với các đảo ở biển Nam Trung Hoa (tức Biển Đông) và các vùng nước kề cận, và có quyền chủ quyền và quyền tài phán đối với các vùng nước liên quan cũng như đáy biển và lòng đất đáy biển ở đó (kèm theo bản đồ). Bản đồ thể hiện “đường lưỡi bò”* kèm theo công hàm ngày 7/5/2009 là văn bản đầu tiên trong hơn 60 năm qua thể hiện quan điểm chính thức của Trung Quốc về biên giới biển theo yêu sách đầy tham vọng của mình và cũng là lần đầu tiên Trung Quốc chính thức công bố bản đồ “đường lưỡi bò” với toàn thế giới. Học giả Trung Quốc Lý

Lệnh Hoa, nhà nghiên cứu lâu năm về vấn đề vạch ranh giới biển quốc tế, thừa nhận rằng: “*Đường chín đoạn do tiền nhân của chúng ta vạch ra không có kinh độ, vĩ độ cụ thể, cũng chẳng có căn cứ pháp lý*”. Tuy học giả có lương tâm nói thể nhưng chính quyền thì cứ ngang ngược đòi hỏi. Theo giáo sư Thayer của Úc châu, Trung Quốc đã vi phạm UNCLOS khi khẳng định “*chủ quyền không thể chối cãi*” trên Biển Đông, bất chấp đòi hỏi của các nước ven biển khác, và khi đệ trình chính thức tám bản đồ chín đường gián đoạn hình chữ U, và cố tình giữ mập mờ về các tọa độ địa lí chính xác của các đường này hoặc việc các đường này nối với nhau thế nào. Quan trọng hơn, Trung Quốc xem thường UNCLOS khi không nói rõ là họ có đòi chủ quyền đối với tất cả đảo và các địa hình bên trong đường chữ U họ vẽ ra hay không, cũng không làm rõ xem toàn bộ vùng biển đó có phải là lãnh hải của Trung Quốc hay không. Ngoài tám bản đồ hình chữ U đã vi phạm Công ước Liên Hiệp Quốc trên nhiều góc độ, Trung Quốc còn có một loạt hành động đơn phương khác cũng vi phạm công ước này: việc Trung Quốc gây sức ép trên các tập đoàn Mỹ, không được làm ăn với VN trong việc thăm dò dầu khí; áp đặt một lệnh cấm đánh bắt cá hàng năm đơn phương đối với ngư dân Việt Nam... Theo ông Thayer, vấn đề Biển Đông cần được giải quyết trên cơ sở của UNCLOS, bằng không thì khu vực lại lâm vào tình trạng “*kẻ mạnh sẽ làm những gì họ có thể làm và kẻ yếu phải hứng chịu những gì họ phải chịu*”, và việc Trung Quốc biến Biển Đông thành «*ao nhà*» sẽ làm suy yếu một chế độ pháp lý quốc tế đang đóng góp cho trật tự toàn cầu. Quan điểm của giáo sư Thayer cũng được ông Mark Valencia, một chuyên gia phân tích chính sách hàng hải

và là cựu chuyên viên nghiên cứu cao cấp tại Trung tâm Đông-Tây ở Hawaii nêu bật trên tờ Japan Times số ra ngày 29/06/2011. Đối với ông Valencia, nếu Trung Quốc thực thụ đi theo chiều hướng hiện tại, nghĩa là kiên quyết bảo vệ các đòi hỏi chủ quyền nêu lên trong tấm bản đồ 9 đường gián đoạn của họ (bao gồm tất cả vùng biển và tài nguyên của Biển Đông), đồng thời quyết định cơ chế quản lý việc đi lại sẽ được áp đặt tại đó, thì **đấy là một quan điểm cực đoan và có thể dẫn tới chiến tranh.**



*Chú thích: “*Đường lưỡi bò*», “*đường chữ U*» hay “*đường chín đoạn*»...(The nine-dotted line, nine-dashed line, U-shaped line, nine-dash map and similar names, including (Chinese: 南海九段线; literally: “*Nine-segment line of the South China Sea*”; Vietnamese: Đường lưỡi bò; literally: “*cow’s tongue line*”), là những cách gọi khác nhau mà các học giả trên thế giới dùng để chỉ yêu sách phi lí của Trung Quốc, chạy sát bờ biển của các nước có chung Biển Đông, có đoạn chỉ cách bờ biển Việt Nam khoảng

50 đến 100 km. Đường này còn chạy sát bãi James Shoal của Malaysia và đảo Natuna của Indonesia, đảo Luzong thuộc quần đảo Philippin, và chiếm đến 80% diện tích Biển Đông.

4. HUỖNH HÀ = Hoàng Hà. Hoàng Hà (Yellow river) – Dòng sông mẹ của Trung Quốc

The Huang He is the second longest river in China. (The Yangtze River is the longest.) The name Huang He means “*Yellow River*” in Chinese. A great Chinese civilization developed along its banks by about the 1700s BC.

Hoàng Hà (tiếng Hán: 黄河 Huang He), là con sông dài thứ hai ở Trung Quốc với chiều dài 5.464 km. Hoàng Hà nghĩa là Dòng sông vàng do màu sắc của dòng phù sa mà nó mang theo trên các vùng đất. Nền văn minh sớm nhất của Trung Quốc đã xuất hiện dọc theo hai bờ sông này Hoàng Hà được xem là cái nôi của nền văn minh Trung Quốc. Những triều đại đầu tiên trong lịch sử Trung Quốc (Hạ, Thương, Chu) đều hình thành ở lưu vực Hoàng Hà. Về sau, người Trung Quốc mới tiến dần về phía Nam ở lưu vực sông Trường Giang. Hoàng Hà bắt nguồn từ dãy núi Côn Lôn ở phía tây bắc tỉnh Thanh Hải, từ độ cao 4.500 m trong vùng lòng chảo Yekuzonglie nằm ở phía bắc của dãy núi Bayankara trên cao nguyên Thanh Tạng. Trong lịch sử hàng ngàn năm của Trung Quốc, Hoàng Hà vừa đem lại lợi ích vừa đem lại tai họa cho người dân, vì thế nó còn được coi là “*Niềm kiêu hãnh của Trung Quốc*” và “*Nỗi buồn của Trung Quốc*.” Các ghi chép chỉ ra rằng, từ năm 602 đến ngày nay, con sông này đã ít nhất 5 lần đổi dòng và các con đê bao bọc đã vỡ không dưới 1.500 lần..

Hiện tại Hoàng Hà chảy qua Tế Nam, thủ phủ của tỉnh Sơn Đông và đổ ra biển Bột Hải (vịnh Bột Hải). Con sông này cung cấp nước cho hơn 155 triệu người và 15% diện tích đất nông nghiệp của Trung Quốc. Hoàng Hà là cái nôi của nền văn minh Trung Hoa, nhưng đồng thời nó gây ra không biết bao nhiêu tai họa cho nhân dân trong vùng... Hoàng Hà đã chứng kiến không biết bao nhiêu sự kiện trọng đại trong lịch sử Trung Quốc. Con sông vĩ đại này là đề tài, là nguồn cảm hứng bất tận cho nhiều tác phẩm thơ ca, văn học nghệ thuật Trung Quốc qua nhiều thời đại. Hoàng Hà và sông Dương Tử (Chang Jiang) đã đem lại nền văn minh, thịnh vượng cho Trung Hoa. Sông Hoàng Hà thật uy nghi dưới ngòi bút của Lý Thái Bạch:

TƯƠNG TIẾN TỬU

*Quân bất kiến Hoàng hà chi thủy thiên thượng lai
 Bôn lưu đảo hải bất phục hồi?
 Quân bất kiến cao đường minh kính bi bạch phát
 Triều như thanh ty mộ thành tuyết?
 Nhân sinh đặc ý tu tận hoan.
 Mạc sử kim tôn không đối nguyệt
 Thiên sinh ngã tài tất hữu dụng
 Thiên kim tán tận hoàn phục lai...*

SẤP MỜI RƯỢU

*Anh chẳng thấy nước sông Hoàng hà từ trên trời đổ xuống
 Chảy thẳng đến biển mà chẳng hề quay lại?
 Lại chẳng thấy trên nhà cao gương sáng buồn tóc bạc
 Sáng tóc như tơ xanh mà chiều đã thành tuyết bạc
 Sinh trên đời nếu đặc ý nên tận vui trọn*

*Chỗ để chén vàng trống không trơ dưới nguyệt
Trời sinh ta tất phải có chỗ dùng
Ngàn vàng tiêu sạch rồi lại có...*

(LÝ BẠCH – LÝ TRÍCH TIÊN – LÝ GIÁO TÔNG
TÙNG THIÊN – TỪ BẠCH HẠC)

TIẾT 2. GIỮ NƯỚC HAY GIỮ ĐẢNG?

Mượn đường không địa LIÊN, HOA.

Có phải hỏa tiễn liên lục địa của Nga và Trung Hoa sẽ làm cho LÀO, MIÊN, THÁI, ÚC thảm bại trước? Nga là nhà xuất khẩu vũ khí lớn thứ 2 của thế giới sau Mỹ. Trong kho vũ khí của Nga, RS-24 yars là hệ thống tên lửa đạn đạo liên lục địa có thể mang nhiều đầu đạn hạt nhân độc lập để tấn công nhiều mục tiêu với tầm bắn 10.000 dặm (hơn 10.000 km). Mỗi tên lửa loại này có sức mạnh bằng 100 quả bom nguyên tử đã được thả xuống Hiroshima tháng 8/1945.

Thế giới hiện đang chứng kiến hai nước cộng sản anh em đang gia tăng các liên kết kỹ lục. Về kinh tế: hai nước vừa ký với nhau một thoả thuận được xem là lớn nhất trong lịch sử ngành công nghiệp khí đốt thiên nhiên trị giá 400 tỉ, kéo dài trong 30 năm; về quân sự: lực lượng hải quân hai nước phối hợp tổ chức các cuộc tập trận trên diện rộng ở biển Hoa Đông, gửi một thông điệp trực tiếp, mang tính đe dọa đến Nhật, đồng minh khu vực của Mỹ. Trong hoàn cảnh đó, mối liên minh Nga-Trung là trở ngại cho nhu cầu củng cố an ninh quốc phòng của Việt Nam. Chính quyền Việt Nam đang phải khiêu vũ giữa bầy sói. Hà Nội lại tiếp tục xoay sở trên sợi dây xiếc căng thẳng giữa các quyền lực lớn đan chéo. Chọn lựa nào của

Hà Nội cũng sẽ phải trả lời câu hỏi cơ bản: Tổ quốc hay Đảng Cộng sản?

Bắc Kinh từ năm 1946 đã cho rằng, chiến tranh thế giới thứ III là điều không tránh khỏi. quan điểm chủ đạo của “*Sách trắng*” vẫn bất di, bất dịch là – sẽ nổ ra chiến tranh thế giới thứ III. Văn kiện này lý giải rằng, sẽ có ba nhân tố gây ra nó: chủ nghĩa bá quyền và chính sách vũ lực của một bên; khoảng cách giữa các nước giàu và nghèo tăng lên và tranh chấp các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Nếu Trung Quốc xây đường băng 2km trên đảo Gạc Ma thuộc quần đảo Trường Sa của VN, thì miền Nam VN sẽ nằm trong vùng tấn công của chiến đấu cơ Trung Quốc.

Hòn đảo này được Trung Quốc đổ thêm bê tông để biến thành đảo nhân tạo. Toàn bộ hòn đảo có chiều dài 5.000m, rộng 400m. Trung Quốc biến Gạc Ma thành cơ sở không quân. Đảo này cách TP. HCM 830km; cách Manila 890km. Nếu Trung Quốc cho xây đường băng dài 2.000m trên đảo Gạc Ma, các chiến đấu cơ Su-30; J-10; J-11 sẽ có khả năng tác chiến vươn tới tận Malacca và toàn bộ miền Nam Việt Nam đều nằm trong phạm vi tấn công của các chiến đấu cơ này. Có phải vì thế nên khi chiến tranh đối đầu xảy ra, các nước LÀO, MIÊN, THÁI, ÚC cũng bị ảnh hưởng và phải “*chia tay trận tiền*” vì quân sự và vũ khí kém hiện đại hơn?

Dương ĐÔNG lại kích miền Nam địa.

Khắp Trung kỳ đã phía Tây Châu.

Nam-Vang là ải địa đầu,

Để cho Thiên quốc chừ hầu giao phong.

Họ nghi binh ở biển Đông nhưng sẽ từ biên giới Tây Nam đánh qua với Phnom Penh là ải địa đầu? Trung

cộng dùng chiến thuật dương đông kích tây, xây đường bay ở Trường Sa nhưng sẽ đánh miền Nam VN? Còn miền Trung đã mất trước đó?

1. Trung quốc dùng con cờ mới tạo xung đột Việt-Miên

Chủ nghĩa dân tộc cực đoan là môi trường để các chính trị gia cơ hội dùng hận thù kích động chiến tranh, khơi dậy mặc cảm dân tộc như một thủ đoạn chính trị để nắm lấy quyền lực.

Ngày 11 tháng Giêng 2014 vừa qua tại Siem Reap, Sam Rainsy, lãnh tụ đảng đối lập Cứu Nguy Dân Tộc Cambodia (CNRP) lần nữa tuyên bố: “*Chúng tôi đứng về phía Trung Quốc và chúng tôi ủng hộ Trung Quốc trong việc chống Việt Nam về chủ quyền Biển Đông*”.

Sam Rainsy còn đi xa hơn khi xác nhận và hành diện được là người Miên mang dòng dõi Hán. Ông ta tự nhận rằng tổ tiên đã di cư từ Trung Quốc sang Miên hàng 100 năm trước và cho rằng dân Miên gốc Hoa chiếm đa số trong tổng số dân Cambode. Mới đây Sam Rainsy cũng nhắc lại trong buổi phỏng vấn dành cho BBC: “*Chúng tôi noi gương cố Quốc vương Norodom Sihanouk, người ngay từ những năm 1950 đã xây dựng quan hệ rất tốt với Trung Quốc. Trung Quốc là một cường quốc, không ai có thể bỏ qua. Trung Quốc là tương lai. Chúng tôi hy vọng Trung Quốc sẽ giúp Campuchia bảo vệ chủ quyền...*”

Sam Rainsy còn lặp lại câu mà Hun Sen đã dùng trước đó “*Chúng tôi biết ơn Trung Quốc vì họ giúp chúng tôi rất nhiều mà không đòi hỏi gì ngược lại*”. Sam Rainsy chống CSVN quyết liệt, luôn tìm cách kích động các mâu thuẫn lãnh thổ và lịch sử giữa Việt Nam và Cambode.

Sam Rainsy viết trong Cambodia Daily tháng 10, 2013: *“Tất cả người dân Cambode vẫn còn nhớ số phận bi thảm của Kampuchea Krom hay dân miền Nam Cambode, gồm 21 tỉnh Khmer đã bị Việt Nam sáp nhập vào thế kỷ trước, với sự đồng lõa của thực dân Pháp, theo sau nhiều thập niên di dân ồ ạt. Kết quả, số người Việt đông hơn người Cambode. Và theo các cân địa lý dân số mới, như một sự kiện đã rồi, đã hợp thức hóa việc Việt Nam sáp nhập lãnh thổ Cambode. Nhân dân Cambode đang lo sợ một sự kiện đã rồi khác đang được chuẩn bị, và lần này có nghĩa là cái chết của đất mẹ Khmer”.*

Sam Rainsy ngang nhiên nói: *“Đảng của chúng tôi ủng hộ Trung Quốc trong việc bảo vệ toàn bộ lãnh thổ của các bạn. Tất cả mọi hòn đảo do Trung Quốc bảo vệ là lãnh thổ của Trung Quốc. Chúng tôi lên án bất cứ hành động xâm lược nào. Những hòn đảo ấy là của Trung Quốc và chỉ thuộc về Trung Quốc mà thôi”.* Kem Sokha, cấp phó của Sam Rainsy trong Đảng Cứu nguy dân tộc Campuchia (CNRP) cũng hứa hẹn với cử tri: *“Nếu thắng cử, chúng tôi sẽ đuổi hết người yuon về Việt Nam”.*

Trung Cộng chủ trương mượn tay Campuchia để bao vây và cô lập Việt Nam như họ đã từng làm sau năm 1975. Vào năm 1978, phương tiện là vũ khí nhưng lần này tài chánh sẽ là phương tiện chính. Hun Sen từng tuyên bố *“Trung Quốc nói ít làm nhiều”* vì viện trợ của Trung Quốc không đặt ra các điều kiện nhân quyền trong khi nhân quyền lại là tiền đề thảo luận với các nước dân chủ. Trong bang giao quốc tế, chế độ Hun Sen ủng hộ chính sách *“Một Trung Quốc”*. Trong hội nghị cấp Bộ trưởng Ngoại Giao tháng Bảy 2012, Hun Sen chọn đứng về phía

Trung Cộng qua việc đóng vai “*trung lập*” trong xung đột biển Đông. Chu kỳ thù hận Việt-Trung-Miên, do đó, không biết bao giờ dứt.

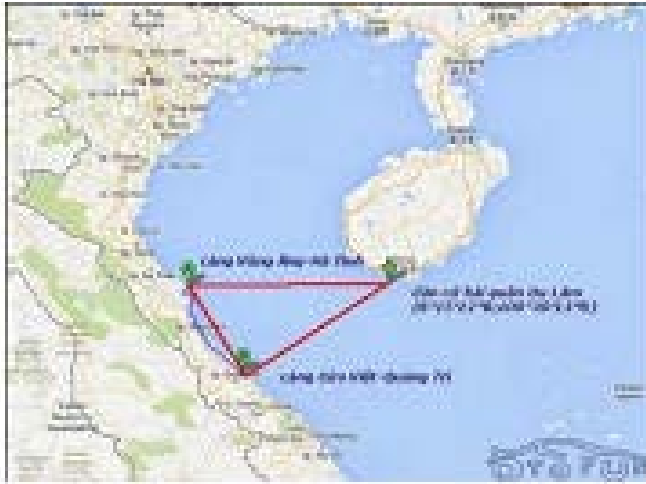
Mới đây (6-2015), Bộ ngoại giao Campuchia liên tiếp gửi hai công hàm ngoại giao cho chính quyền Hà Nội để phản đối về việc Việt Nam tự ý ao mương thủy lợi trong khu vực biên giới.

Cũng như những năm trước, lễ kỷ niệm ngày Pháp cắt đất Kampuchea Krom cho Việt Nam quản lý được tổ chức vào ngày 4 tháng 6, với sự tham dự của gần 3000 người, trong đó có tu sĩ, học sinh sinh viên, thanh niên, đại diện các hội đoàn Khmer Krom, các đảng phái chính trị và hoàng gia Campuchia. Phát biểu trong buổi lễ, Hoàng thân Sisovath Thomico nhắc lại các sự kiện lịch sử liên dẫn đến việc mất đất, ông còn cho rằng hiện nay Việt Nam vẫn tiếp tục thực hiện chính sách bành trướng, thâm tóm Campuchia và người Việt tại Campuchia là một phần của chính sách này. Ông nói: *Nếu chúng ta nghiên cứu các chiến lược mà họ sử dụng để chiếm đất Kampuchea Krom. Họ mượn đất để làm căn cứ huấn luyện binh lính trong thời hạn 5 năm, thế nhưng trong thời hạn 5 năm đó, họ đưa dân của họ vào sinh sống, sau đó họ thành lập bộ máy hành chính để quản lý dân của họ.*” (theo Sơn Trung 06-10-2015)

Từ những dữ kiện trên cho ta một suy nghĩ rằng phải chăng những hành động gần đây tại Campuchia đang nằm trong âm mưu giật dây của Trung Quốc. Nhất là những đòi hỏi vô căn cứ cho rằng vùng Nam Bộ của Việt Nam là đất Campuchia... Họ đã từng tuyên bố ủng hộ Trung Quốc về chủ quyền biển đảo thì lần này cũng

có thể chịu sự dắt mũi của Trung Quốc để đánh đòn tập hậu đối với Việt Nam. Nhất là trong tình hình Trung Quốc đang ngày càng ngang ngược bất chấp luật pháp Quốc tế. Trung Quốc dùng Campuchia đâm hông Việt Nam. Phía đông đã có biển Đông, Trường Sa, Hoàng sa đang được xây thành đảo có phi trường quân sự và lực lượng hải quân mạnh gấp nhiều lần Việt Nam. Phía bắc là hàng hóa, nhập siêu và trăm mưu ngàn kế khác như thuê đất dài hạn, bauxite Tây Nguyên,...

Khắp Trung kỳ đã phía Tây Châu.



2. Formosa đề xuất lập đặc khu kinh tế gang thép Vũng Áng: Khu kinh tế do Trung Quốc đầu tư lớn ở Hà Tĩnh bất ngờ đòi tự trị. Tin cho biết Ban lãnh đạo khu kinh tế Formosa vừa có văn bản gửi Phó Thủ tướng CSVN Hoàng Trung Hải yêu cầu cho thiết lập đặc khu kinh tế tự trị. Theo văn bản này, Tổng giám đốc công ty Hưng

Nghiệp Formosa Dương Hồng Chí, vốn là một người gốc Hoa, lý giải việc thiết lập đặc khu kinh tế nhằm phục vụ cho quá trình xây dựng cảng nước sâu Sơn Dương và đầu tư các ngành công nghiệp liên quan như gang thép, điện, nước... nói một cách khác, yêu cầu này có nghĩa muốn tách vùng Vũng Áng, Hà Tĩnh, trở thành như một vùng tự trị trong lòng Việt Nam. Thử đòi tự trị lại đưa cho phó thủ tướng Hoàng Trung Hải, được coi là nhân vật thân cận với Trung Cộng, đang nằm trong bộ máy lãnh đạo cao cấp của chế độ CSVN.

Lâu nay, khu kinh tế Vũng Áng (Kỳ Anh, Hà Tĩnh) – khu công nghiệp lớn nhất Bắc Trung Bộ bị đồn đoán là nơi tập hợp lực lượng bí ẩn của chính quyền Trung Quốc tại Việt Nam. Hiện nay còn khoảng 10.000 người Trung Quốc ở Vũng Áng, Hà Tĩnh. Từ lâu nay, người Trung Quốc đến đây xây dựng con đường riêng, khu phố riêng, lấy vợ Việt... biến vùng này trở thành một China Town ở một cứ điểm trọng yếu của Việt Nam. Đáng lo là phần lớn công nhân ở đây đều không có giấy tờ để kiểm soát, thậm chí dân trong vùng còn cho biết rất nhiều nhóm người Trung Quốc ở đây bí mật vũ trang, phong cách không khác quân đội. Đây là một đòn phép mới của Trung Quốc trong âm mưu xâm lược. Việc này đồng nghĩa Việt Nam đã nằm gọn trong tầm kiểm soát của Bắc Kinh. Ở đây tính chất nguy hiểm của nó còn gấp bội. Mỗi một đặc khu trên đất liền sẽ gấp bao nhiêu lần cái giàn khoan HD-981. Mỗi một đặc khu, mỗi một dự án của TQ, phải chăng sẽ là một căn cứ quân sự khi cần. Chính vì thế lợi dụng chính sách đầu tư quá thông thoáng và buông lơi cảnh giác của ta, TQ đã ồ ạt cho đội quân thứ 5 khoác

áo thương nhân tràn sang VN. Trước mắt, họ kiếm tiền làm suy yếu nền kinh tế, phá hoại tận gốc nền kinh tế, rồi đầu độc dân VN từ tinh thần đến vật chất, phá hủy môi trường, làm cho giống nòi VN tàn lụi.

Nếu tiến trình Hán hóa địa cầu, chiếm lĩnh kinh tế, nhất thống Đại Trung Quốc hoàn tất, ánh dương quang “*dân chủ tự do*” sẽ biến mất trên mặt địa cầu và từ đó một phần lớn của nhân loại sẽ sống trong bóng tối của sự khống trị tham lam và tàn bạo... Thêm vào đó, nếu để cho Trung Quốc cứ ung dung phát triển kinh tế ở một tốc độ cao thì không bao lâu nữa nguyên liệu và nhiên liệu trên toàn thế giới sẽ bị hút vào nền kinh tế đó với một tốc độ gây khủng hoảng chưa từng thấy và không bao lâu thì trái đất chỉ còn là một địa cầu khô cạn và đầy rác rưởi. Chưa hết, nếu để cho Trung Quốc tiếp tục nuôi dưỡng những căn cứ địa sản xuất ma dược và thu mua một cách thông dong thì không bao lâu nữa khó mà tưởng tượng nổi số người trên thế giới bị nghiện ngập ma túy. Những thứ ma dược này được sản xuất hàng tấn, do đội quân thể lực đen --gồm những tên tướng lãnh độc tài, những lãnh chúa chiến tranh, những lãnh chúa ma dược-- đảm trách để dùng đó trao đổi vũ khí Trung Quốc, rồi được dấu trong hàng hóa đóng hộp theo đường mậu dịch xâm nhập vào những quốc gia khác trên thế giới để vừa gây băng hoại xã hội và tiêu hao tài nguyên cho những quốc gia đó. Đó là điều mà Trung Quốc gọi là “*chiến lược phá hoại tiềm lực đối phương*” vừa kiếm được ngoại tệ cho đội quân thể lực đỏ.

Một chính phủ khôn ngoan biết tìm cách chặn đứng mưu đồ xâm lấn lãnh thổ, biến các dự án thành các pháo

PHẦN IV (TỪ CÂU 33 ĐẾN 48)

đài quân sự, di dân xuống phía Nam theo chủ trương đã từng nói ra từ thời Mao Trạch Đông. Đó là thông qua con đường giao lưu thương mại ngày càng đưa nhiều người sang VN, lấy vợ, sinh con, lập làng, lập phố...

PHẦN V (TỪ CÂU 49 ĐẾN 60)

49. *Nhìn thấy thế động lòng Tiên Phật'
Giành giết nhau ngày ngất cuồng si.
Thương dân nào tội tình gì?
Buộc vòng oan nghiệt sáu bi đọa dày.*
53. *Đồng Tháp rộng chờ ngày lập vị. *
Chánh Bảo Giang tường thị là đây.
Vạch xong Tứ tượng tam tài,
Địa Sơn qui thống trần ai cung vàng.*
57. *Bản đạo xuất Linh quang diễn tả,
Mượn lời châu quang nhả để thơ.
Cùng ai kiên chí đợi chờ,
Tri âm xin chớ hững hờ buông dây.*

Dẫn giải

TIẾT 1. TÌM HIỂU VỀ ĐỒNG THÁP, BẢO GIANG

Ngài xác nhận BẢO GIANG ở Đồng Tháp. Vì sao Ông Trên chọn tỉnh Đồng Tháp mà không phải là Thánh địa Tây Ninh hay Tiền Giang là địa phương có KHỔ HIỀN TRANG Thảo đường phước địa? Chúng ta hãy tìm hiểu Lịch sử đất Đồng Tháp như thế nào mà được chọn làm nơi xuất Thánh?

I. ĐẤT ĐỒNG THÁP

Đồng Tháp là một tỉnh nằm ở miền Tây Nam Bộ, thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long, Việt Nam. Vùng đất Đồng Tháp được Chúa Nguyễn khai phá vào khoảng thế kỷ XVII, XVIII.



Từ năm 1832, sau cải cách hành chính của Minh Mạng, phần đất tỉnh Đồng Tháp ngày nay nằm trên địa bàn hai tỉnh Định Tường nhà Nguyễn (phần phía Bắc tỉnh Đồng Tháp, cũng là phần phía bờ Bắc sông Tiền Giang) và tỉnh An Giang của nhà Nguyễn (phần phía bờ Nam sông Tiền, nằm giữa sông Tiền và sông Hậu, nay là phần phía Đông Nam tỉnh Đồng Tháp). Phần đất tỉnh Đồng Tháp ngày nay vào thời Việt Nam Cộng hòa hầu như nằm trọn vẹn trên địa bàn hai tỉnh Kiến Phong (phần phía Bắc tỉnh Đồng Tháp, cũng là phần phía bờ Bắc sông

Tiền Giang) và Sa Đéc (phần phía bờ Nam sông Tiền, nằm giữa sông Tiền và sông Hậu, nay là phần phía Đông Nam tỉnh Đồng Tháp). Sau ngày 30 tháng 04 năm 1975, tỉnh Sa Đéc và tỉnh Kiến Phong hợp nhất thành tỉnh Đồng Tháp. Tỉnh Đồng Tháp nằm ở cửa ngõ của sông Tiền, có đường biên giới giáp với Campuchia có chiều dài hơn 50 km với 4 cửa khẩu. Phía Bắc giáp với tỉnh Long An, phía tây bắc giáp tỉnh Preyveng thuộc Campuchia, phía nam giáp An Giang và Cần Thơ. Tỉnh Đồng Tháp có đường biên giới quốc gia giáp với Campuchia với chiều dài khoảng 50 km từ Hồng Ngự đến Tân Hồng, với 4 cửa khẩu.

Diện tích: 3.238 km².

Dân số (2004): 1.667.579 người.

Tỉnh lỵ: thị xã Cao Lãnh.

Các huyện: thị xã Sa Đéc; huyện: Tân Hồng, Hồng Ngự, Tam Nông, Thanh Bình, Tháp Mười, Cao Lãnh, Lấp Vò, Châu Thành, Lai Vung.

Dân tộc: Việt (Kinh), Khmer, Hoa, Chăm.



Biểu tượng: chim hạc

Hệ thống sông ngòi, kênh rạch chằng chịt, nhiều ao hồ lớn. Sông chính là sông Tiền (một nhánh của sông Mê Kông) chảy qua tỉnh với chiều dài 132 km (82 miles). Dọc theo hai bờ sông Tiền là hệ thống kênh rạch dọc ngang. Thị xã Cao Lãnh cách quốc lộ 1A 36 km (22 miles), cách thành phố Sài Gòn 162 km (101 miles). Theo các lý thuyết của các nhà địa lý học thì vào khoảng vài ngàn năm trước, mực nước Biển Đông đã lên đến mức tối đa, nhiều nơi ở đồng bằng

sông Cửu Long – Ở hai bên nhánh Sông Tiền và Sông Hậu – đã từng bị ngập nước. Rồi dần dần mực nước biển rút xuống và phù sa sông Cửu Long (hai nhánh Tiền và Hậu giang) đã bồi dần dần thành đồng bằng bao la như ngày nay. Từ nay cho đến vài trăm năm tới thì mực nước Biển Đông có thể tăng thêm vài thước nữa, do đó hiện nay thường có nhiều nạn lụt ở châu thổ sông Cửu Long. Rồi khoảng vài ngàn năm nữa thì mực nước Biển Đông sẽ rút xuống rất nhiều, Vịnh Thái Lan có thể trở thành khô cạn, đồng bằng sông Cửu Long sẽ mở rộng ra.

II. VƯƠNG QUỐC PHÙ NAM



Bản đồ vương quốc Phù Nam từ thế kỷ 1 đến thế kỷ 6

Phù Nam (tiếng Phạn: नगम, Nokor Phnom; FUNAN) là một quốc gia cổ trong lịch sử Đông Nam Á, xuất hiện khoảng đầu Công Nguyên, ở khu vực hạ lưu và châu thổ sông Mê Kông. Các nhà khảo cứu chưa biết tên thật sự của vương quốc này. Phù nam là tên do Trung quốc đặt. Theo nhiều thư tịch cổ Trung Quốc, thì trong thời kỳ hưng thịnh, vương quốc này về phía Đông, đã

kiểm soát cả vùng đất phía Nam Trung Bộ (Việt Nam), về phía Tây đến thung lũng sông Mê Nam (Thái Lan), về phía Nam đến phần phía Bắc bán đảo Mã Lai. Quốc gia này tồn tại cho đến khoảng nửa thế kỷ 7 (sau năm 627) thì bị sáp nhập vào lãnh thổ của Chân Lạp (CHENLA). Ngay khi sự kiểm soát của quốc vương Phù Nam tỏ ra yếu kém thì vua Viravarman của một tiểu quốc vùng núi Dangrek, từng là chư hầu triều cống cho vua Phù Nam đã nổi lên chống lại. Chân Lạp bấy giờ đã dùng vũ lực xung đột với Phù Nam ở phương nam và Chiêm Thành ở phía đông, dần dần mở mang bờ cõi. Nước Chân Lạp sau đó chia làm hai phần: Thổ Chân Lạp ở phía bắc (đất gốc của họ) và Thủy Chân Lạp ở phía nam (phần chiếm của Phù Nam).

Mãi đến thế kỷ 17 – thế kỷ 18, phần lãnh thổ xưa kia được coi là trung tâm của Phù Nam (Thủy Chân Lạp) đã trở thành một bộ phận của lãnh thổ Việt Nam, tức Nam Bộ ngày nay.

Vương quốc Phù Nam đã biết cách luyện kim, có thư viện với nhiều sách vở chữ Phạn, có luật lệ, hệ thống thu thuế và nông nghiệp, thương mại đều phát triển. Theo miêu tả của vị sứ thần Trung Hoa thì người dân Phù Nam có nước da đen đúa xấu xí, tóc quăn và đa số ở ruộng, đi chân không. Đến đời vua Hun Fan Huang (thế kỷ thứ hai) đã ra lệnh cho tất cả thần dân của Ngài về sau phải quấn vải vào phần dưới thân thể, tiền thân của chiếc sà-ron mà người Thái, Miên và Mã Lai thường mặc ngày nay. Vương quốc sử dụng chữ Phạn cổ Sanscrit của Ấn Độ trong công việc hành chính và thương mại. Trong vòng 300 năm sau ngày lập quốc, Phù Nam đã có một hạm đội chiến thuyền

và quân lực hùng mạnh. Vương quốc Phù Nam đã chinh phục được hầu như toàn thể những khu dân cư của vùng Mã Lai – Thái lan – Miên và nam Miến Điện để kiểm soát đường hàng hải của các thương thuyền giữa Trung Hoa và Ấn Độ. Những thân dân của Phù Nam xưa thuộc giống người thổ da đen Khmer, Môn-Khmer, Miến, và dân đa đảo Malay-indônêsiên. Ngôn ngữ sử dụng thuộc hệ Ấn độ pha trộn với nhiều sắc thái, thổ ngữ địa phương. Người nước Phù Nam theo đạo Bà La Môn và Phật giáo. Vị vua đầu tiên của Vương quốc Phù-Nam lấy hiệu là Kampu (CẨM BỬU), đây là con trai của một vị Bà-la-môn anh hùng người Ấn Độ tên là Kaundinya. Vương quốc này đạt đến sự cực thịnh dưới triều vua Kaundinya Jajavarman (478–514). Các nhà khoa học đã phát hiện bia ký viết bằng chữ Sanskrit cho hay dưới thời Jayavarman Phù Nam đã xây dựng nhiều công trình thủy lợi, biến nhiều vùng đầm lầy rộng lớn ở hạ lưu sông Mê Kông thành những vùng đồng bằng phì nhiêu, trù phú. Năm 514, Jayavarman mất. Vua Rudravaman lên ngôi (514–539) có sai sứ sang Trung Hoa triều cống. Sau đó, vương quốc Phù Nam bị suy tàn bởi nội loạn và sự nổi dậy của dân tộc Khmer (một xứ phiên thuộc của Phù Nam), tràn sang từ vùng đất thuộc nước Lào bây giờ. Một yếu tố khác góp phần vào sự suy tàn của Phù Nam là nền kinh tế của quốc gia đã đi xuống từ sau những tiến bộ về kỹ thuật hàng hải. Thuyền buôn vào thời điểm này đã có thể đi xa bờ và ít có nhu cầu ghé lại Óc-Eo trên đường đi qua Trung Quốc. Đến năm 627, Phù Nam bị vua Chân Lạp Bhavavarman xóa hẳn tên trên bản đồ. Những thân dân của Phù Nam bị sát nhập vào vương quốc Khmer. Người Khmer ngày nay nhìn nhận vương triều Phù Nam là tổ tiên của dân tộc Khmer và là

một phần của lịch sử Khmer. Người Khmer còn được chúng ta biết đến qua nhiều danh xưng Chân Lạp, Cao Miên, Cam bốt và Kampuchia. Vào lúc người Việt di cư đến vùng đất miền Nam vào năm 1800, người ta tìm thấy một pho tượng nữ vương bằng cẩm thạch bị chôn vùi từ thế kỷ thứ 5 hoặc thứ 6 sau Công nguyên. Có thuyết cho rằng đó là **tượng Quốc mẫu của vương quốc Phù Nam tên là Soma. Người Việt kính cẩn lập đền thờ bà tại núi Sam tỉnh An Giang gọi là đền thờ Bà Chúa Xứ**

**Ghi chú: Bài viết có dẫn tài liệu từ sách Văn hoá và cư dân đồng bằng sông Cửu Long và Văn hoá Oc Eo và các văn hoá cổ ở đồng bằng sông Cửu Long.*

III. NHỊ NƯƠNG ĐIỀU TRÌ CUNG

Cẩm Tú văn chương hà khách đạo?

Thi Thần, tấu Thánh vấn thù nhân?

«Tuy mang lấy tiếng hồng quần,

Cánh tiên còn mển, côi trần anh thư»

Bài thái của Nhị Nương có ý nghĩa như sau:

“Dám hỏi vị Đạo-Nhơn có tài văn chương như gấm thêu hoa kia ở nước nào vậy?

Bút múa nhanh như Thần siêu xuất, tài rệu không thua Thánh, hỏi có mấy ai qua được?

Tuy đã về côi Thiêng liêng, còn nhớ đến vương nghiệp tạo dựng khi ở thế gian.”

Theo sử nhà Tùy, Chân Lạp là một nước nhỏ ở phía tây nam Lâm Ấp (vùng rừng núi Ratakini ở phía tây của Kontum và Pleiku) và dân Chân Lạp thuộc giống dân Khmer. Sau khi tiêu diệt triều đình Phù Nam, vương

quốc Chân Lạp có nội chiến, và đến năm 706 thì lãnh thổ bị phân tranh ra làm hai nước: Thượng hay Thổ Chân Lạp (vùng đất của Campuchia hiện nay), và Hạ hay Thủy Chân Lạp (vùng đồng bằng sông Cửu Long). Năm 802, vua Jayavarman II, một vị vua sáng suốt của Thổ Chân Lạp lên ngôi. Ông thống nhất hai nước, cũng cố hành chính, đổi tên nước là Kambuja (tên nguyên thủy của Campuchia), dời đô về Angkor, mở đầu một kỷ nguyên vàng son. Kinh đô là Cambhupura. Cambhu là Cẩm Bửu, Pura là thành thị. Tên ghép là thành thị Cẩm Bửu

Nữ Vương Jyeshtharyâ là cháu 3 đời của Quốc Vương INDRAKOLA cai trị vùng đất quanh tỉnh Kratié ngày nay (Thủy Chân-Lạp), đồng thời với vua Jayavarman II (802–850). Năm 803, Nữ Vương xây một ngôi tháp ở Cambhupura, là đế đô cũ của vua Mahendravarman (600–615). Kiến trúc của tháp này ảnh hưởng đạo Bà La Môn, nét hoa văn trang trí trên tháp như gấm như thêu. Bà tạc tượng thờ các vị Cổ Phật Bhrama, Civa, Visnou; đó là Phật Giáo Bà-La-Môn. Nữ vương này có tên là Jyeshtharyâ (Cẩm-Tú). Ngươn linh của Bà là “*NHỊ NƯƠNG DIÊU-TRÌ-CUNG*” ở tầng Trời Tạo-Hóa-Thiên dưới quyền Đức PHẬT MẪU. Nhị Nương có phận sự phổ độ dân Cao Miên (Campuchia) theo Đại Đạo Tam Kỳ Phổ độ..

IV. BÀ LA MÔN GIÁO & PHẬT GIÁO PHÁT TRIỂN Ở PHÙ NAM

Phật Giáo đã được truyền bá qua Trung Hoa, xuyên qua ngã Phù Nam, vào cuối thế kỷ VI

Năm 1944, nhà khảo cổ người Pháp là Louis Mallaret, thuộc trường Viễn Đông Bác Cổ, đã đào được nhiều cổ vật ở Ốc Eo. Ốc Eo là nơi thuộc xã Mỹ Lâm, tỉnh Long

Xuyên bây giờ; ở gần núi Ba Thê (Ba Phnom) ở Châu Đốc. Óc Eo là hải cảng của Vyadhapura, theo sách cổ Trung Hoa thì để đồ Vyadhapura cách bờ biển 120 hải lý. Tại Óc Eo thấy có nền một thành cổ dài 1500 thước, có nhiều đồ trang sức với nhiều loại khác nhau: đất nung, thủy tinh, đá quý, kim cương, chì thiếc, bạc vàng... còn có bùa đeo, con dấu và đồng tiền nhiều loại, có cả đồng tiền La Mã nữa. Đặc biệt có nhiều đồng tiền cắt đôi, cắt tư, cắt tám làm tiền lẻ... Tại Óc Eo, nhà khảo cổ còn tìm thấy các khuê bài bằng vàng của hoàng đế La Mã, Antonius Pius, năm 152 T. L. và các ấn chiếu ghi chữ Phạn thời này.

* Song song với sự phát triển của Ấn Độ Giáo, Phật Giáo cũng phát triển vượt bậc nhờ sự truyền bá đạo Phật từ Ấn Độ dưới thời vua Asoka (A-Dục Vương). Nhiều tượng Phật bằng gỗ, đá và đồng đã tìm thấy ở nhiều nơi, các di tích này thuộc thời đại văn hóa Óc Eo như ở Kiên Giang (Rạch Giá), Đồng Tháp Mười, Hậu Giang, Vũng Tàu... Nhiều bia đá ở Chiêm Thành (Chân Lạp, Lâm Ấp) khắc bằng chữ Phạn giảng về Phật Pháp cũng đã được tìm thấy. G. S. Mai Thọ Truyền, trong bài giảng *"Lịch sử Phật Giáo Đông Nam Á"*, khóa mùa xuân 1965, tại Viện Cao Đẳng Phật Học Sài Gòn đã giảng rằng vào đầu thế kỷ VI, hai nhà sư Phù Nam là Sanghapala (Tăng Già Bà La) và Mandra (Mạn Đà La) đã qua Trung Hoa và dịch kinh Phật cho triều đình nhà Lương. Năm 546, triều đình nhà Lương đã yêu cầu vua Phù Nam gửi cao tăng đến Trung Hoa, vua Phù Nam đã phái đại sư Paramartha qua thuyết giảng Phật Pháp ở Trung Hoa. Trước đó, vào năm 484, đặc sứ của xứ Phù Nam là đại sư Sakya Nagasena (Sa-Kỳ-Na-Già-Tiên) tại triều đình nhà Nam Tề, đã dâng lên

hoàng đế Vĩnh Minh một tờ biểu có một đoạn dài nói về Phật, Bồ Tát, và những khái niệm về Ba-la-Mật (Paramita), kiếp, nghiệp, luân hồi, tam bảo... Si mê là một mầm móng của tam độc: Tham, Sân, Si. Tam bảo: Phật, Pháp, Tăng, Niết Bàn, điều thiện và cách hành trì để khỏi sa ngã đều được giảng dạy. Những điều này chứng tỏ các nhà sư Phù Nam đã có một kiến thức về tư tưởng Phật Giáo uyên thâm để đi truyền giáo.

Theo truyền thuyết, có một cơn bão lụt dữ dội (tsunami) đã tàn phá hải cảng Ốc Eo và kinh đô Vyadhapura của vương quốc Phù Nam thành bình địa. Các nhà khảo cổ và nhà sử học chưa xác định được năm nào. Văn hóa Ốc Eo đã trải khắp trên vương quốc Phù Nam từ thế kỷ I đến thế kỷ VI. Riêng ở Việt Nam, nền văn minh này được trải rộng từ cao nguyên Lâm Đồng cho đến vùng rừng rậm U Minh ở Rạch Giá Cà Mau. Về phương diện tín ngưỡng, các di tích thuộc nền văn hóa Ốc Eo chứng tỏ rằng Ấn Độ giáo và Phật giáo đã được phổ biến và lưu hành trong dân gian ở xứ Phù Nam. Hai tôn giáo này được du nhập vào đồng bằng sông Cửu Long vào thế kỷ thứ I của Tây Lịch.

Năm 1932, ông Parmentier, nhà khảo cổ nổi tiếng của trường Bác Cổ Viễn Đông ở Hà Nội đến viếng di tích này, đã xem chữ Phạn khắc trên mấy bia đá nứt nẻ đã cho biết rằng: đây là cái “*Tháp Thứ Mười*” trong số mười cái tháp của vua chúa Thủy Chân Lạp hồi xưa. Vì thế thiên hạ đã gọi cánh đồng mênh mông có cái tháp thứ mười ấy là “*Đồng Tháp Mười*”. Tháp Mười làm toàn bằng những tảng đá xanh ở trên một gò cát tại làng Mỹ Thọ thuộc quận Cao Lãnh vào lúc bấy giờ. Ở phía trước Tháp Mười

có một tượng đá sư tử và một trụ cự thạch (trụ đá lớn) gọi là Linga (dương vật) ở trạng thái đầy sinh lực tượng trưng cho sự sinh thành, sinh tồn tức là sự truyền giống. Trong tôn giáo ở Ấn Độ, thần Siva-Bhadresvara được tượng trưng bằng Linga. Đặc biệt, tại đây giới khảo cổ đã phát hiện được di chỉ văn hóa Óc Eo thuộc Vương quốc Phù Nam cách đây khoảng 1500 năm. Các nhà khảo cổ trong các lần khai quật di chỉ Gò Tháp vào các năm 1984, 1993 đã phát hiện nhiều di vật của nền văn hóa Óc Eo dưới lòng đất cát pha sét, có niên đại cách đây trên một thiên niên kỷ rưỡi. Các tượng thần của Hindu giáo như Vishnu, Ganesa, Shiva và các mẫu vật sành sứ, âm chén, khuôn chế tác nữ trang hiện được trưng bày khá phong phú tại bảo tàng Đồng Tháp. Mộ táng bảy lớp và chín lớp bằng gạch kết dính có hoa văn tám cánh thể hiện bốn phương, tám hướng trùng khớp theo la bàn tạo ra sự bí ẩn chưa được khám phá

Quần thể di tích Gò Tháp có tên Prasat Pream Loven gồm có 5 di tích tiêu biểu: Gò Tháp Mười, tháp Cổ Tự, mộ và đền thờ anh hùng Thiên hộ Dương (Võ Duy Dương) và Đốc binh Kiều, gò Minh Sư, miếu Bà Chúa Xứ. Trong khu vực Gò Tháp, các nhà khảo cổ đã phát hiện được nhiều di vật cổ của nền văn minh Óc Eo. Ngày nay, người ta đã biết rằng cách đây trên dưới một thiên niên kỷ rưỡi, trên vùng đất Nam bộ, xưa kia đã từng có một vương quốc tên là Phù Nam, sau đó suy tàn và mất đi vào thế kỷ 6. Các di chỉ văn hóa Óc Eo được phát hiện rất nhiều nơi ở Đồng Nam bộ và Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL). Trở về năm 1755, biết vua Chân Lạp là Nặc Nguyên (Ang Tong) thông sứ với chúa Trịnh ở ngoài Đàng Ngoài để

lập mưu đánh chúa Nguyễn, chúa Nguyễn Phúc Khoát sai Nguyễn Cư Trinh sang đánh Nặc Nguyên. Năm 1756, Nặc Nguyên thua bỏ thành Nam Vang chạy sang Hà Tiên nhờ Mạc Thiên Tứ, rồi xin dâng hai phủ Tâm Bôn và Lôi Lạp (nay là Tân An và Gò Công) cho chúa Nguyễn để cầu hòa. Năm 1757 Nặc Nguyên (ANG TONG) mất, chú họ là Nặc Nhuận dâng hai phủ Trà Vinh và Ba Thắc (Sóc Trăng) xin chúa Nguyễn Phúc Khoát phong cho làm vua Chân Lạp. Sau đó Nặc Nhuận bị người con rể là Nặc Hinh giết và cướp ngôi. Quan tổng suất là Trương Phúc Du thừa kế sang đánh thắng Nặc Hinh. Chúa Nguyễn cho lập Nặc Tôn (Outey II), con Nặc Nhuận vốn đang nương nhờ Mạc Thiên Tứ ở Hà Tiên trong lúc hoạn nạn làm vua Chân Lạp. Nặc Tôn dâng đất Tâm Phong Long (vùng đất nằm giữa Sông Tiền và Sông Hậu tương ứng với Châu Đốc, Sa Đéc) để tạ ơn chúa Nguyễn. Đất miền nam Việt Nam bây giờ thì trước đó là đất của Chân Lạp, tuy nhiên trước đó thì Chân Lạp lại là kẻ chiếm đất của Phù Nam đã từng tồn tại từ khoảng thế kỷ 1 đến thế kỷ 7 tại đồng bằng sông Mekong.

IV. DI TÍCH GÒ MINH SƯ-TAM THẾ PHẬT

Các nhà khảo cổ học khẳng định cư dân Óc Eo sinh sống ở Gò Tháp từ khoảng thế kỷ thứ II trước Công nguyên cho đến khoảng thế kỷ XII sau Công nguyên, tức khoảng 1400 năm. Thế nhưng vì sao người Óc Eo lại xây tháp thờ Thần và Phật theo văn hóa Ấn Độ? Khoảng thế kỷ thứ I sau Công nguyên, người Óc Eo tiếp xúc với người Ấn Độ. Những tăng lữ Bà La Môn (Hindu giáo) đã đến khu vực đồng bằng sông Cửu Long truyền giáo cùng với

thương nhân làm ăn buôn bán.

Sau khi khai quật từ hố 1–9 thì nhóm khảo cổ đã xác định có một ao thần (stepped pond), mỗi cạnh trên dưới 100m tại Gò Tháp, giống kiểu ao thường gặp trong văn hóa Óc Eo muộn từ thế kỷ VII-XII. Đặc điểm ao là phía trong tường được kè bằng lớp gạch vụn và đất sét, bên ngoài xây các hàng gạch với kiểu xếp gạch so le và đổ cát giữ cho tường không đổ vào bên trong ao. Nhờ vậy mà ao này sử dụng hàng ngàn năm nhưng tường không bị sạt lở. Theo nhận định của nhóm khảo cổ, đây là ao chứa nước phục vụ sinh hoạt và tế lễ của cư dân Óc Eo ở khu vực này. Khai quật hố thứ 10 rộng 126m² và phát hiện kiến trúc đền thờ. Đó là kiến trúc xây bằng gạch dài 11,1m, rộng 7,56m. Đền này mở cửa theo hướng đông lệch bắc. Nền có bốn lớp gạch. Dưới lớp gạch cuối cùng là lớp đất nện pha cát, đất vàng nâu pha với gạch vụn nhỏ. Nơi thờ phụng nằm ở trung tâm kiến trúc được xây bằng gạch xây kiểu chữ vạn (swastika). Nhiều khả năng kiến trúc đền thờ phát hiện ở hố khai quật thứ 10 là đền thờ thần Shiva. **Brahma, Vishnu và Shiva hợp thành bộ tam thần Trimurti của văn hóa Ấn Độ, trong đó Brahma là thần tạo hóa, Vishnu là thần bảo hộ và Shiva là thần hủy diệt.** Còn đền thờ tại hố khai quật số 11 được xác định là “*đền thờ thần Surya – thần Mặt trời*”. Từ cổng di tích đi vào thì gặp ngay gò Tháp Mười, nằm cạnh phế tích Viễn vọng đài. Mặc dù chỉ mới khai quật phần nửa kiến trúc bên dưới gò nhưng các nhà khảo cổ học đã xác định được đây là đền thờ thần Vishnu, bởi vì đã phát hiện hai tượng thần Vishnu tại đây. Trong đó có một tượng cao 149cm, nặng 70kg đã được công nhận là bảo vật quốc gia trưng

bày ở Bảo tàng Đồng Tháp. Phía đối diện bên phải chùa Pháp Linh là một công trình mái che khổng lồ, kiên cố có ghi “*Gò Minh Sư*”. MINH SƯ này có phải là tên của chi Minh sư trong Ngũ chi Minh Đạo?

*** Minh Sư Đạo có nguồn gốc từ môn phái Phật Đường của Phật giáo Thiên tông tại Trung Quốc. Sau đời Sư Tổ Huệ Năng (638–713), Thiên tông bị đình đốn do bị đàn áp, rồi suy tàn khi người Mãn Châu diệt nhà Minh thành lập nhà Thanh. Minh Sư Đạo bộc lộ tư tưởng Phản Thanh Phục Minh, do đó, Triều đình nhà Thanh đã nhiều lần đàn áp khiến một bộ phận tín đồ theo dòng người Hoa ra hải ngoại trong đó có Việt Nam. Tư tưởng cứu thế của Minh Sư Đạo theo tinh thần Tam giáo. Khẩu hiệu Phục Minh bài Thanh sau đó được đổi thành Phục Nam bài Pháp tại Việt Nam, nên trong thời gian ngắn Minh Sư đã có ảnh hưởng tới cộng đồng người Việt ở Nam Bộ.

Đạo Minh Sư thờ Ngọc Hoàng Thượng Đế, Điều Trì Kim Mẫu, thờ Tam giáo (Đức Thích Ca Mâu Ni, Đức Khổng Tử, Đức Thái Thượng Lão Quân) và chư Phật, Bồ Tát. Phương châm tu của đạo là «*Phổ độ chúng sinh – Chân tu giải thoát*». Giáo lý chia thời gian thành Tam Ngươn: Thượng Ngươn, Trung Ngươn, Hạ Ngươn. Mỗi ngươn có 12 Hội; mỗi Hội thời gian là 10800 năm. Đời mạt kiếp sắp tới, Bồ Tát Di Lạc sẽ xuống trần lập Hội Long Hoa, tế độ tất cả các Linh căn.

Chùa Minh Sư có hai chữ Phật Đường sau tên chùa; trước điện thờ có vòng Vô Cực và ngọn đèn Nhiên Đăng ở tâm vòng tròn, nhằm hiệp nhất tinh hoa của ba nền tôn giáo lớn Nho – Thích – Đạo để tìm lại cội gốc là Đạo. Qui nguyên Tam giáo cũng là tôn chỉ của Đại Đạo Tam

kỳ Phổ độ.

Lời tiên tri trong kinh điển Minh sư: Minh sư là một tông phái thờ Tam giáo, nhưng trọng về Lão, sử dụng cơ bút, tu đơn (tức thiền đạo Lão). Khởi thủy, môn phái này quy tụ các di thần nhà Minh (Trung Quốc), xuất hiện đầu đời Thanh (cuối thế kỷ XVII). Trước khi đạo Cao Đài khai mở, trong tín đồ của Minh sư thường truyền tụng hai câu sau:

**CAO NHƯ BẮC KHUYẾT NHÂN CHIÊM NGƯỜNG,
ĐÀI TÀI NAM PHƯƠNG ĐẠO THỐNG TRUYỀN.**

Kinh của phái này có hai câu:

Con cầu Phật tổ Như lai,

Con cầu cho thấu Cao Đài Tiên Ông.

Trở lại gò Minh sư, đây là trung tâm của quần thể kiến trúc của Gò Tháp đã được khai quật năm 2009. Toàn bộ kiến trúc đã xuất lộ có tổng diện tích lên đến 4000m², lớn nhất trong các kiến trúc đã được khai quật. Kiến trúc xây dựng tại gò Minh Sư rất độc đáo, khác với các kiến trúc đền thờ xung quanh. Gạch nung đỏ tươi được xếp chồng lên nhau rất đẹp mắt, trông như những bức tường thành vững chắc. Các nhà khảo cổ học đánh giá đây là kiến trúc đền thờ thuộc văn hóa Óc Eo đẹp nhất khu vực đồng bằng sông Cửu Long được phát hiện cho đến nay. Kiến trúc trung tâm gò Minh Sư có dạng một ngôi đền hình kim tự tháp cụt, cấu tạo gồm hai hình khối vuông xây nối tiếp nhau nằm theo hướng đông tây. Trong đó, hình khối vuông phía tây (đền) có mỗi cạnh rộng 14,95m. Còn khối vuông phía đông (tháp) xây gá vào kiến trúc đền, có mỗi cạnh rộng 4 – 4,2m. Nhà khảo cổ Pháp Parmentier

đã căn cứ vào minh văn ở một tấm bia nơi tháp cổ này mà xác định rằng ngôi tháp cổ này được vua Javavarman VII (1181–1281) cho xây dựng nên. Đáng lưu ý là bên cạnh thành quách, pho lưỡng, vật dụng chứng tỏ người xưa ở vào trình độ khoa học kỹ thuật cao, ta còn gặp những dụng cụ bằng xương (lưỡi câu, tạo ra với khúc xương nai), những mảnh gốm thô. Phải chăng nước Phù Nam cổ sơ là sự kết hợp không hài hoà giữa giới tăng lữ, quý tộc sống xa hoa và lớp nông nô nghèo đói quá mức. Bao nhiêu hạt chuỗi, trang sức bằng vàng lắm khi rơi rớt bữa bãi phải chăng do đó trận chiến ác liệt, quân ngoại xâm đến thành linh, hoặc người địa phương chạy trốn kịp khi từ ngoài biển khơi lượn sóng thần bất ngờ tràn vào, quá cao, khiến người địa phương không tài nào thoát nạn?



Tượng thần Vishnu tìm thấy tại gò Tháp Mười.

Khu khai quật Gò Minh Sư được gìn giữ cẩn thận.

Ảnh: Việt Thành

TIẾT II. BẢO GIANG LÀ SÔNG NÀO?

I. NGUYỄN BÌNH KHIÊM VÀ SỰ GẮN BÓ VỚI VIỆT NAM:

Khi bước vào Tòa Thánh Tây Ninh, du khách không khỏi ngạc nhiên khi nhìn thấy hình ba vị Thánh đang ký Đệ Tam Hoà Ước với Đức Chí Tôn. Đó là Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm, Victor Hugo, Tôn Văn. Hòa ước vốn vẹn có hai điều:

- **THIÊN THƯỢNG — THIÊN HẠ**
- **BÁC ÁI — CÔNG BÌNH**

Cụ Nguyễn-Bình-Khiêm (1492-1587) Trạng-Trình, hiệu Bạch-Vân cư-sĩ, người làng Trung-Am, huyện Vĩnh-Lại (Ninh-giang), tỉnh Hải-Dương. Cụ tư chất vốn đã thông minh lại được thầy dạy học là Lương-đắc-Bằng chịu luyện-tập cho nên quán-thông cả văn-chương, lý-số. Cụ làm quan được 8 năm, rồi cáo về, lúc bấy giờ mới 52 tuổi. Khi về trí-sĩ, Cụ dựng một cái am gọi là Bạch-Vân, làm cầu, làm quán, bầu bạn với chư sư, nay chơi núi này, mai chơi sông nọ, ngâm-vịnh, xướng-họa lấy làm khoái tâm, thích chí; Cụ lại mở trường dạy học. Cụ tuy ở nhà, nhưng khi nào vua Mạc gặp điều gì khó-khăn, vẫn sai sứ đến hỏi, nên vẫn trọng Cụ lắm và phong cho Cụ làm Lại-Bộ Thượng thư, Thái-phó Trình-quốc-công, vì thế ta mới quen gọi ông là Trạng Trình. Lúc Cụ đi sứ sang Tàu, tài lý số của Cụ giỏi đến nỗi bên Tàu phải khen “*Nam Bang Lý học hữu Trình Tuyên*”. Cụ mất năm Ất-Dậu, thọ 95 tuổi. Cụ học tinh về thuật-số, nên thiên-hạ tôn Cụ là một bậc tiên-tri và tin các lời Cụ nói là lời sấm cả. Thơ nôm, Cụ làm nhiều, hiện còn lưu lại được một quyển Bạch-Vân thi-tập.

Ngài tuy qua đời năm 1587 nhưng Chơn linh Ngài vẫn luôn hướng về Việt Nam, vì đó là trách nhiệm thiêng liêng của Ông Trên giao phó. Trong tôn giáo Cao Đài, Ngài là THANH SƠN ĐẠO SĨ, Sư phó của Bạch Vân động, thầy của chư Thánh. Từ trời chín tầng cao, mọi chuyện Ngài đều biết cả nhưng không dám nói ra nhiều vì sợ lậu Thiên cơ mà mắc tội. Bài xưng tụng công đức của Ngài như sau:

*Bạch Vân Động đèn hồng chói tỏa
Thanh Sơn Đài Diệu Vô Tiên Ông
Bấy lâu tu luyện thành công
Đắc thành chánh quả độ trong Tam kỳ.
Nguyễn Bình Khiêm tâm Tiên ẩn dạng,
Trình Quốc Công là Trạng nhà Nam,
Sớm khuya ẩn chốn thanh am
Tu tâm luyện tánh chẳng ham mển trần.
Tìm chơn lý ngộ gần Tiên Thánh
Học vô vi dạng lánh phạm gian
Thú vui hai chữ thanh nhàn
Thung dung tự tại chẳng màng đai cán.*

Trở về SẮM TRẠNG TRÌNH, cụ Nguyễn Bình Khiêm đã vài lần nhấn mạnh đến từ BẢO GIANG.

*Lại nói sự Hoàng Giang sinh Thánh
Sông BẢO GIANG Thiên định ai hay
Lục thất cho biết ngày dấy (rày)
“Phụ nguyên” ấy thực ở rày Tào Khê...
Có thấy “nhân thập” đi về.
Tả phụ hữu trì cây cỏ làm binh.*

*Giốc hết sức sửa sang vương nghiệp
Giúp vạn dân cho đẹp lòng Trời*

Đoạn này nói “nước Việt Nam có Thánh Chúa ra đời. Tại sông Bảo Giang Trời đã định từ lâu. Vị này là một Chơn linh lớn hóa thân (nói lái của nhân thập là nhập thân) khởi nghiệp với bàn tay trắng nhưng đầy mưu trí. Vâng lệnh Trời, vị này ra sức sửa sang đất nước.

“Phụ nguyên” ấy thực ở rày Tào Khê

1. **Tào Khê ở tỉnh Quảng Đông, là nơi Lục tổ Huệ Năng truyền đạo.** Bảo Lâm là ngôi cổ tự dựng lên theo lời tiên tri cách đây 1500 năm của đại sư Trí Dực. Ngài là vị cao tăng ở miền Tây Ấn Độ sang Trung Hoa năm 502, đến tuổi Tào Khê dừng lại, bưng tay vốc nước uống, khen: Nước ở đây ngọt mát chẳng khác gì nước ở Tây Thiên Trúc, vậy thế nào trên nguồn suối này cũng là nơi thắng địa.

Đúng như lời ngài, khi đại sư cùng các đệ tử ngược theo dòng nước lên đầu nguồn, thấy hiện ra dưới tầm nhìn cả vùng núi non xanh biếc với khí chất thanh tịnh lạ lùng. Ngài gọi dân làng Tào Hầu quanh đó lên Tào Khê, báo trước với họ: Khoảng 170 năm nữa sẽ có nhục thân Bồ Tát đến nơi này diễn hóa pháp môn vô thượng, giúp số người đắc đạo nhiều như cây rừng. Vậy bây giờ nên lập một cảnh chùa, đặt tên là Bảo Lâm (đắc đạo giả như lâm, nghi hiệu Bảo Lâm). Vị quan địa phương đem chuyện ngài Trí Dực tâu về triều. Vua Lương Võ Đế chấp thuận, sai lập một ngôi chùa ở Tào Khê và ban cho tấm biển ghi tên chùa: Bảo Lâm. Hơn 170 năm sau, Lục tổ Huệ Năng (vị Tổ thứ 6 của Thiên tông Trung Hoa và là vị Tổ thứ 33 truyền trực tiếp từ Đức Phật Thích-ca

Mâu-ni xuống) đến chùa Bảo Lâm năm 677, khai pháp môn vô thượng cứu người.

Tào Khê và toàn tỉnh Quảng Đông ngày trước thuộc lãnh thổ Nam Việt. Năm 181 trước CN, sau khi đánh thắng quân Tây Hán tại quận Trường Sa, Triệu Vũ Vương xưng đế hiệu là Nam Việt hoàng đế, ngang hàng với Hán Cao Tổ tại miền Bắc Trung Quốc. Lam Giang Nguyễn Quang Trứ qua cuốn “*Vua Quang Trung*”, NXB Thanh Niên tái bản, Hà Nội 2004, viết: “*Đất nước Nam Việt đã được vua Hán Văn Đế công nhận biên giới từ Ngũ Lĩnh trở về Nam. Thế mà, sau ngàn năm Bắc thuộc, đến khi khôi phục độc lập, người Việt vẫn không thu hồi được trọn vẹn phần đất Giao Châu, bỏ mất quận Hợp Phố, nói gì đến Quảng Châu gồm: Nam Hải, Thương Ngô, Uất Lâm*”. Vua Quang Trung sai danh tướng Võ Văn Dũng cầm đầu sứ bộ Đại Việt sang Trung Quốc (thời vua Càn Long) để:

- Cầu hôn công chúa
- Xin đất để lập kinh đô mới (thực ra là đòi trả lại vùng lãnh thổ Trung Quốc đã chiếm đoạt của Việt Nam ngày trước).

Cả hai việc đều được chấp thuận. Vua Càn Long bằng lòng gả một công chúa Mãn Thanh cho vua An Nam (Quang Trung) và cho đất Quảng Tây để đóng đô. Chuyện đang dở dang, vua Quang Trung đột ngột qua đời nên sứ bộ Võ Văn Dũng phải dâng biểu báo tin buồn “*rời ôm hận trở về*” vì chưa khôi phục được chủ quyền Đại Việt ở vùng Nam Trung Quốc trong đó có Quảng Đông. Quảng Đông – nơi có thánh địa Tào Khê cũng là nơi ngài Bồ-đề Đạt-ma (từ Ấn Độ sang Trung Quốc) đặt chân đến năm 520 (sau gần 3 năm lênh đênh trên biển).

2. **Lục thất** 六七 **ám chỉ họ Nguyễn** vì Lục Thất có đồng âm 陸室. Lục là họ Nguyễn vì trong chữ lục có chữ Nguyễn. Thất là nhà. Lục thất là nhà Nguyễn.

Phụ nguyên: chỉ họ Nguyễn 阮. Chữ Nguyễn là do chữ nguyên 元 với bộ Phụ 冫 (阜) Người họ Nguyễn “*nhập thân*” tức giáng linh vào ai đó nên vị này quyền pháp cao siêu, có thể biến cây cỏ làm binh lính, nghĩa bóng chỉ người nổi tiếng NHÂN NGHĨA nên được dân chúng ùn ùn theo về.

Phụ nguyên ấy thực ở giây (rày) Tào Khê có thể hiểu cách khác: phụ = cha; nguyên = khởi đầu; phụ nguyên có nghĩa là người khởi đầu sáng lập một thể chế mới. Tào Khê có thể hiểu vị đó đang ở ẩn trong rừng núi để lo toan việc lớn. Có phải vì Thiên cơ đã định nên ngài Nguyễn Bình Khiêm sẽ cho một hóa thân xuống làm Quốc sư giúp nước Việt? Muốn hiểu rõ điều này thì cần tìm hiểu các câu Sấm khác. Đầu tiên là câu nói về vị “*Bạch sĩ*”:

*“Bắc phương chính khí sinh ra
Có ông Bạch sĩ điều hòa hôm mai”*

«*Bạch sĩ*» chính là pháp danh của cụ Trạng. Và bản thân cụ đã có những câu chỉ về việc cụ sẽ giúp nước, giúp dân như:

- *Tiệc thay hiền sĩ bao già*
- *Ước bằng Bành Tổ ắt là Thái Công*
- *Thử cho tay giúp ra dùng*
- *Tài này so cùng tài trước xem sao*
- *Trên trời kể chín tầng cao*
- *Tay nghe bằng một ti hào biết hay”*

Rõ ràng trong các câu Sấm này cụ chỉ ra rằng cụ sẽ «*thử cho tay giúp*» để «*so tài*» với các bậc công thần nổi tiếng xưa. Bài thơ khoán thủ «*Tứ bửu linh tự*» sau đây của Đức Phật Thầy Tây An sáng tác còn lưu truyền đến nay mà nhiều người được biết:

BỬU	NGỌC	QUÂN	MINH	THIÊN	VIỆT	NGUYÊN.
SƠN	TRUNG	SƯ	MẠNG	ĐỊA	NAM	TIỀN.
KỶ	NIÊN	TRẠNG	TÁI	TÂN	PHỤC	QUỐC,
HƯƠNG	XUẤT	TRÌNH	SINH	TẠO	NGHIỆP	YÊN.

Đây là một bài thơ thuộc loại “*tung hoành dọc*”, nghĩa là dọc bề dọc cũng có nghĩa mà dọc bề ngang cũng có nghĩa. Cứ theo chiều dọc dọc xuống, chúng ta sẽ có một bài thơ bảy câu bốn chữ:

*Bửu-Sơn Kỳ-Hương,
Ngọc Trung Niên Xuất,
Quân Sư Trạng Trình.
Minh Mạng Tái Sinh.
Thiên Địa Tân Tạo.
Việt Nam Phục Nghiệp.
Nguyên Tiên Quốc Yên.*

Mỗi câu đều có nghĩa, mặc dù trong đó chứa nhiều ẩn tự ẩn ngữ, cần phải hiểu cách chiết tự đảo cú mới khám phá được lý diệu mầu huyền bí. Tiếp đến là những câu rất đáng chú ý:

- *Đoài phương phúc địa giáng linh*
- *Cửu trùng thụy ứng Long Thành ngũ vân.*
- *Phá diễn thiên tử giáng trần*
- *Dũng sĩ nhược hải mưu thần như lâm*

- *Hiệu xưng thiên hạ thái bình*
- *Đông, Tây vô sự Nam thành quốc gia*

Dẫn giải:

- Một Chơn linh cao trọng giáng sinh ở vùng đất lạnh phương tây (hay Tây Ninh, hay miền Tây).

- Cửu trùng là chín tầng, chín lớp; Long Thành ngũ vân có phải chỉ năm sắc mây hiện ra ở vùng có tên Long Thành, tỉnh TÂY NINH? Tòa Thánh Tây Ninh còn có Cửu trùng thiên xây ở Đại đồng xã.

- Chữ Điền nếu phá đi thành chữ Vương, ý nói có một nền Quân chủ lập hiến, hoặc một chánh thể thuần túy quốc gia.

- Ý nói văn quan võ tướng theo giúp vị anh hùng đó rất đông như nước biển cây rừng.

- Cảnh dân an nước thái, không còn ly loạn, mà người dân sống như vua Nghiêu vua Thuấn (Thời Nghiêu, Thuấn cửa không cần đóng, cửa rơi không có người lượm)

- Khi hai khối mâu thuẫn trên thế giới không còn nữa, các phương đều im tiếng súng thì nước nhà mới độc lập, tự do..

3. Phá điền: được hiểu nhiều nghĩa.

- là quốc phá, là nước mất bởi vì chữ điền 田 giống chữ Quốc 國, cả hai chữ thuộc bộ vi 阝.

- là năm Sửu vì chữ Sửu 丑 giống nửa chữ điền, hoặc người tuổi Sửu. Phá điền còn chỉ cày ruộng, tức hình ảnh con trâu. Có một đứa Con Trai của Trời (Thiên Tử) xuống thế làm người vào năm Sửu mang Thiên mệnh...

Có phải ám chỉ TT Barack Obama, sinh ngày 04 tháng 8 năm 1961 tức tuổi Tân Sửu. Thượng Nghị Sĩ Barack Obama ra tranh chức Tổng Thống Hoa Kỳ vào năm Mậu Tý 2008 và đắc cử; lễ tuyên thệ nhậm chức vào năm 2009 tức năm Kỷ Sửu là năm Con Trâu. Sinh ra tuổi Tân Sửu (phá điền) và nắm quyền năm Kỷ Sửu (phá điền) đó sẽ là vị “*Thiên Tử*” mà Sấm Trạng Trình nói trước cách nay 500 năm vì TT Barack Obama có liên quan đến các đổi thay tại Việt Nam.

Barack Hussein Obama sinh ngày 4/8/1961. Ông là người Mỹ gốc Phi. Thân phụ ông vốn là sinh viên người da đen từ quốc gia gốc là Kenya (Phi Châu) du học ở Hoa Kỳ, rồi thành hôn với thân mẫu của ông (người Mỹ da trắng). Ngay từ khi ông Obama còn theo học ở bậc tiểu học, thì thân phụ ông trở về Kenya sinh sống và thân mẫu ông tái hôn với một người Indonesia. Mẹ của Obama mất vì căn bệnh ung thư vào năm 1995. Cha ông đã mất vì tai nạn năm 1982. Năm 10 tuổi, Obama trở lại Hawaii sinh sống cùng ông bà ngoại.

Tiền sinh cha mẹ đã cách trở

Đường lối của Tổng Thống Obama ôn hoà vì yêu hòa bình. Ông mang hai dòng máu, sinh trưởng trong một gia đình nghèo, tay trắng làm nên sự nghiệp. Lập trường của ông ôn hoà muốn đối thoại ngay cả với Iran, những lời kêu gọi nước Mỹ vượt lên trên mọi chia rẽ, và chăm sóc y tế cho dân nghèo... Trong một lần nói chuyện với Sarah Pulliam và Ted Olsen của tạp chí Christianity Today, Obama khẳng định: «*Tôi tin vào sự chết cứu chuộc và sự sống lại của Chúa Jesus Christ. Tôi tin rằng đức tin ấy là con đường dẫn tôi đến sự tẩy sạch tội lỗi và được hưởng sự*

sống đời đời. Nhưng quan trọng hơn, tôi tin vào hình mẫu mà Chúa Giê-xu đã thiết lập bằng cách cho người đói ăn, chữa lành người bệnh tật, và luôn ưu tiên cho những người thấp hèn nhất hơn là cho những kẻ quyền thế.”

Với cái TÂM đó, tài năng đó... chúng ta có thể tin rằng chính TT Hoa Kỳ Barack Obama là người «*Phá Điền*» sẽ đứng ra giải quyết chuyện “*nhược hải*” là vùng biển nhỏ của tiểu quốc Việt Nam. Nếu không có TT Hoa Kỳ thì chắc sẽ không có quốc gia nào dám ngăn cản mộng xâm lược bá quyền trên Biển Đông của Trung Quốc!

II. BẢO GIANG CÓ PHẢI LÀ SÔNG CỬU LONG?

Chữ «*Bảo*» tiếng Hán nôm nghĩa là «*châu báu*». Ngọc là đá quý, trong ngần. Giang là sông nước. Bảo Giang có nghĩa là nước sông trong như ngọc. Nước trong như ngọc chính là nước giữa suối sâu. Có người cho rằng «*Bảo giang*» là sông Cửu Long? Ất cũng hợp lý khi chúng ta xét những yếu tố sau:

– Sông Mekong (Cửu Long) xuất phát từ vùng núi cao của tỉnh Thanh Hải, Tây Tạng băng qua theo suốt chiều dài của tỉnh Vân Nam (Trung Quốc), chảy xuống qua các nước Myanmar, Thái Lan, Lào, Campuchia trước khi vào Việt Nam. Sông dài 4,800 km, hạng 12 trên thế giới nếu xếp hạng theo chiều dài, hạng thứ 8 về lưu lượng. Đúng như tên của dòng sông (Mekong có nghĩa là Sông Mẹ theo ngôn ngữ Lào), sông Mekong nuôi sống 80 triệu dân trong lưu vực, trong số đó là 18 triệu dân Việt ở đồng bằng Cửu Long Việt Nam, cung cấp lương thực cho khoảng 300 triệu dân trên thế giới. Đến gần Nam Vang (Phnom Penh), dòng sông chia làm 3 nhánh chánh, nhánh sông Tonle sap

nối với Biển Hồ (Great Lake), và hai nhánh kia là Sông Tiên và sông Hậu chảy vào địa phận Việt Nam, trước khi ra Biển Đông. Đại trường giang Mê Kông chảy vào đất Việt rồi đổ ra biển lớn bằng chín cửa sông Cửu Long như chín con rồng uốn lượn. Do chín cửa sông nguyên thủy này mà sông Mê Kông đoạn qua Việt Nam còn được gọi là sông Cửu Long, tức «*sông chín rồng*». Xem như vậy thì:

– Trong sách có câu “*Bảo Giang thiên tử xuất*”, nghĩa là thiên tử sinh ra gần nơi con sông quý. Sông Mê Kông là sông quý với chín đầu rồng nằm ở Tây Nam Bộ

– Thiên tử sinh ra ở vùng sông nước trên một cù lao giữa sông, trong một huyện gần ngoài cửa sông giữa 2 nhánh do câu: Hậu sinh thiên tử Bảo Giang môn.

Hiểm Họa từ sông Mekong:

Con sông Mekong (còn có tên là Dza Chu, Lan Trường Giang, Mea Nam Không, Tonle Thom, và Cửu Long) dài 4,350 km là tài sản chung của 7 quốc gia trong đó có Việt, Miên, Lào. Tuy được xếp hạng thứ mười một về chiều dài, Mekong được xếp hạng nhì về sự phong phú sinh thái. Từ độ cao 4,975 m chảy xuống, Mekong mang theo dòng nước một số lượng phù sa khổng lồ và một tiềm năng thủy điện to lớn. Trung Quốc ở đầu nguồn, chiếm một nửa chiều dài của con sông, đã ngang nhiên xây nhiều đập thủy điện bất chấp thiệt hại kinh tế và môi sinh của các quốc gia phía dưới nguồn. Đập Manwan (Man Loạn) xây xong từ năm 1993 tại Lancang. Đập Dachaosang (Đại Chiến Sơn) khởi công năm 1996 và đã hoàn tất. Đập Jinghong (Cảnh Hồng) hoàn tất vào tháng 6 năm 2003. Đập Xiaowan (Tiểu Loan) khởi công năm 2001 dự trù hoàn tất vào năm 2010. 8 đập nằm trong kế hoạch từ thập

niên 1970, cộng thêm 6 đập dọc chính lưu và 13 đập nằm ở những phụ lưu cũng sẽ lần lượt được thực hiện.

Nhóm Songkhram Conservation Group của Thái đã báo cáo là tại Lào và bắc Thái mực nước Mekong xuống tới mức thấp nhất và số lượng cá cũng xuống tới mức thấp nhất, từ trước cho tới giờ mà người ta còn ghi nhớ trong ký ức. Chuyên gia nhiều kinh nghiệm cũng cho rằng những dự án này sẽ làm hại Biển Hồ của Cao Miên (Cambodia's Great Lake) và hại đến đồng bằng nam bộ của Việt Nam. Làm hại Biển Hồ tức là làm bể nổi cơm của dân Miên. Dòng Mekong hàng năm cung cấp phù sa cho đồng bằng Nam bộ để sản xuất khoảng 14 triệu tấn lúa gạo nuôi sống trên 80 triệu dân Việt và còn dư để xuất khẩu. Làm thiệt hại đồng bằng Nam bộ là làm bể nổi cơm của dân Việt. Mekong là nguồn sống của 65 triệu người trong vùng hạ lưu. Làm thay đổi sinh thái của Mekong là bóp chết sự sống của họ. Có 76 tổ chức của 25 quốc gia đã từng lên tiếng nhưng Trung Cộng bất chấp lời khuyên và sự phản đối.

He Daming, một nhà nghiên cứu của Trung Quốc tại Yunan, đã biện hộ là những cái đập thủy điện này có ích cho việc điều hòa lượng nước của Mekong bằng cách giữ lại lượng nước trong mùa lụt và xả nước trong mùa khô. Những lời này của He Daming hé lộ cho thấy một điều đáng sợ vì tính cách chiến lược của những đập thủy điện mà Trung Quốc đang xây hoặc sắp xây. Đó là (a) nó cho Trung Cộng khả năng để làm nên những trận lụt giả tạo và những hạn hán giả tạo đối với những vùng đất thấp nằm cuối nguồn Mekong như là Việt Nam, Cao Miên, Thái Lan và Lào; (b) nó cho Trung Cộng quyền quyết định

mạng sống và sự sống của 65 triệu người trong 4 quốc gia Việt, Miên, Lào, Thái;

(c) và từ đó, nó cho Bắc Kinh cây “gậy” để buộc những quốc gia nằm trong tầm ảnh hưởng phải nhượng bộ những yêu sách của nó.



SÔNG MEKONG (CỬU LONG)

Chưa hết, nhiều chuyên gia còn báo động là nước thải công nghệ từ khu vực Yunnan (Vân Nam) ra Mekong, nếu không kiểm soát, sẽ biến Mekong thành ống cống lớn và Biển Hồ thành bồn chứa nước dơ. Những thiệt hại môi sinh này liệu những người lãnh đạo của Việt, Miên, Lào có thể gánh nổi và ngẩng mặt nhìn thế hệ mai sau?

PHẦN VI (TỪ CÂU 61 ĐẾN 76)

61. *Hãy so phẩm họa bài Lưu thủy,
Thế Hành vân sóng Vị Văn Thiên.
Song lang bình khúc diệu huyền,
Mượn thơ Thái Bạch ngự thuyền Đông Pha.*
65. *Ngâm nga đoạn sơn hà nghiêng ngựa,
Thà sanh cầm trâu ngựa còn hơn.
Dở dang quý giận Thần hồn,
Làm người ai khổ phụ ơn tiền đồ.*
69. *Chưa được sức đắp tô thành lũy,
Thôi cũng đừng trợ Ngụy phò Ma.
Tu thân đợi buổi Trăng tà,
Canh ba gà gáy sao sa khắp cùng.*
73. *Hòa lại bản đại hùng anh tuấn
Hát chung bài đất Thuấn trời Nghiêu.
Thong dong mây sớm sương chiều,
Treo gương trị quốc phải điều lợi danh.*

Dẫn giải

TIẾT 1. LƯU THỦY HÀNH VÂN & SỰ TÍCH BÁ NHA, TỬ KỲ

Bá Nha, họ Du tên Thụy, là người nước Sở, nhưng làm quan Thượng Đại Phu nước Tấn. Bá Nha nổi tiếng là

một khách phong lưu văn mặc, lại có ngón đàn tuyệt diệu nhất đời. Tử Kỳ, họ Chung tên Huy, là một danh sĩ ẩn dật làm nghề đốn củi để báo hiếu cha mẹ tuổi già nua, nhà tại Tập Hiền Thôn, gần núi Mã Yên, ở cửa sông Hán Dương.

Năm đó, Bá Nha phụng chỉ vua Tấn đi sứ qua nước Sở. Trên đường về, khi thuyền đến cửa sông Hán Dương, nhằm đêm Trung Thu sáng trăng, phong cảnh hữu tình, Bá Nha cho lệnh cắm thuyền dưới chân núi Mã Yên để thưởng ngoạn. Cảm thấy hứng thú, muốn dạo chơi một vài khúc đàn, Bá Nha sai quân hầu lấy chiếc lư ra, đốt hương trầm, trịnh trọng nâng đàn, so dây vận trục. Sau đó, Bá Nha đặt hết tâm hồn đàn lên một khúc réo rất âm thanh. Chưa dứt bài, đàn bỗng đứt dây. Bá Nha giục mình tự nghĩ, dây đàn bỗng đứt thế này ắt có người nghe lén tiếng đàn, bèn sai quân hầu lên bờ tìm xem có ai là người nghe đàn mà không lộ mặt. Bỗng có người từ trên bờ lên tiếng:

– Xin đại nhân thứ lỗi cho, tiểu dân này đi kiếm củi về muộn, đi ngang qua đây, nghe tiếng đàn tuyệt diệu quá, nên cất bước đi không đành!

– Người tiểu phu nào đó dám nói hai tiếng nghe đàn với ta?

– Đại nhân nói vậy, kẻ hèn này trộm nghĩ là không đúng. Há đại nhân không nhớ câu nói của người xưa: «*Thập nhất chi ấp tất hữu trung tín*» (Trong một ấp có mười nhà ắt có người trung tín). Hễ trong nhà có quân tử thì ngoài cửa ắt có người quân tử đến... Nếu đại nhân khinh chỗ quê mùa không người biết nghe đàn, thì cũng không nên khảy lên khúc đàn tuyệt diệu làm gì.

– Người quân tử ở trên bờ, nếu thực biết nghe đàn,

biết vừa rồi ta khảy khúc gì không?

– Khúc đàn đại nhân vừa tấu đó là: Đức Khổng Tử khóc thầy Nhan Hôi, phở vào tiếng đàn, lời rằng:

*Khả liên Nhan Hôi mệnh tảo vong
Giáo nhân tư tưởng mẫn như sương
Chỉ nhân lậu hạng đàn biểu lạc*

Hôi này, đại nhân đang đàn thì đứt dây, nên còn thiếu mất câu bốn là:

Lưu đặc hiển danh vạn cổ dương.

Tạm dịch bốn câu thơ trên:

*Nhan Hôi mất sớm thật đau thương,
Tư tưởng dạy người tóc bạc sương.
Ngõ hẹp nước bầu cơm giỏ hẩm,
Danh hiển lưu mãi cõi trần dương.*

PMTÂM

Tử Kỳ tinh thông nhạc lý, tinh tường Dao cầm, thấu rõ lòng Bá Nha qua tiếng đàn, lúc cao vọt vọi, chí tại non cao, lúc thì mệnh mỏng trời nước bao la, ý như nước chảy. Bá Nha vô cùng bái phục và xin kết nghĩa anh em. Trước khi chia tay, hai người hẹn gặp lại năm sau cũng tại chốn này. Mùa thu năm sau, khi Bá Nha trở lại Mã Yên thì Tử Kỳ, vì bệnh, mới chết mộ còn chưa xanh cỏ. Chung lão, thân phụ của Tử Kỳ đưa Bá Nha đến mộ. Bên phần mộ Tử Kỳ, Bá Nha lay và khóc nức nở rằng: Hiền đệ ơi, lúc sống anh tuần tuyệt vời, nay chết, khí thiêng còn phảng phất, xin chứng giám cho ngu huynh một lay ngàn thu vĩnh biệt. Lay xong, Bá Nha gọi đem Dao cầm tới, đặt lên phiến đá trước mộ, ngồi xếp bằng trên mặt đất một cách nghiêm trang, so dây tấu khúc «*Thiên thu trường hận*»,

tiễn người tri âm tài hoa yếu mạng. Tiếng đàn đang réo rất bỗng trầm hẳn xuống. Gió rừng thổi mạnh, mây đen kéo lại, u ám bầu trời, hồi lâu mới tan. Bá Nha ngưng đàn. Gió ngừng rít, trời trong sáng trở lại.

Bá Nha nhìn Chung lão thưa: – Tử Kỳ đã về đây chứng giám cho lòng thành của tiểu sinh. Cháu vừa đàn khúc đoản ca để viếng người tri âm tài hoa mệnh yếu, và xin đọc thành thơ đoản ca này:

*... Tử Kỳ ơi, Tử Kỳ ơi
Ngàn vàng khôn chuộc được bầu tâm can
Thôi từ nay, thôi phím đàn
Ngàn thu thôi hết mơ màng cố nhân...*

PMTÂM

Lời thơ vừa dứt, Bá Nha vái cây Dao cầm rồi tay nâng Dao cầm lên cao đập mạnh xuống tảng đá. Dao cầm vỡ tan nát tung từng mảnh, trụ ngọc, phím vàng rơi lả tả. Chung lão không kịp ngăn, hoảng kinh hỏi rằng:

– Sao đại nhân lại đập vỡ đàn quý giá này?

Bá Nha đáp lời bằng bài thơ tứ tuyệt:

*Suất toái dao cầm phượng vĩ hàn
Tử Kỳ bất tại đối thùy đàn
Đại thiên thế giới giai bằng hữu
Dục mịch tri âm nan thượng nan!*

Tạm dịch thơ:

*Đập nát Dao cầm đau xót phượng.
Tử Kỳ không có đàn cho ai
Bốn phương trời đất bao bè bạn*

Tìm được tri âm khó lắm thay!

PMTÂM

TIẾT 2. SÔNG VỊ-TÍCH KHƯƠNG THÁI CÔNG

Khương Thượng là người ở Đông Hải. Tổ tiên ông là Bá Di từng làm chức Tứ nhạc giúp vua Hạ Vũ trị thủy có công. Sử ký xác định tổ tiên ông được phong ở đất Lã vào khoảng thời vua Thuấn đến thời nhà Hạ, do đó lấy Lã làm họ. Ông còn được dân gian và các nhà nghiên cứu lịch sử gọi bằng nhiều tên khác như: Khương Thái Công; Thái Công Vọng, Lã Vọng. Sang thời nhà Thương, vì Lã Thượng là con cháu chi thứ nên dần dần trở thành dân thường. Vì nhà nghèo, Khương Thượng tuổi già thường đi câu cá ở sông Vị. Thủ lĩnh bộ tộc Chu là Tây Bá Cơ Xương đi săn, gặp Khương Thượng đang câu cá phía bắc sông Vị. Cơ Xương nói chuyện với ông rất hài lòng, ngưỡng mộ tài năng của ông. Cơ Xương nhớ lời tổ tiên là Thái Công dặn rằng sẽ có vị thánh đến nước Chu, giúp Chu hưng thịnh, ứng với quẻ bói trước khi đi săn. Do đó Cơ Xương quả quyết Khương Thượng chính là người Thái Công mong đợi trước đây và tôn ông làm Thái Công Vọng (nghĩa là người mà [Chu] Thái Công mong đợi), đón lên xe về cung và tôn ông làm thầy.

Dân gian lưu truyền những câu chuyện thần thoại, truyền thuyết vô cùng huyền bí về Khương Tử Nha. Thậm chí còn có cả một bộ sách truyền thuyết Phong thần diễn nghĩa nói xoay quanh Khương Tử Nha và cuộc chiến Chu – Thương. Trong tiểu thuyết này, Khương Tử Nha là đệ tử của Nguyên Thủy Thiên Tôn có sứ mạng phong các vị Thánh Thần từ việc giúp nhà Chu lật đổ nhà Thương.

Bấy giờ, Cơ Xương nuôi chí lật đổ nhà Thương, đi khắp nơi tìm kiếm người hiền tài. Một hôm, lên núi Bàn Khê thấy Khương Tử Nha ngồi câu cá với một lưới câu thẳng. Thấy lạ, Cơ Xương mới hỏi: “*Ông lão, sao câu cá bằng lưới câu thẳng thế thì câu sao được?*». Khương Tử Nha mới trả lời: «*Lưới câu bình thường chỉ câu được cá, lưới câu này mới câu được minh chủ.*”

Thấy vậy Cơ Xương mới đem những chuyện thế cuộc ra hỏi, quả nhiên Khương Tử Nha trả lời thông suốt cho thấy những kiến giải siêu phàm thế là từ đó Khương Tử Nha theo phò Cơ Xương. Lúc bấy giờ ông đã 60 tuổi. Theo truyền thuyết, Khương Tử Nha là một người có pháp thuật rất cao siêu.

TIẾT 3. MƯỢN THƠ THÁI BẠCH, NGŨ THUYỀN ĐÔNG PHA

I. THI TIÊN LÝ BẠCH



Lý Bạch (tiếng Trung: 李白; bính âm: Lǐ Bái 701–762) là một trong những nhà thơ danh tiếng nhất thời thịnh Đường nói riêng và Trung Hoa nói chung, được hậu bối tôn làm Thi Tiên. Ông đã viết hơn cả ngàn bài thơ bất hủ.

Tương truyền lúc ông sắp sinh, bà mẹ nằm mộng thấy sao Trường Canh; vì sao này có tên là Thái Bạch nên đặt tên con là Bạch; ngoài ra do sinh ở làng Thanh Liên nên cũng lấy hiệu là Thanh Liên cư sĩ. Giới thi nhân bấy giờ thì rất kính nể tài uống rượu làm thơ bẩm sinh, nên gọi Lý Bạch là: Tửu trung tiên, Lý Trích Tiên. Tổ tiên của Ông vốn ở thành phố Thiên Thủy, tỉnh Cam Túc; trước thời mặt Tuỳ, ông ở vùng Trung Á, sinh ở Tokmok, KYRGYSTAN. Đến 5 tuổi, Ông theo cha về ở huyện Giang Khúc tỉnh Tứ Xuyên. Lý Bạch làm thơ lối Cổ Phong rất được yêu thích, ngoài ra còn có thơ tứ cú, bát cú. Nhà thơ Bì Nhật Hưu thời văn Đường nói rằng: *“Từ khi nhà Đường dựng nghiệp đến giờ, ngữ ngôn ra ngoài trời đất, tư tưởng vượt xa quỳ thần, đọc xong thì thần ruổi tám cực, lương rỏi thì lòng ôm bốn bể, lối lạc dị thường, không phải lời của thế gian, thì có thơ Lý Bạch”*. Lý Bạch làm hơn 20.000 bài thơ cả thấy, nhưng làm bài nào vứt bài đó, nên được biết tới là nhờ dân gian ghi chép hơn cả. Sau loạn An Lộc Sơn thì mất rất nhiều. Đến khi ông mất năm 762 thì người anh họ Lý Dương Lân thu thập lại, thấy chỉ còn không tới 1/10 so với người ta truyền tụng. Sang năm 1080, Sung Minh Chiu người Cao Ly mới gom góp lại tập thơ Lý Bạch, gồm 1800 bài. Đến nay thì thơ Lý Bạch còn trên dưới 1000 bài, bài nào cũng được đánh giá rất cao, nhưng nổi tiếng trong dân gian thì có: Tương Tiến Tửu, Hiệp khách hành, Thanh

Bình Điều, Hành lộ nan...

Từ khi Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ hay Đạo Cao Đài ra đời, chúng ta mới có dịp biết đến Đức Lý Thái Bạch, một trong Tam Trấn Oai Nghiêm, đã giáng bút phổ độ chúng sanh từ lúc ban sơ và chỉ vẽ từng chi tiết trong kiến trúc xây dựng Toà Thánh Tây Ninh. Công đức của Ngài thật cao cả, to lớn không thể dùng bút mực tả hết thành lời. Tuy nhiên, chúng ta cần biết rằng những người tín đồ Cao Đài đã thờ Chơn-Linh của Lý Bạch làm Giáo Tông Đạo Cao Đài chứ không thờ thi hào Lý Bạch. Lý Bạch chỉ là một trong những kiếp mà Ngài đã xuống thế gian này. Chơn linh Lý Bạch là một khối thần lực của Thượng Đế từ tạo Thiên lập Địa đã có. Chính Ngài đã giáng cơ cho biết.

Ánh Thái Cực biến sanh Thái Bạch

Hiện Kim Tinh trọng trách Linh Tiêu

Quyền năng vừng thừa Thiên triều.

Càn Khôn Thế Giới dắt dìu tinh quân.

Thái là rất lớn, Bạch là sắc trắng, sáng sủa. Vậy chúng ta có thể hiểu: nguyên căn của Ngài bắt nguồn từ khối Đại Linh Quang (Ngôi Thái Cực) đã biến sanh ra một khối năng lượng sáng trắng vô cùng. Lúc khởi thủy của Vũ trụ, Ngài không có danh xưng nhưng quyền năng to tát.

Ngày nay, chúng ta tôn kính Ngài qua danh xưng trong một kiếp xuống trần tên là Lý Bạch, một thi sĩ nổi tiếng trong nền văn học Trung Quốc đời nhà Đường. Chúng ta mượn tên kiếp này của Ngài để tôn thờ một quyền năng thiêng liêng cao trọng với danh hiệu. “*Lý Đại Tiên Trưởng Kiêm Giáo Tông Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.*” Tại sao trong Đạo Cao Đài lại thờ Tam Trấn? Đức Lý Thái Bạch là một, còn hai người nữa là ai? Tại vì đến

thời kỳ chuyển thế Tam Giáo qui nguyên phục nhứt, Đức Thượng Đế chọn ba vị tiêu biểu cho Phật, Tiên, Thánh thay mặt Tam Giáo để cầm quyền Phổ Độ, dạy dỗ chúng sanh. Ba vị Tam Trấn đức hạnh hoàn toàn, đủ tư cách độ đời, nêu gương cho đoàn hậu tấn. Đó là: Đức Lý Đại Tiên, Đức Quán Thế Âm Bồ Tát, Đức Quan Thánh Đế quân.

Khi tại thế Ngài tài cao chí cả, đánh đuổi binh giặc chỉ bằng ngôn ngữ, tinh thần, chẳng tốn lương thảo tướng binh mà cả cơ nghiệp đặng hoà bình bảo toàn thiên hạ. Tánh của Ngài không thích công danh phú quý, thường vui thú cờ rượu, thi ngâm, hưởng cảnh thanh nhàn non Tiên động Thánh. Ngài phế quan từ chức, mộ đạo tu hành mới đắc quả một vị Đại Tiên. Nay là buổi Hạ nguơn chấn hưng Tam Giáo Đức Thượng Đế chọn Ngài cầm quyền Nhứt Trấn Oai Nghiêm, thủ cơ truyền Đạo, lập luật Pháp, Nghị định, Chơn truyền công thưởng tội trừng, vô tư vô vị, chấp chưởng cơ quan tạo thời cải thế. **Ngài đương kiêm Giáo Tông Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, thay mặt cho TIÊN GIÁO.** Ngày 18-8 Âm lịch là ngày vía của Đức Lý Thái Bạch.

*“Vâng lệnh Ngọc Hư nay xuống thế,
Tam kỳ độ rồi các nguyên nhân”*

Đức Lý Thái Bạch giảng cơ cho bài NGŨ ĐỜI vào ngày 8-12. Bính Dần (11-1-1927), và cho tập thơ GIÁC MÊ KHẢI NGỘ ngày 23-1. Đinh Mão

NGŨ ĐỜI (trích đoạn)

Bài số 1: ĐIỀU THÁI CỰC

*Đời hằng đời nước non không đổi
Giữ nhưn luân nhờ mỗi Đạo truyền*

Nhặng lo trọng tước cao quyền
Đem thân trần cấu gieo miền trầm luân.
Biệt cảnh lá rụng đầy rừng
Con thuyền “Bát Nhã” “lỡ” chừng độ duyên

Sắc

Tài

Tửu

Khí

Lưng vơi lấy chí anh hùng
Mượn gương Thần huệ dứt lằn trái oan
Vụ chũu nhàn...

Bài số 4: ĐIỆU BÁT QUÁI

Cũng xương, cũng thịt, cũng khí, cũng huyết Nam
Cũng văn, cũng pháp cũng phong cũng tục Nam,
Cũng xã tắc, cũng Triều Đình của nhà Nam
Ngôi Tiên đã lắm gót phàm
Kẻ chặn dân lại ra làm con buôn
Dân như cá chậu gà chuồng
Tiếng oan trăm họ trên buồn ngậm than
Quốc gia nghèo nàn dân khó mở mang
Lăng Điện phá hoại, Văn Miếu bỏ hoang
Trí quân lánh mặt, hôn nước điều tàn
Gặp cơn xúi ác giục loạn
Người ngay tránh dạng đứa gian khoe mình
Tỷ như một đám bù nhìn
Cân đai một vẻ, thân hình một nơi
Ấy cũng gọi đời....

GIÁC MÊ KHẢI NGỘ (trích đoạn)

PHÚ LỐI VĂN

LÝ triết thanh liêm hỡi trượng phu
THÁI sơn ngọc chiếu vệt sương mù,
BẠCH tâm minh cảnh soi cho hăng
GIẢNG luận khuyên đời vẹn đức tu.

Đời Hồn Độn, bởi nên thú người dường thể lộn,

Cuộc thế tàn chốn chốn rồi vô tợ,

Trước không lo đào bến với đắp bờ,

Cơn sóng gió thuyền dật dờ không nơi dựa.

Đời Mạt kiếp, nhằm xem sơn thủy Trời càng chan chứa,

Nhìn cỏ cây đồng xào úa, dường như lụy úa cõi mộng trường

Kíp giải nàn tua mượn nước Nhàn Dương

Thì mới gặp chánh đường là Đại Đạo.

Người còn dan díu nơi trường mộng ảo,

Khó mong cho hườn đảo cảnh u nhân,

Cõi thế tàn nóng tợ như lửa than,

Đời cùng cuối cháo chan dường tuyết lạnh.

Đánh tiếng chuông cảnh tỉnh, cả kêu người còn tranh cạnh,

Tỉnh giấc hồng mau xa lánh khỏi sông mê,

Hiệp bạn lành nơi Tiên Cảnh quay về

Chốn thanh nhã dựa kê câu thi phú.

Mây che khuất ánh Trời nên vẫn vũ

Biết Trời mưa toan lo đủ củi, cơm,

Cảnh thế xây, người khá rõ nguồn cơn,

Bừng mắt dậy lòng nghe tiếng đờn Tạo Hoá

Giọng cứu khổ nhật khoan xem rất lạ

Tiếng phù trầm Đại Ân Xá Kỳ Ba
 Dạy thuần phong mỹ tục cho Đạo nhà
 Tỉnh giấc mộng rõ là cơn kiếp chót.

XII

Chước Quỷ Vương kéo xô thêm trĩ đẫy,
 Kế mị tà nơi nơi đồng gày bầy với giăng dò,
 Khiến trăm mưu toan đục nước béo cò
 Lòng muôn thể dẫn đo sanh chước độc.
 Kim ong chích, thêm hùa rắn nọc,
 Khiến muôn điều, than khóc cho trăm họ muôn nhà,
 Đời cuối cùng bóng nguyệt đã xế tà,
 Cuộc thế mãn, âm tuyết dương sanh,
 Loài quỷ ma chờ ngày dứt giống.
 Đức Từ Lành ơn trên bố rộng,

Người gọi nhuần dạng sống, mà lo vun đắp mỗi Đạo Trời,
 Trong nhà không đóng cửa, ngoài đường chẳng lượm của rơi
 Người ngấm cơm vô bụng, rất thanh thoi Trời Nghiêu cùng
 Đất Thuần.

II. NGŨ THUYỀN ĐÔNG PHA

Tô Thức (苏轼, 1037–1101), tự Tử Chiêm, một tự khác là Hòa Trọng, hiệu Đông Pha cư sĩ nên còn gọi là Tô Đông Pha, là nhà văn, nhà thơ nổi tiếng Trung Quốc. Ông được mệnh danh là một trong Bát đại gia Đường Tống. Đông Pha cùng cha và em là ba trong số tám đại văn hào lớn nhất (bát đại gia) Trung Quốc suốt bảy thế kỷ từ thế kỷ 7 đến 13. Ông giỏi cả cổ văn lẫn thơ, phú. Tất cả các tác phẩm của ông cộng lại khoảng 1 triệu chữ. Riêng về thi từ,

ông có khoảng 1700 bài. Ông là người theo đạo Phật, có lòng từ bi và rất mực yêu thương nhân dân, không tham ô hối lộ. Ông là người có tính cương trực nên sự nghiệp chính trị của ông đầy sóng gió. Đến đời Tống Thần Tông, Vương An Thạch thực hiện biến pháp, Tô Thức công khai phản đối, cho rằng biến pháp chưa phải nhu cầu cấp bách. Vì thế, ông bị biếm đến Hoàng Châu (nay là Hoàng Cương, Hồ Bắc). Tô Thức trải qua một cuộc sống rất gian khổ, chỉ nhờ vào mấy mẫu ruộng cấy cõ do những người bạn cho để ngày ngày sống cảm hơi. Ông lấy tên Đông Pha, lấy hiệu là Đông Pha cư sĩ. Từ đó, mọi người đều thường gọi ông là Tô Đông Pha. Năm 63 tuổi, Tô Đông Pha được đưa tới một nơi không thể xa hơn, đó là Đam Châu, tại miền trung đảo Hải Nam ngày nay. Đã không có nơi ở, Tô Đông Pha còn chịu cảnh thiếu ăn thiếu mặc. Năm 1101, Hoàng đế mới lên ngôi, Tô Đông Pha được đại xá trở về Giang Nam, rồi lâm bệnh mất ở Thường Châu, Giang Tô. Ông nhiều lần bị biếm, cuộc đời khốn khó, vốn sống phong phú đã khiến ông viết được nhiều tác phẩm ưu tú. Ngoài ra, ông còn nhiều bức thư họa, là một trong “tứ đại gia” của thư pháp đời Tống. Ông thật là một nghệ sĩ lớn tài năng. Dưới đây là bài thơ tiêu biểu của ông:

LÔ SƠN CHÂN DIỆN MỤC

*Vị văn Lô nhạc đa chân âm
Cổ tự cao nhân đoạn túc phan
Dĩ hi thiên tâm vô biệt ngữ
Thương hiềm thế phát hữu thi ban
Dị đồng mặc vấn nghi Tam ngữ
Vật ngã chung đương phó Bát hoàn
Đáo hậu dữ quân khai bắc hộ.*

Cử đầu tam thập lục thanh sơn

NGHĨA:

Nghe nói trên Lô sơn có nhiều bậc chân ẩn.

*Vì vậy, tôi tìm đến cao nhân để xin cắt đứt những vấn
nhiều đời nhiều kiếp.*

*Tôi đã vui với cái lẽ rằng Tâm Thiên thì không có ngôn
ngữ gì khác biệt với ngôn ngữ thường tình.*

Nhưng còn ngại rằng khi đã cạo tóc mà tình thơ vẫn còn.

*Thôi thì, thiên đạo và thi ca là đồng hay là khác, cũng
chớ nên nghi ngờ mà tra hỏi. Hãy quên đi những sự phân
biệt Ta và Người.*

Cuối cùng, tôi với anh mở cánh cửa bắc.

Ngẩng đầu nhìn lên ba mươi sáu ngọn núi xanh.

Lô sơn là một danh thắng kỳ tuyệt. Núi non hùng vĩ, cảnh trí u trầm, mây trắng và sương mù quanh năm bao phủ, từ bao nhiêu đời, nơi đó ẩn tích những cao nhân đắc đạo. Tìm đến đó, để nhìn thẳng vào chân diện mục của Lô sơn, là đã quyết tâm đoạn tuyệt với những vương vấn, thắc mắc từ mấy vạn đời trước. Thấy chỗ đó, là thấy Tâm Thiên. Nhưng Tâm Thiên thì tịch mặc không nói. Ông bảo họ đừng cãi nhau, chớ so đo về lẽ Dị Đồng nữa. Vạn thù qui nhất bản, muôn vạn sai biệt cùng quy về một gốc.

TIẾT 4. TRĂNG TÀ, GÀ GÁY, SAO SA

Còn hai câu thơ dưới đây mới thật là bí hiểm:

Tu thân đợi buổi Trăng tà,

Canh ba gà gáy sao sa khắp cùng.

Trăng tà là vào cuối ngày hay cuối tháng? Hay thời

Âm suy Dương thịnh? Canh ba là từ 11 đến 1 giờ khuya (giờ Tý). Tại sao tu thân phải đợi buổi trăng tà? Luyện đạo giờ đó có kết quả tốt hơn chăng?

Gà gáy sáng báo hiệu bình minh sắp đến; sao sa khắp cùng; nếu bình minh lên thì sao lặn. Còn nói sao sa có phải chỉ biểu tượng ngôi sao trên lá cờ của vài nước? Lá cờ có biểu tượng ngôi sao chiếm một số quan trọng trong số 194 các loại cờ các nước độc lập hiện nay trên thế giới.

1. CỜ HOA KỲ



Cờ có nhiều sao năm cánh nhất là cờ Hoa Kỳ. 50 ngôi sao độ lớn đồng nhất sắp hàng đều đặn theo 9 hàng trên khuôn hình chữ nhật ở góc trái bìa trên tượng trưng cho 50 tiểu bang.

2. CỜ NƯỚC ÚC



Cờ có nhiều sao đáng chú ý là cờ Úc có một ngôi sao lớn 7 cánh tượng trưng cho 7 vùng lãnh thổ quốc gia và một chùm sao tượng trưng cho chùm sao Nam Tào gồm 4 sao bảy cánh và một sao năm cánh.

3. CỜ LIÊN HIỆP CHÂU ÂU



Cờ có nhiều sao đáng chú ý nữa là cờ của Liên hiệp Châu Âu với 12 ngôi sao năm cánh màu trắng có độ lớn như nhau sắp đều chung quanh một vòng tròn trên nền xanh. Theo truyền thống, con số 12 tượng trưng cho sự toàn bích, sự trọn vẹn bình đẳng và thống nhất.

4. CỜ SINGAPORE



Cờ Singapore có 5 ngôi sao có độ lớn như nhau, tượng trưng có tinh thần dân chủ, hoà bình, tiến bộ, công bằng và bình đẳng. Trăng lưỡi liềm tượng trưng cho hướng đi lên của một quốc gia còn non trẻ. Nhà nước Singapore mới được thành lập từ năm 1959.

5. CỜ VENEZUELA



6. CỜ TRUNG QUỐC



Được biết, quốc kỳ của Trung Quốc, thiết kế sau ngày Đảng Cộng sản toàn thắng tại Hoa lục năm 1949. Ngôi sao lớn tượng trưng cho dân tộc Hán. Bốn ngôi sao còn lại tượng trưng cho 4 dân tộc anh em: Mãn, Hồi, Mông, Tạng

7. CỜ CỦA CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



Quốc kỳ Việt Nam hiện nay được công nhận chính thức từ 2-7. 1976, là lá cờ đại diện cho nước Việt Nam thống nhất. Lá cờ có hình chữ nhật, chiều rộng bằng $\frac{2}{3}$ chiều dài, nền đỏ, ở giữa có ngôi sao vàng năm cánh. Ý nghĩa là cờ thể hiện trong nền đỏ tượng trưng cho cách mạng, màu vàng là màu truyền thống tượng trưng cho dân tộc Việt Nam da vàng.

Đặc biệt giữa các nước theo chủ nghĩa xã hội có nhiều điểm chung (màu đỏ của cách mạng, biểu tượng búa liềm của công nông, các ngôi sao dẫn đường). Lá quốc kỳ của Việt Nam và Trung quốc có ảnh hưởng từ một mẫu có trước, đó là lá cờ Liên Xô (ngoài búa liềm có ngôi sao viên vàng trên nền cờ đỏ). Biểu tượng ngôi sao đó đã được

Nguyễn Ái Quốc đưa vào tờ báo Thanh niên, tờ báo cách mạng đầu tiên của dân tộc, ngay từ năm 1925.

Cờ Liên Xô (1923 – 1955)



*Chưa được sức đập tô thành lũy,
Thôi cũng đừng trợ Ngụy phò Ma...
Hòa lại bản đại hùng anh tuấn
Hát chung bài đất Thuần trời Nghiêu.
Thong dong mây sớm sương chiều,
Treo gương trị quốc phải điều lợi danh*

Bốn câu này nhắc nhở chúng ta nếu không đủ sức làm việc lớn thì giữ đạo trung dung; tìm theo chánh nghĩa chứ đừng trợ lực cho bọn Ma vương hại dân hại nước, phá Đạo mà mang tội. Lợi danh mất, hồn còn phải chịu đọa đày nơi cõi trung giới vì phạm vào lời minh thệ khi nhập môn. Khi đến buổi trăng tàn, sao sa dân chúng sau đó sẽ được sống trong cảnh thanh bình như thời vua Nghiêu, vua Thuấn.



PHẦN VII (TỪ CÂU 77 ĐẾN 100)

77. Hòa thiên hạ tu hành mới đắc.
Tam bửu qui yên giấc mới thành.
Trót mang rạng chí bình sanh,
Hồn nương cảnh Lạc, thân dành quê hương.
81. Diễm tử chương diễm nương ngọn bút.
Khí hồn thiêng gợi chút anh linh.
Văn thơ khó quyền chung tình,
Toan đem tiết khí Phục sinh hiện về.
85. Nhưng Thiên luật điệp phê sắc chi,
Dầu Đại La kim vị Phật tôn
Long Hoa còn đợi khai môn
Vãn không được phép chiết hồn hóa thân.*
89. Đêm khuya khoắt nương hồn hiền đệ.
Sứ mạng truyền giao huệ linh thông.
Dường như trợ gót trần hồng,
Đưa tay gạt nhẹ đôi dòng tư lương.
93. Rưng rưng nhớ từ chương pháp cú,
Biết rằng đời không đủ lòng tin.
Sương sa ngoài mái hiên đình,
Tường chừng thân xác giọt mình bàng khuâng!
- 97.

*Chấp Tiên bút viết văn thơ dở.
Chạnh lòng son hơi thở buồng dài.
Trót mang Đời, Đạo oằn vai,
Nay còn thêm gánh trần ai dắt dìu.*

Dẫn giải:

*Hòa thiên hạ tu hành mới đắc.
Tam Bửu qui yên giặc mới thành.*

Vì sao thiên hạ hòa, yên giấc thì người tu mới qui được Tam bửu và đắc đạo?

Tinh, Khí, Thần được gọi chung là Tam bửu (3 món báu). Đây khắc trong Vũ trụ bao la không có nơi nào không có sự sống, dầu đó là hiện tượng hóa thạch sâu dưới lòng đất phải mất nhiều năm mới hình thành được một viên sỏi hay là sự tử sanh ngăn ngừa của những loài vi khuẩn cực kỳ bé nhỏ, hay là sự vận hành của các tinh vân, các vì sao đều phải tuân theo một trật tự được qui định bởi Đấng Tạo Hóa. Nếu nhìn từ phương diện cấu tạo con người, thì con người là một tổng thể gồm có:

- Một khối thể đặc và lỏng gồm thịt, xương, da, tóc, máu huyết gọi là TINH.
- Một khối sanh lực làm tay chân biết cử động, đi đứng, nói năng được gọi là KHÍ.
- Một sự sáng suốt khôn ngoan của trí não biết sáng tạo, khám phá để tiến hóa gọi là THẦN.

Tam Bửu con người có thể diễn tả như sau:

- TINH là thân thể (material body)
- KHÍ là điển lực nghĩa là trí lực (vitaforce, Perisprit)

- THẦN là linh hồn (Soul, spirit.)

Ba món báu ấy hòa hợp cùng nhau thì thuận với lý thiên nhiên. Sự phát triển của con người được điều hòa về cả ba phương diện: Thể chất, Tình cảm và Trí Tuệ.

■ (Theo “Đời người” – Nguyễn Long Thành)

Hải Thượng Lãn Ông có dạy như sau: “*Trăm bệnh sinh ra đều do Khí*”. Một trong những nguyên nhân làm rối loạn Khí và từ đó gây bệnh là vì:

- Giận quá làm Khí nghịch lên
- Bi ai làm Khí tiêu tan
- Sợ hãi làm Khí không lưu hành được
- Lo nghĩ làm Khí kết lại

Nếu sống trong thời kỳ chiến tranh, đói khát, cướp bóc, rồi đạn bom cháy nổ rền bên tai thì người tu cũng bị ảnh hưởng theo, làm sao định tâm định trí được!

Hồn nương cảnh lạc thân dành quê hương: dù Chơn-Linh Ngài ngự ở Cực Lạc Niết Bàn, hồn vẫn lo cho nước, cho dân VN.

Toan đem tiết khí Phục sinh hiện về.

85. *Nhưng Thiên luật điệp phê sắc chi,
Đầu Đại La kim vị Phật tôn,
Long Hoa còn đợi khai môn
Vẫn không được phép chiết hỗn hóa thân.*

Ngài muốn giáng linh, muốn chiết hỗn hóa thân xuống thế gian để ra tay gánh vác cơ Đạo lần nữa nhưng chưa được Đức Chí Tôn cho phép. ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ đã khai minh từ năm 1926. TÂN LUẬT, PHÁP

CHÁNH TRUYỀN đã lập; THÁNH NGÔN của Đại Từ phụ và Đại Từ Mẫu đã khuyên dạy đầy đủ. Nhân loại có tin, có nghe, có làm đúng theo hay không? Long Hoa Hội sẽ là cơ khảo thí; ngày phán xét, tuyển chọn những ai xứng đáng sống đời Thánh đức; Còn ai ngỗ nghịch, biếm nhẽ, vô thần, phá Đạo thì bị đọa đày nơi cõi âm u... chứ không còn kêu nài được nữa. Muốn thay đổi vận mạng có liên quan đến 7 tỉ người, 7 tỉ linh hồn không phải là chuyện một người, hay một tập thể làm. Phải có sắc lệnh của Thượng Đế ban xuống và có sự hỗ trợ của Cộng Đồng Chư Thiên đồng loạt kích động khối Địa Tiên mang xác phàm để tiến hành cùng lúc. Chư vị đã có kế hoạch chu đáo, đã an bài mọi việc, ngày giờ đúng theo Thiên Ý đã định. Dù Ngài có thương dân VN đến mấy cũng cam chịu.

Thánh giáo Đức Chí Tôn nói: ***“Các con phải chung cùng nhau, tức nhiên lập Long Hoa Hội, định vị cho các Chơn-Linh trong kỳ Hạ Nguơn Tam Chuyển này, định vị cho họ dựng mở Thượng Nguơn Tứ Chuyển cho các Chơn-Linh.”*** Ngài mở Hội Long Hoa ấy, tức nhiên là Ngài định chấm đầu rớt cho các Chơn-Linh vậy. Vì cơ cho nên chúng ta ngó thấy có huyền vi bí mật nơi mặt thể này: Đức Chí Tôn đến mở Đạo, ngày nay chúng ta thấy oan gia nghiệt chướng phải trả liền buổi này, không cho thiếu, trả mãn mới thôi.

Đây là thời kỳ phổ độ chói, trước khi chấm dứt một chu kỳ tiến hoá của Nhơn loại, nên Đức Chí Tôn đại khai Ân Xá cho toàn cả Nhơn sanh, nếu ai biết ngộ kiếp một đời tu thì đủ trở về cùng Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu. Tam Hội Long Hoa Bạch Vương Đại Hội, Đức Di-Lặc Vương Phật sẽ làm Chánh Chủ khảo. Quan sát

Tòa Thánh Tây Ninh, ta thấy bao lơn nơi mặt tiền Tòa Thánh có bốn cây cột chống đỡ, phân làm hai cặp. Mỗi cặp có một cây đắp hình rồng (Long) quấn cột, một cây đắp hình bông sen (Hoa) quấn cột, nên mỗi cặp cột tượng trưng hai chữ LONG HOA. Còn trên nóc Hiệp Thiên Đài, giữa hai lầu chuông trống là tượng Đức Phật Di-Lặc ngự tòa sen đặt trên mình cọp (Tượng trưng năm Bính Dần là năm Khai Đạo).

Tại Tịnh Tâm Điện, và cổng của Văn phòng Hiệp Thiên Đài, Tòa Thánh Tây Ninh có đôi câu liên:

C.1: Hiệp nhập Cao Đài bá tánh thập phương qui chánh quả.

C.2: Thiên khai Huỳnh Đạo Ngũ chi Tam giáo hội Long Hoa.

C.1: Hiệp nhau nhập vào Đạo Cao Đài thì nhưn loại sẽ được trở về ngôi vị Tiên Phật.

C.2: Thiên khai Huỳnh Đạo, Ngũ Chi Tam giáo hội Long Hoa, nghĩa là: Trời mở Đạo Cao Đài, các Đấng trong Tam giáo và Ngũ Chi Đại Đạo tham dự Đại Hội Long Hoa.

Nhớ lại ngày 30-4-1975, hàng triệu người Việt được đưa đi khắp thế giới năm xưa là một kế hoạch của Thiên cơ chứ nào phải tình cờ. Bài tiên tri của Ngài Phạm Hộ Pháp năm 1956 đã cho biết trước.

*... Khi Cộng sản đúng thời đúng buổi,
Chiếm Nam Quan cho đến mũi Cà Mau.
Lúc bấy giờ Hội Thánh phải nói sao?
Khi đã lỡ lâm vào trong thế khó.
Khi Cộng Sản chiếm quyền hành trong lúc đó.
Biết bao nhà tôn giáo phải suy vi.
Cấp lãnh đạo và các phẩm chỉ buy,
Đừng không vững cho nên vấp ngã.*

*Làm tên tuổi lợi danh tiêu mất cả.
Cộng ngày sau sẽ tan rã không còn.
Khi dân tình khôì phục lại nước non.
Khuyên tín hữu lòng son cố tránh.*

Dân VN được rải đi khắp nơi để học hỏi sự văn minh, học tinh hoa của cả thế giới, từ khoa học kỹ thuật đến mở rộng tâm hồn, tinh thần yêu tự do và biết chia sẻ với người nghèo khó. Ngài cho biết chính quyền Cộng sản sẽ thắng và cũng cho biết một thời gian sau sẽ tan rã không còn. Những người yêu nước thật sự sẽ cùng nhau hợp lực xây dựng lại cơ đồ cho Việt Nam. Là Linh Địa thì những ai vô thần, lòng dạ ác độc, mưu mô chém giết, cướp bóc... sẽ không thể tồn tại trên mảnh đất này. Luật trời đã định: phá đời, phá Đạo là tự đánh mất linh hồn mình.

PHẦN VIII (TỪ CÂU 101 ĐẾN 120)

101. *Bởi sắc lệnh Linh Tiêu đại xá,
Thúc hôn Tiên giục hạ mây lành,
Tả thành sấm pháp đôi trang
Xưa là cơ diệu nay toan bút truyền.*
105. *Thời chưa tới nhiều viên tướng giỏi,
Cam khổ trần tôi mọi không làm.
Nung lòng nắn mật nhồi gan,
Không vì nhục thể mà toan cúi đầu.*
109. *Dù cơ cực xin bầu nhiệt huyết,
Đợi thời giờ Sĩ Kiệt lên yên.
Thà cam chí đập Huỳnh tuyền,
Thề không xu phụ làm phiên non sông.*
113. *Gương khí phách Thánh Thần kim cổ.
Vào tử sanh như chỗ bện hò.
Nhọc nhằn mấy đoạn cam go.
Nhục vinh thành bại cũng trò mua vui.*
117. *Hạ diệu bút ngậm ngùi Linh Huệ,
Chạnh lòng son cơ thể cho tròn.
Xa xa chuông mở ngân bon.
Canh gà rời rạc hôn còn ngự thân.*

Dẫn giải:

*Bởi sắc lệnh Linh Tiêu đại xá.
Thúc hồn Tiên giục hạ mây lành,
Tả thành sấm pháp đôi trang
Xưa là cơ diệu nay toan bút truyền.*

Theo lệnh đại xá của điện Linh Tiêu, Ngài dùng phương pháp chấp bút để truyền cho đệ tử SẤM PHÁP GIÁO để khuyến tu. Tín đồ hãy giữ vững đức tin, luôn có Ngài kế bên phù trợ; chớ ham bã lợi danh phản bội lời minh thệ mà hồn bị đọa đày... Thầy trò còn mong gì gặp lại! Giàu sang, quyền thế cho mấy thì xác thân cũng chỉ hưởng trong một kiếp; còn hồn bị đọa đày muôn kiếp!

Thà cam chí đập Huỳnh tuyền

Vì thế, thà xác thân cam chịu nghèo khổ, tù đày, hoặc chết vì Đạo chứ người tín đồ trung kiên quyết không làm tội mọi cho Ma vương, Quỷ vương. Nước Việt Nam sẽ có ngày huy hoàng sau cơn gió bụi. Chỉ có những người có đức hạnh, giữ lòng son sắt với Đạo, với Thầy mới được hưởng những vinh quang đó. Đã nói là Thánh địa thì làm sao người tâm ác tồn tại được, chỉ dành cho người có tâm Thánh, từ bi, bác ái sống thời kỳ đó mà thôi.

PHẦN IX (TỪ CÂU 121 ĐẾN 132)

121. *Há tiếc rẻ cuộc trần đi ở,
Nhưng Đạo vàng lở đồ pháp cương.
Lao xao Triệt giáo chen đường,
Tà tinh mượn Đạo giả phờng buôn Tu.*
125. *Mang lớp áo tập nhu mì bạnh,
Tạo chùa chiến thất chánh tinh tường.
Một câu Kinh Pháp không tường!
Mãi mong chẳng động lòng thương giống nòi!*
129. *Tranh ngôi vị đua đòi vật chất,
Nặng lòng phàm bán Phật chia xương.
Hồn sông núi quá đoạn trường,
Rắn tuôn nọc rắn dễ thường thua voi.*

Dẫn giải:

Ngài không lưu luyến gì ở cõi trần như bọn này, Ngài chỉ ân hận khi nhìn nền Đạo bị ngửa nghiêng vì bọn tà tinh lấn chiếm nơi cửa Đạo. Mang danh Chức sắc mà Kinh không thuộc, nhập môn ngày nào không biết, lễ nghi không rành; chỉ lo bức hiếp tín đồ và chiếm đoạt lợi lộc. Luật pháp chơn truyền của Đạo bị bọn họ tự tiện sửa đổi, giải thể hành chánh Đạo... tất cả nhằm biến tổ chức và cơ sở tôn giáo thành công cụ phục vụ cho mục đích chính trị và kinh tế của họ mà thôi. Ai dám bán Phật, chia xương? Câu hỏi mà ai cũng có thể trả lời:

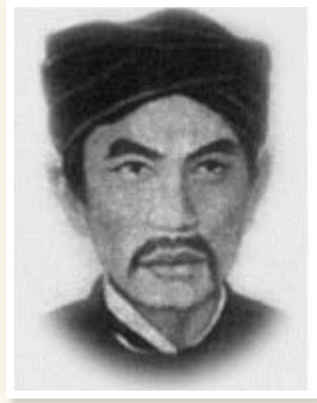
đó là hạng người vừa vô thần vừa tán tận lương tâm. Mồ hôi, nước mắt của biết bao Tiên bối mới biến khu rừng hoang sơ thành Nội Ô Tòa Thánh nguy nga, đồ sộ như ngày nay. Không chỉ nói về cơ sở vật chất, mà đây còn là nơi trụ đức tin của hơn năm triệu tín đồ Cao Đài trong và ngoài nước. Họ nghĩ rằng có thể chiếm đoạt được sao?

PHẦN X (TỪ CÂU 133 ĐẾN 152)

133. *Kẻ mãi quốc mới coi mình trọng,
Người thiệt Người không động lòng tham.
Tích xưa danh tướng nhà Nam,
Sa cơ (Nguyễn) Trung Trực đành cam rơi đầu.*
137. *Gương oanh liệt Năm Châu rung động.
Sử còn ghi nòi giống anh hùng.
Xem thường cơ khí tàn hung,
Quyết đem gan mật so cùng quyền uy.*
141. *Noi mực thước lương tri đạo đức.
Tìm tàng trong mãnh lực vô biên.
Noi theo Thầy, Tổ lưu truyền,
Hồn lo giải thoát, thân riêng giúp đời.*
145. *Sống trong cảnh xương rơi máu đổ,
Mới rõ lòng thống khổ bi ai.
Tuồng đời lắm lúc chua cay,
Tở trung có nịnh mới hay lớp màn...*
149. *Người trung chịu gian nan nguy khốn,
Cuối cùng rồi không hổ danh truyền.
Kẻ ham nệm ấm chần êm,
Tham lam ích kỷ đương nhiên nịnh thần.*

Dẫn giải:

TIẾT 1. ANH HÙNG DÂN TỘC NGUYỄN TRUNG TRỰC



I. TẤM LÒNG YÊU NƯỚC, THƯƠNG DÂN

Nguyên quán của Nguyễn Trung Trực ở xóm Lưới, thôn Vĩnh Hội, tổng Trung An, huyện Phù Cát, trấn Bình Định (ngày nay là xã Cát Hải, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định). Để tránh sự bắn phá của quân Pháp dọc theo miền duyên hải, gia đình ông theo đoàn người di cư vào Nam, định cư ở thôn Bình Nhựt, nay là xã Bình Đức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Nguyễn Trung Trực sinh năm Mậu Tuất (1838) tại Tân An (Long An). Ông có tên là Nguyễn Văn Lịch, (lúc nhỏ tên là Chơn); sau khi đốt tàu Espérance, ông đổi tên là Nguyễn Trung Trực.

Hàng ngày ông giúp cha chài lưới ven sông. Ông rất giỏi võ nghệ. Tài liệu của P. Vial một nhà sử học cho biết:

Nguyễn Văn Lịch giữ chức đội trong đạo quân đồn điền do Trương Công Định chỉ huy. Dưới triều nhà Nguyễn, lính đồn điền hoạt động theo kế hoạch: “*tĩnh vi nông, động vi binh*» (thời bình làm dân cày, lúc biến làm lính). Kế hoạch này tổ chức khắp trong Nam.

Sau khi Đại đồn Chí Hòa thất thủ, Nguyễn Trung Trực về Tân An. Khi thành Định Tường thất thủ, quân Pháp kiểm soát vùng Mỹ Tho, thường cho những tàu chiến vừa chạy tuần tra vừa làm đồn nổi di động. Một trong số đó là chiếc tiểu hạm *Espérance* (Hy Vọng), án ngữ nơi vàm Nhựt Tảo (nay thuộc xã An Nhựt Tân, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An). Sáng ngày 10 tháng 12 năm 1861, Nguyễn Trung Trực cùng nghĩa quân tổ chức cuộc phục kích đốt cháy tàu chiến.

Danh sĩ Huỳnh Mẫn Đạt khen ngợi ông bằng bài thơ có hai câu như sau:

*Hỏa hồng Nhật Tảo oanh thiên địa
Kiếm bạt Kiên Giang khắp quỷ thần.*

Thái Bạch dịch:

*Sông Nhật Tảo lửa hồng rực cháy, tiếng vang trời đất,
Đồn Kiên Giang lưỡi kiếm tuốt ra, quỷ thần sợ khóc.*

Sau đó, Nguyễn Trung Trực cùng nghĩa quân tiếp tục chiến đấu qua lại trên các địa bàn Gia Định, Biên Hòa. Khi Hòa ước Nhâm Tuất 1862 được ký, ba tỉnh miền Đông lọt vào tay thực dân Pháp, Nguyễn Trung Trực nhận chức Lãnh binh, đưa quân về hoạt động ở ba tỉnh miền Tây. Đầu năm 1867, ông được triều đình phong chức Hà Tiên Thành Thủ Úy để trấn giữ đất Hà Tiên, nhưng ông chưa kịp đến nơi thì thành này đã bị quân Pháp chiếm. Nguyễn

Trung Trực đem quân về lập mật khu ở Sần chim (tả ngạn sông Cái Lớn, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang). Từ nơi này, ông lại dẫn quân đến Hòn Chông (nay thuộc xã Bình An, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang, lập thêm căn cứ kháng Pháp. Rạng sáng ngày 16 tháng 6 năm 1868, Nguyễn Trung Trực bắt ngờ dẫn quân từ Tà Niên (nay là xã Vĩnh Hòa Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang) đánh úp đồn Kiên Giang. Kết thúc trận, nghĩa quân chiếm được đồn, tiêu diệt được 5 viên sĩ quan Pháp, 67 lính, thu trên 100 khẩu súng cùng nhiều đạn dược và làm chủ tình hình được 5 ngày liền. Đây là lần đầu tiên, lực lượng nghĩa quân đánh đối phương ngay tại trung tâm đầu não của tỉnh. Nhận tin Chủ tỉnh Rạch Giá cùng vài sĩ quan khác bị giết ngay tại trận, George Diirwell gọi đây là một sự kiện bi thảm (un événement tragique).

Hai ngày sau (ngày 18 tháng 6 năm 1868), Thiếu tá hải quân A. Léonard Ausart, Trần Bá Lộc... nhận lệnh Bộ chỉ huy Pháp ở Mỹ Tho mang binh từ Vĩnh Long sang tiếp cứu. Pháp phản công, ông phải lui quân về Hòn Chông (Kiên Lương, Kiên Giang) rồi ra đảo Phú Quốc, lập chiến khu tại Cửa Cạn nhằm kinh chống đối phương lâu dài. Đến tháng 9/1868, Pháp điều động lực lượng hùng hậu ra đảo Phú Quốc truy đuổi. Pháp phong tỏa đảo Phú Quốc, chặn tất cả các ghe xuống qua lại vì nghi là tiếp tế gạo cho nghĩa quân. Huỳnh Công Tấn lại bày với Pháp bắt tất cả dân trên đảo tập trung vào một nơi phơi mưa nắng và không cho ăn uống, cùng truyền rao: Nếu cụ Nguyễn Trung Trực không ra đầu hàng sẽ hành hạ dân trên đảo đến chết vì họ cố tình tiếp tay và che chở cho nghĩa quân. Giám đốc Sở nội vụ Paulin Vial viết: Nguyễn Trung Trực

chịu nộp mạng, chỉ vì thiếu lương thực và vì mạng sống của bao nghĩa quân đang bị bao vây hàng tháng trời rờng rã tại Phú Quốc. Sau đó, ông bị giải về Sài Gòn, viên thống soái Nam Kỳ lúc đó vừa dụ hàng, vừa hăm dọa, ông trả lời: *“Thưa Pháp soái, chúng tôi chắc rằng lúc nào ngài trừ cho hết cỏ trên mặt đất thì chừng đó ngài mới may ra trừ tiệt được những người ái quốc của xứ sở này”*.

Biết không chiêu dụ được, nhà cầm quyền Pháp đã đưa ông Trục về lại Rạch Giá. Cuối cùng họ đem ông ra hành hình ở chợ Rạch Giá ngày 27-10-1868, hưởng dương 31 tuổi. Tuy nhiên, theo lời kể lại của người xưa, lúc bị hành hình ông có vẻ già hơn tuổi rất nhiều. Ông người cao lớn khỏe mạnh, nước da bánh ít, gương mặt vuông, hai mắt to và sáng. Cụ Nguyễn thắng được quân Pháp nhờ lối đánh xuất quỷ nhập thần; thêm vào đó còn có yếu tố đặc nhân tâm không kém phần quan trọng. Cụ là người trung nghĩa, đối đãi mọi người rất chân tình; bao giờ cũng đi đầu trong các cuộc giao chiến và gánh lấy phần nguy hiểm nhất. Điều này làm cho nghĩa quân mến phục và liều chết với chủ tướng. Trung với nước, hiếu với cha mẹ, đối đãi nhân nghĩa với đồng bào nên dễ thu phục nhân dân, đi đến đâu cũng được nhân dân hưởng ứng đầu quân dưới cờ và tiếp tế lương thực cùng phương tiện cho nghĩa quân. Ông Paulin Vial đã phải thán phục Nguyễn Trung Trục khi nói: *“Một người chỉ huy trẻ tuổi gan dạ đã quyết liệt gây chiến với ta trong 8 năm trời trước khi bị ta bắt”* (un chef jeune et audacieux, qui devait nous faire une guerre acharnée pendant huit années, avant de tomber dans nos mains) và *“Trục có một diện mạo thông minh và dễ mến”* (Truc avait une physionomie intenigente

et sympathique). Khi lấy khẩu cung ông, Piquet nhận xét: “*Trực tỏ ra rất tự trọng và đầy khí phách*” (Il montra beaucoup de dignité et d’énergie).

Lúc bị giải ra đoạn đầu đài, vị thủ lĩnh phong trào khởi nghĩa chống Pháp cuối thế kỷ XIX đã có câu nói bất hủ: “*Bao giờ người Tây nhổ hết cỏ nước Nam, thì mới hết người Nam đánh Tây*”. Thời khắc bi thương đó đến nay đã gần 150 năm, nhưng khí phách của anh hùng Nguyễn Trung Trực khi bị kẻ thù “*trảm sống*” vẫn còn sống mãi trong lòng dân tộc với nhiều giai thoại, truyền thuyết bi hùng về một vị tướng kiên trung, quả cảm, xem cái chết nhẹ tựa lông hồng. Dũng khí của cụ oai hùng đến nỗi Bồn Tựa, tên đao phủ chém thuê phải quỳ lạy và xin lỗi cụ vì nghèo hèn phải làm nghề chém thuê. Lịch sử từ cổ chí kim và từ Đông qua Tây chưa bao giờ thấy một đao phủ quỳ lạy một tử tội. Nhưng điều đó đã xảy ra ở Việt Nam với một Nguyễn Trung Trực. Cảnh tượng đó làm cho dân chúng Kiên Giang không thể nào quên được và truyền miệng với lòng tôn kính và ngưỡng vọng như Thần Thánh.

Người ta kể rằng: vào buổi sáng ngày 27 tháng 10 năm 1868 (12-9 Mậu Thìn), nhân dân Tà Niên nơi nổi tiếng về nghề dệt chiếu, và nhiều nơi khác đổ xô ra chợ Rạch Giá, vì Pháp đem Nguyễn Trung Trực ra hành quyết. Ông Trực yêu cầu Pháp mở trói, không bịt mắt để ông nhìn đồng bào và quê hương trước phút ra đi. Bô lão làng Tà Niên đến vĩnh biệt ông, đã trải xuống đất một chiếc chiếu hoa có chữ “*THỌ*” (chữ Hán) màu đỏ tươi thật đẹp cho ông bước đứng giữa. Ông hiên ngang, dõng dạc trước pháp trường, nhìn bầu trời, nhìn đất nước và từ già đồng bào...

Tương truyền, trước khi bị hành quyết Nguyễn Trung Trực đã ngâm một bài thơ:

*Thư kiếm từng nhưng tự thiếu niên,
Yêu gian đảm khí hữu long tuyên,
Anh hùng nhược ngộ vô dung địa.
Bảo hận thâm cừu bất đãi thiên.*

Thi sĩ Đông Hồ dịch:

*Theo việc binh nhưng thuở trẻ trai,
Phong trần hăng hái tuốt gươm mài.
Anh hùng gặp phải hồi không đất,
Thù hận chang chang chẳng đợi trời.*

Nhiều tỉnh thuộc đồng bằng sông Cửu Long... nhân dân đã lập đền thờ ông và hằng năm đều có tổ chức lễ tưởng niệm trọng thể. Có lẽ không có vua chúa, quan chức, hay lãnh tụ nào có công với đất nước sau khi chết được xây dựng nhiều đền thờ như Nguyễn Trung Trực (tổng số gần 20 đền thờ Nguyễn Trung Trực ở đồng bằng sông Cửu Long). Ngoài đền thờ chính còn có rất nhiều đền thờ ghép, thờ chung trong đình làng, đền, chùa.

II. THƠ TIÊN TRI CỦA NGÀI NGUYỄN TRUNG TRỰC

Trong tôn giáo Cao Đài, Ngài có về cơ và cho bài thi nói về vận nước. Ngài đã đắc Thần vị.

Rạch Giá, đêm mừng 1-10. Ất Mùi (14-11-1955).

Tôn Thần NGUYỄN TRUNG TRỰC

*TRUNG TRỰC trải thân giúp Nguyễn trào,
Lạc Hồng ngàn thuở rạng danh cao.
Việt Nam nhứt thổ thiên niên thạnh,*

Đàn nội giảng lâm tồ ý nhau.

*

*Trước nghi án mây sâu vẫn vũ,
Bấm đốt tay xem thử máy Trời.*

*Thấy đời tiêu diệt đến nơi,
Xót thương nên mới để lời cạ phân.*

*Kìa đại chiến đã gần rồi đó,
Khuyên chư hiền chịu khó tu hành.*

*Để mà thoát nạn chiến tranh,
Hết hai còn một người lành Trời thương.*

*Nhìn thấy cảnh sa trường máu đổ,
Nhìn ngũ châu thành phố tiêu điều.*

*Ruộng vườn xơ xác quanh hieu,
Đường đi vắng vẻ dập dìu thây thi.*

*Khuyên bá tánh đừng vì danh lợi,
Khuyên chư nhu kịp tới Đài Cao.*

*Dầu cho sóng bủa nước trào,
Đài Cao có sẵn không sao đến mình.*

*Đây ta nói chúng sinh được rõ,
Trận kỳ ba đã lộ bóng rôi.*

*Kể từ nước Việt chia đôi,
Can qua ngàn ngục như hồi Đông Châu.*

*Nạn tương sát thân sâu qui khốc,
Nạn thủy tai động đất lan tràn.*

*Bập bồng Tân quốc tan hoang,
Hoàng cung không chúa, ngại vàng không vua.*

Bom đạn nổ đền chùa sụp đổ,

Xác thây người chạt lộ đầy sông.
Đế Thiên cho đến Cửu Long,
Xương vung như núi, máu hồng như sông.
Nga, Trung Cộng, Mỹ không nhượng bộ,
Tiếp lần qua châu thổ nước Lào.
Bốn phương dấy động binh đao,
Thứ ba thế chiến không sao tránh rồi.
Bom nguyên tử đến hồi tung nổ,
Biến cảnh trần như chỗ hoang vu.
Còn chăng là kẻ chơn tu,
Cơ Trời đã định chư nhu nên tầm.
Đấng Thượng Đế cao thâm huyền diệu,
Khai Đạo Trời lấy hiệu Tam Kỳ.
Hiệp hòa Tam giáo Ngũ chi,
Ngôi Hai tái thế từ bi khôn lường.
Người đem rải tình thương khắp chốn,
Thấy mặt trời cứu khốn trần gian.
Y quan xanh đỏ trắng vàng,
Cân đai rõ rõ, địa hoàn đều hay.
Phải nhớ kỹ Đạo khai tà khởi,
Quý Sa Tăng cũng tới đây dàng.
Phá cho Thánh giáo nát tan,
Dẫn người lương thiện vào đảng Bàng môn.
Chúng đủ thuốc mê hôn cảm dỗ,
Sắc tài quyền tú đồ đưa ra.
Đẩy người rơi xuống mê hà,
Muôn đời ngàn kiếp thoát ra được nào!

*Lập đảng phái chen vào chánh giáo,
Xúi môn đồ phản đạo hại thầy.
Làm người như đại như ngậy,
Không phân Nam Bắc Đông Tây đảng nào.
Anh em nhà giết nhau như địch,
Con một cha tạo khích gây hiểm.
Nhớ câu máu chảy ruột mềm,
Đến chừng thức tỉnh, tui thân đã già.
.....
Khuyên thiện tín một lòng tu niệm,
Để thoát cơn nguy hiểm kỳ ba.
Được xem Đại hội Long Hoa,
Hưởng đời Thánh đức nhà nhà yên vui.*

TIẾT 2. HỒN LO GIẢI THOÁT, THÂN RIÊNG GIÚP ĐỜI

*Noi theo Thầy, Tổ lưu truyền,
Hồn lo giải thoát, thân riêng giúp đời. **

Ngài nhắc chúng ta Đạo Đời song tu. Tu tâm, sửa tánh, ý chí vững vàng và cao thượng, biết thương yêu và chia sẻ với người nghèo khổ. Dù cường quyền đàn áp, người tín đồ còn có Con đường tu chơn mở rộng; ngoài việc kiếm sống hãy dành thời giờ cho cầu nguyện và thiền định. Đạo tại Tâm. Tâm là Đạo.

*Sống trong cảnh xương rơi máu đổ,
Mới rõ lòng thối khổ bi ai.
Tuồng đời lắm lúc chua cay,
Tổ trung có nịnh mới hay lớp màn...*

149. *Người trung chịu gian nan nguy khốn,*

*Cuối cùng rồi không hổ danh truyền.
Kẻ ham nệm ấm chẵn êm,
Tham lam ích kỷ đương nhiên nịnh thần.*

Đoạn này nhắc lại cơ khảo đảo và tuyển chọn của Ôn Trên. Kẻ bạo tàn, tham lam, sống trên xương máu của đồng loại ắt phải bị đọa đày chốn u tối gọi là cõi luyện tội để ăn năn sám hối; nếu quá ác thì mất cả linh hồn. Còn người trung nghĩa tuy chịu thiệt thòi, khổ sở trong kiếp sống nhưng linh hồn được giải thoát, cao thẳng phẩm vị. Cơ thường phạt tuy vô hình nhưng rất công bằng.

PHẦN XI (TỪ CÂU 153 ĐẾN 172)

153. *Tu muốn đắc phải cần công quả,
Đạo muốn thành vất vả đừng than.
Xét trong vạn pháp trần gian,
Nếu không tham luyến không mang nợ đời.*
157. *Bản Đạo mượn đôi lời than thở,
Khúc tiêu sáu Hán, Sở ngày xưa. *
Đêm dài nhờ gió đẩy đưa,
Bống trăm khoan nhặt nhưng chưa tỉnh hồn.*
161. *Cuộc trần lụy dạy khôn ân oán,
Dấn thân vào bể hoạn rừng mê.
Canh khuya ngẩn bút khai đề,
Hỏi ai có biết đường về Tiên bang? **
165. *Dầu thuyết giảng muôn ngàn lý lẽ,
Chẳng hữu duyên xem nhẹ lời thơ.
Cám ơn đệ tử trông chờ,
Ngày cam nắng hạn đêm chờ giọt sương.*
169. *Nhưng chẳng rúng cang trường nghĩa trọng,
Mượn Bàn Khê sóng Vị buông câu. *
Trần ai số định công hầu,
Nhọc nhằn chi bấy nhịp cầu tang thương*

Dẫn giải:

TIẾT 1. CƠ KHẢO THÍ

*Tu muốn đắc phải cần công quả. **

Đạo muốn thành vất vả đừng than.

Hai câu này nghĩa đã rõ. Muốn đắc đạo phải có TAM LẬP: LẬP CÔNG, LẬP ĐỨC, LẬP NGÔN.

Cơ khảo thí tuyển chọn từ ngày Khai Đạo đến giờ ngày càng tinh vi, thách thức đến với người tu ngày càng nhiều, cả ngoại khảo lẫn nội khảo. Thói thường, ai cũng thích ăn ngon mặc đẹp, quyền hành và tiền bạc trong tay. Vì thế mà phạm vào NGŨ GIỚI CẤM, quên lời Minh Thệ, tự mình dẫn hồn vào Bích du cung, vào Bắc Cù lư châu, vào QUỶ VỊ.

Trong thời kỳ Đại Ân Xá của Đức Chí Tôn, Đức Chí Tôn miễn cho môn luyện đạo nơi Tịnh Thất, nên trong thời kỳ này, người tín đồ Cao Đài chỉ cần đủ Tam Lập là đắc đạo. Đức Phạm Hộ Pháp thuyết đạo giảng giải về Tam Lập, trích ra như sau đây:

«– Minh học để biết Đạo là Lập Đức, nói Đạo cho thân tộc mình biết là Lập Công, độ toàn Nhơn loại là Lập Ngôn. Có làm đủ ba điểm đó mới về được với Đức Chí Tôn bằng con đường Cửu Thiên Khai Hóa. Lập Đức thì phải nhớ đạo lý. Lập Công thì phụng sự Nhơn sanh. Lập Ngôn thì để hết trí óc tìm hiểu về triết học tinh thần, tìm tòi mọi lẽ cao sâu để thuyết minh Chánh giáo.»

«– Phương pháp Tam Lập, nói rõ ra là chỉ đem mảnh thân này làm tế vật cho Đức Chí Tôn dâng phụng sự Nhơn

loại. Nếu giải rõ rất nhiều chi tiết, để có dịp Bản đạo sẽ thuyết minh hoặc viết sách in ra cho học hỏi.»

Việc lập công quả hay công đức là thuộc về Tam Lập, vì Lập Đức, Lập Công và Lập Ngôn gắn liền nhau, không thể tách rời ra từng phần được. Do đó, thi Lập công quả hay thi Lập công đức chính là thi Tam Lập. Nếu các sĩ tử không rèn luyện các môn thi chánh thức này, mà lại xem thường nó, rồi lại đi rèn luyện các môn khác không sử dụng trong kỳ thi như môn Luyện đạo chẳng hạn, thì rất uổng phí thời gian cho một kiếp sanh may duyên gặp Đạo. Trong kiếp sanh này, muốn đắc đạo tức là thi đậu thì phải lo học tập và thực hành Tam Lập. Việc này cũng rất khó khăn, nhưng không phải không làm được, muốn thực hiện thì phải có một quyết tâm lớn, một ý chí kiên cường nhẫn nại và một tấm lòng hy sinh.

– Quyết tâm là để không lùi bước trước khó khăn, vượt qua các thử thách do bọn Tà quyền gây nên. Nghèo khổ, tù đày vì Đạo cũng không than trách.

– Ý chí kiên cường nhẫn nại là để kềm chế dục vọng, tình cảm ích kỷ của mình, hướng chúng vào đường cao thượng.

– Hy sinh là để hiến dâng đời mình cho Đạo pháp, cho nhơn sanh. Sự hy sinh đó sẽ giúp con người vượt lên cái tầm thường của phàm trần để đến gần cửa Đạo; tâm linh trở nên sáng chói theo gương các Đấng Thiêng liêng.

TNHT: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ chẳng khác chi một trường thi công quả. Nếu biết ăn năn trở bước lại con đường sáng sủa, giới tâm, trau đức, đặt đến hội diện cùng Thầy thì mới đạt đặng địa vị thanh cao

trong buổi chung qui đó.

TIẾT 2. KHÚC “HÁN SỞ CHIẾN TRƯỜNG”

Tần Thủy Hoàng sau khi dẹp tan 6 nước: Yên, Tề, Sở, Ngụy, Triệu, Hàn chấm dứt thời Chiến quốc (479-220 trước DL) – cũng gọi là Thất hùng – thống nhất đất nước, lập nên nhà Tần. Nhưng vì chế độ nhà Tần quá khắc nghiệt, dân chúng nổi dậy chống lại. Trong số đó, chỉ có lực lượng của Lưu Bang ở đất Bái và Hạng Võ ở đất Ngô chống cự được với quân Tần. Sau Hạng Võ đánh bại được tướng Tần là Chương Hàm ở đất Cự Lộc (tỉnh Hà Bắc), Lưu Bang thừa dịp, đem binh thẳng đến Hàm Dương (kinh đô nhà Tần) dứt được nhà Tần. Nhưng rồi qua phân làm hai nhà: Hán (Lưu Bang) và Sở (Hạng Võ) tương tranh. Sở Hạng Võ có tướng tài, tham mưu giỏi mà không biết dừng. Hán Lưu Bang nhờ biết dừng người nên có nhiều bậc hiền tài đến phò tá, như Tiêu Hà, Hàn Tín, Trương Lương được gọi là Tam Kiệt... nên đánh thắng được Sở, lên ngôi Vua, thống nhất đất nước (206 trước DL).

Cuộc tương tranh giữa Hán, Sở chỉ khoảng 10 năm nhưng cường độ chiến tranh lúc nào cũng khốc liệt. Cuối cùng, Sở Hạng Võ bị tướng soái của Hán Lưu Bang là Hàn Tín bao vây tại núi Cữu lý ở phía bắc thành Từ Châu. Tuy lâm vào tình thế nguy ngập, thiếu lương thảo nhưng bên cạnh vua Sở còn 8.000 tử đệ theo từ lúc ban đầu, ở vào lúc cùng, họ quyết tử chiến mở con đường máu, thẳng về Giang Đông tức đất cũ, tu chỉnh binh mã, dựng lại thế lực để tiếp tục cuộc chiến đấu. Như vậy là một bất lợi cho Hán, đầu có đại thắng bằng binh lực nhưng phải trả một giá rất đắt bằng xương máu. Vì thế, Trương Lương

hiến kế là tìm cách phân tán 8.000 tử đệ để cô lập Hạng Võ. Trương Lương liền thừa lúc đêm khuya thanh vắng của tiết cuối thu lạnh lẽo, đi qua lại từ trên núi Kê Minh đến núi Cửu lý, thổi tiêu rồi hát. Trương Lương lại tuyển quân Hán học tiếng nước Sở cho hát bài “*Bi ca tán Sở*” do Trương soạn lấy. Canh khuya đêm vắng, tiết trời lạnh lẽo, tiếng tiêu thâm trầm, giọng hát ai oán gọi lòng thương nhớ gia đình... vọng vào dinh Sở. Quân Sở, tám ngàn tử đệ vốn người nước Sở, lia quê nhà theo Hạng Võ nay gặp phải gian nguy, mạng sống như ngàn cân treo phải chỉ mảnh... nên trước chỉ buồn bã than thở, sau cùng càng thăm thía bàn nhau bỏ trốn. Bên ngoài, Hàn Tín khéo léo nói rộng vòng vây để quân Sở tự do ra đi. Chỉ trong ba đêm, tám ngàn tử đệ cùng quân sĩ các dinh trại của Sở bỏ trốn hết bảy, tám phần. Cuối cùng, Hạng Võ phải từ biệt vợ là Ngưu Cơ, cất tiếng hát một cách tuyệt vọng:

*Lực bạt sơn hề khí cái thế
 Thời bất lợi hề chuy bất thế
 Chuy bất thế hề khả nại hà?
 Ngưu hề Ngưu hề khả nại hà?*

Tạm dịch:

*Sức nhổ núi chừ khí hơn đời
 Thời bất lợi chừ ngựa chẳng đi
 Ngựa chẳng đi chừ biết làm sao?
 Ngưu chừ, Ngưu chừ biết làm sao?*

Ngưu Cơ cầm gương tự tử. Thế rồi Vua Sở Hạng Võ một người một ngựa đánh mở con đường máu, thoát khỏi vòng vây chạy đến bên sông Ô, nhưng không qua được sông, cuối cùng tự tử. Mới biết sức mạnh của âm nhạc một khi được sử dụng đúng lúc, đúng độ sẽ phát huy

tác dụng tâm lý mạnh mẽ vì chạm tới con tim nhân thế. Quân của Hạng Vũ dẫu vốn trung thành và quen chiến trận nhưng tựu trung họ vẫn là con người...

TIẾT 3. ĐƯỜNG VỀ TIÊN BANG

Đường nào về Tiên bang? DI LẠC CHƠN KINH do Đức Phật Thích ca ban cho đã dạy rõ:

KHAI KINH KỆ

Vô thượng thâm thâm vi diệu pháp

Bá thiên vạn kiếp nan tạo ngộ

Ngã kim thính văn đắc thọ trì

Nguyện giải Tân kinh chơn thiệt nghĩa

THÍCH CA MÂU NI VĂN PHẬT

thuyết: DI LẠC CHƠN KINH

Chú giải:

Bài Kệ khai “*Di Lạc Chơn Kinh*”

Những giáo pháp vô thượng của Đức Phật lắm cao sâu, huyền vi và mâu nhiệm.

Dù trăm ngàn muôn kiếp không có duyên phần cũng rất khó mà gặp đặng.

Ngày nay Ta nghe biết, được thọ lấy và gìn giữ,

Nguyện giải thích bài Tân kinh này với ý nghĩa chơn thiệt của Phật.

Đức Thích Ca Mâu Ni Văn Phật thuyết giảng về bài “*Di Lạc Chơn Kinh*”.

Di-Lạc Chơn Kinh: Bài Kinh chơn thật nói rõ quyền pháp của Đức Phật Di-Lạc trong thời Tam Kỳ Phổ Độ.

Trong bài Kinh có đoạn rất quan trọng như sau:

“Nhứt thiết chư Phật tùng lệnh DI LẠC VƯƠNG PHẬT, năng chiếu diệu quang tiêu trừ nghiệp chướng. Nhược hữu chúng sanh văn ngã ứng đương thoát nghiệp, niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng tùng thị Pháp điều Tam Kỳ Phổ Độ, tất đắc giải thoát luân hồi, đắc lộ Đa La Tam Diệu Tam Bồ Đề thị chi chứng quả Cực Lạc Niết Bàn.”

Dịch nghĩa:

Tất cả các vị Phật, tùng theo lệnh của Đức Di Lạc Vương Phật, có thể chiếu ánh sáng huyền diệu để tiêu trừ các nghiệp chướng. Nếu có chúng sanh nào nghe biết lời của Ta, thì nên tìm cách thoát khỏi nghiệp chướng, bằng cách niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng; tùng theo những điều khoản luật pháp của ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ, thì ắt được giải thoát khỏi luân hồi, mà đạt được Đạo Chánh Đẳng Chánh Giác, đó là chứng quả vị nơi cõi Cực Lạc Niết Bàn.

**Cần lưu ý là ba tên Đức Krisna trong Ấn giáo, Đức Christ trong Thiên Chúa giáo, Đức Di Lạc (Maitreya) trong Phật giáo, Cao Đài giáo đều cùng chỉ một Chơn linh. Đó là KRISNA PHẬT.

Trên nóc BÁT QUÁI ĐÀI của Tòa Thánh Tây Ninh có tượng Tam Thế Phật. Đó là:

BRAHMA Phật, – CIVA Phật, – CHRISTNA Phật. Đây là Tam Ngôi nhứt Thể, thay mặt cho Thượng Đế trong thế giới này. Khi Đức Hộ Pháp trấn Thần đến Bát Quái Đài, ngó lên trên, Ngài trấn Thần pho tượng Tam Thế Phật. Ngài nói:

1. **Brahma Phật** đứng trên lưng con Thiên nga ngó hướng Tây, ấy là ngôi thứ nhất, tượng trưng ngôi Thánh đức, thuộc về Cơ Sanh hóa, ấy là Đấng tự hữu hằng hữu, hữu nguyên hữu thi của vạn vật.
2. **Đức Phật Civa** (Shiva) đứng trên Thất đầu Xà (rắn bảy đầu) ngó qua phía chánh Bắc, ấy là ngôi thứ hai tượng trưng phần Âm Dương, Cơ Sanh cũng là Cơ Diệt, ấy là ngôi Bảo tồn.
3. **Đức Phật Christna** (hay KRISNA) đứng trên con Giao long (Cá hóa rồng) ngó về phía chánh Nam, ấy là ngôi thứ ba tượng trưng cuộc tuần hoàn; tiên tri cho nhơn loại biết việc trí xảo thuộc Cơ Tranh đấu, cũng là cuối Hạ nguơn, khởi Thượng nguơn Tử Chuyển.

Tại Tòa Thánh Tây Ninh, trên nóc của Phi Tượng Đài có tượng Đức Phật Di Lạc ngồi tòa sen đặt trên lưng một con cọp vàng (cọp tượng trưng năm Bính Dần – 1926 – là năm Khai Đạo). Sau đây là bài giảng của Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc luận giải về chữ Tu và có nhắc đến sự giảng lâm của Đức Di Lạc:

“Trên công việc nhứt nhứt thường hành, nó thuộc về Thế pháp. Dầu cho ta có cúng lạy cho đến nổi dập đầu bể trán mà không phụng sự cho Vạn Linh thì cũng không lợi ích chi cho Trời Phật. Cái lợi ích hơn hết là một đám con lầm lạc của Trời nó đang tâm tàn sát lẫn nhau mà ra tay cứu vãn được mới là ân nhân của xã hội. Khi ra trước Tòa Phán Xét Đại Hội Long Hoa, ta mới có đủ điều kiện để bình vực lập trường mình; bằng chẳng vậy thì cái danh từ Tôn giáo của chúng ta đối với xã hội nó không có cái ý nghĩa...

Nói trắng ra, toàn cầu sắp khởi trận cuồng phong dữ dội, nó sẽ lôi cuốn nhơn loại ra giữa dòng khổ hải, chẳng

riêng dân tộc nào mà nước Việt Nam ta cũng đồng chung số phận. Dầu cho Đức Di Lạc có ra đời đi nữa, không phải một mình Ngài vớt cả chúng sanh được, mà phải cần có cả môn đồ của Ngài giúp Ngài. Bởi Ngài là một vị Tài công, còn các môn đồ của Ngài cũng như những thủy thủ mới có thể đưa nhơn loại qua khỏi bến bờ. Nếu chúng ta không có cái Đại Chí để hiệp cùng Ngài thì cũng phải bị đắm chìm như bao kẻ khác...

Mặc dù ta không dám bì với các nhà tiên tri buổi trước, chớ ta cũng nhận định được ngày tận thế hầu gần. Giữa lúc thanh, trước bất phân, dầu cho có Chúa Cứu Thế ra đời mà Ngài không ẩn danh thì cũng bị quân nghịch bắt đóng đinh trên cây Thánh giá; nên Đức Di Lạc phải mai danh trong màn bí mật, xét ra thời kỳ nào cũng thế chứ không có chi là lạ. Vậy, các bậc đạo đức chơn tu, ai là người có đủ đức tin sửa mình cho nên Chí Thánh để đợi đón Ngài đấng mà kết thúc Long Hoa Đại Hội.”

■ (Thuyết đạo ngày rằm tháng 10 Mậu Dần- 1938)

Dầu thuyết giảng muôn ngàn lý lẽ,

Chẳng hữu duyên xem nhẹ lời thơ.

Cám ơn đệ tử trông chờ,

Ngày cam nắng hạn, đêm chờ giọt sương.

Toàn thể tín đồ trông ngóng Đức Tôn Sư yêu quý của mình trở lại vì Ngài đã hứa. Nhân loại đang chờ Đức Jesus-Christ phục sinh. Ngài giáng linh ở đâu, dân tộc nào, thời điểm nào... Ai có Tâm, có Duyên sẽ gặp và nhận ra Ngài. Trước mắt, mỗi năm đến ngày lễ vía (mùng 10-4 Âm) và ngày lễ Giáng sinh (mùng 5-5 Âm), chúng ta hãy nhớ đến Thiên tính và công nghiệp của Ngài. Chúng ta hãy

noi theo gương đó mà LẬP CÔNG, LẬP ĐỨC, LẬP NGÔN và phát triển nền Đạo.

TIẾT 4. MƯƠN BÀN KHÊ SÔNG VỊ BUÔNG CÂU.



(Tích Khương Tử Nha ngồi câu cá ở sông Vị, đất Bàn Khê để chờ thời)

Khương tử Nha là một quân sư tài ba của Chu Văn Vương (triều đại nhà Chu)

Tê Thái Công, tên thật là Khương Thượng (Jiang Shang 姜尚), tự là Khương Tử Nha (Jiang Ziya 姜子牙), nên thường được gọi là Khương Tử Nha (姜子牙), là khai quốc công thần nhà Chu thế kỷ 12 trước Công nguyên và là vua khai lập nước Tê tồn tại từ thời Tây Chu đến thời Chiến Quốc trong lịch sử Trung Quốc.

Tổ tiên ông là Bá Di từng làm chức Tứ nhạc giúp vua Hạ Vũ trị thủy có công. Sử ký xác định tổ tiên ông được phong ở đất Lã vào khoảng thời vua Thuấn đến thời nhà Hạ, do đó lấy Lã làm họ. Ông còn được dân gian và các nhà nghiên cứu lịch sử gọi bằng nhiều tên khác như: Khương Thái Công (Jiang Taigong); Lã Vọng (Lü Shang 吕尚). Đến tháng 2 âm lịch năm 1123 TCN, quân Chu đánh bại quân Thương ở Mục Dã, dù lực lượng quân Thương đông hơn nhưng do vua Trụ tàn bạo nên quân lính oán ghét, ngã theo bên Chu. Trụ vương thấy toàn quân tan rã,

bèn chạy đến Lộc Đài, tự thiêu mà chết. Khương Tử Nha được biết đến như một vị tướng tài vĩ đại và là người góp phần lập lên sự nghiệp nhà Chu kéo dài hơn 800 năm, là triều đại kéo dài nhất trong lịch sử Trung Quốc

Truyện kể, sau 40 năm tu luyện, Khương Tử Nha xuống núi. Ông tìm nơi tránh nạn ở nhà một người bạn và làm nhiều việc để kiếm sống. Hàng ngày Khương Tử Nha câu cá dọc theo con sông. Ông dùng lưỡi câu thẳng mà không có mồi, dây câu ngắn giữ lưỡi câu cách mặt nước khoảng 1m, ông tự thì thầm, “*Chỉ những con nào tự muốn cắn câu thì sẽ cắn câu*”. Lý do thực sự cho cách câu cá khác thường này là ông muốn làm quân sư cho Văn Vương và đó là một cách thu hút sự chú ý của nhà vua. Ông tin rằng một ngày nào đó Văn Vương sẽ đi ngang qua, vì vậy ông kiên nhẫn chờ đợi. Ông đợi cho đến khi 80 tuổi. Một ngày Văn Vương cuối cùng cũng tới, đi ngang qua trong một chuyến đi săn. Ông dừng lại và đàm luận với Khương Tử Nha.

Khương Tử Nha khuyên rằng một vị vua nên hành xử có đạo đức và trau dồi đức hạnh nhờ đó có thể cai trị bằng đức và lòng nhân từ. Văn Vương, ấn tượng bởi quan điểm của Khương Tử Nha về quân vương và dân, đã mời Khương Tử Nha về. Nhà vua bèn phong cho Khương Tử Nha chức Thái Sư. Văn Vương là một nhà vua có hoài bão lớn. Mục đích của Văn Vương là thống nhất thiên hạ. Riêng Khương Tử Nha là một bậc hiền tài, kinh luân đầy bụng, thao lược hơn người, nên luôn muốn báo đáp cái ơn tri ngộ với Văn Vương, một lòng một dạ phụ tá cho nhà Châu để tiến lên lật đổ sự thống trị của Trụ Vương hung bạo. Chính vì vậy mà ý chí của họ rất giống nhau,

lòng dạ của họ đều hướng về một phía. Mỗi khi gặp nhau, đôi bên thường luận bàn chính sự, và tỏ ra rất tương đắc.

– Trụ Vương của nhà Thương là một hôn quân vô đạo tất nhiên không tránh khỏi trời tru đất diệt. Nhưng triều đình nhà Thương đã có cơ nghiệp hơn sáu trăm năm, lại có một đạo quân hơn mười vạn người. Trong khi đó, Kỳ Châu chỉ là một bang quốc bé nhỏ, nếu đem so sánh với triều đình nhà Thương thì chênh lệch nhau một trời một vực. Vậy xin hỏi Thái Sư làm thế nào để thay đổi tình huống đó, giúp cho Kỳ Châu của trẫm có thể mau chóng cường thịnh lên?

Khương Thái Công đáp:

– Triều đình nhà Thương có đất đai rộng rãi, truyền qua nhiều đời. Nhưng những gì mà họ tích lũy được, rốt cục rồi sẽ tan thành mây khói. Trong khi đó Châu Quốc đang âm thầm chuẩn bị, ánh sáng của nó rồi đây sẽ chiếu rọi khắp bốn phương. Đức hạnh của thánh nhân là cái gì độc đáo, và sẽ dần dần cảm hóa được bá tánh, quy tụ được nhân tâm. Vấn đề mà một thánh nhân luôn luôn suy nghĩ tới, chính là phương pháp để thu phục nhân tâm.

– Phải áp dụng phương pháp nào, thì mới có thu phục được nhân tâm trong thiên hạ?

– Thiên hạ là thiên hạ của mọi người trong thiên hạ, chứ không phải thiên hạ của một cá nhân. Nếu có thể cùng hưởng chung lợi ích của thiên hạ với mọi người trong thiên hạ, thì có thể lấy được thiên hạ. Độc chiếm lợi ích trong thiên hạ, thì sẽ bị mất thiên hạ. Điều có thể cùng hưởng chung với bá tánh trong thiên hạ, chính là nhân ái. Ai có nhân ái, thì thiên hạ sẽ thuộc về người đó.

Phải giúp cho bá tánh thoát khỏi nguy nan, giải thoát cho bá tánh khỏi mọi sự khốn khổ, tiêu trừ cho bá tánh tất cả những tai họa xảy đến, cứu mọi người ra khỏi chỗ hiểm nguy, thì đó là ân đức. Người thi ân ban đức thì thiên hạ sẽ thuộc về người đó. Mọi người ai cũng chán ghét sự chết chóc mà yêu quý sự sinh tồn, hoan nghênh ân đức và theo đuổi mọi lợi ích. Cho nên giúp cho mọi người trong thiên hạ được lợi ích, thì đó chính là Vương Đạo. Ai có thể thi hành Vương Đạo, thì thiên hạ sẽ thuộc về người đó.

– Lời nói của Thái Sư quá đúng. Trẫm nhất định sẽ ghi nhớ những lời nói này. Nhưng trẫm còn muốn biết thêm đạo lý cơ bản trong việc trị quốc. Muốn biết cách phải làm sao để một vị quân vương được mọi người tôn kính, và bá tánh được một cuộc sống yên ổn vui tươi?

– Chỉ có cách duy nhất là biết thương dân.

– Phải làm như thế nào mới gọi là biết thương dân?

– Phải biết xúc tiến việc sản xuất của lê dân, không bao giờ phá hoại họ. Phải biết bảo hộ lê dân, không bao giờ tùy tiện gây tổn thương cho họ. Phải mang đến cho lê dân những quyền lợi thiết thực và không bao giờ tước đoạt của họ. Phải giúp cho lê dân được an cư lạc nghiệp, không làm cho họ phải phẫn nộ.

– Phải! Phải! Thế còn gì nữa?

– Làm một vị quân vương, cũng giống như phần đầu của một con rồng, luôn nhìn xa thấy rộng, quan sát tinh tường, tìm hiểu sâu sắc tất cả mọi vấn đề, và phải lắng nghe ý kiến của mọi người, biết xét đoán tình thế. Một vị quân vương còn phải có khí chất tinh táo ôn hòa, đứng trước mọi việc bao giờ cũng sẵn sàng quyết đoán. Nhất

là phải biết cùng bàn bạc với thần dân, không cố chấp ý kiến của riêng mình. Đối với mọi người, luôn phải khiêm tốn vô tư, xử sự luôn phải công bình, không thiên lệch.

– Lời nói của Thái Công đúng lắm! Đúng lắm! Nhưng Trụ Vương triều nhà Thương là người vô cùng tàn bạo, lạm sát không biết bao nhiêu người vô tội, nhân dân đang sống trong cảnh nước sôi, lửa bỏng, vậy hiền sĩ hãy giúp trẫm tiêu diệt ông ta, cứu nguy cho thiên hạ. Vậy, hiền sĩ cảm thấy thế nào?

– Nhà vua trước tiên phải tự tu dưỡng đức hạnh, biết chiêu hiền đãi sĩ, biết ban ân huệ cho nhân dân, lấy đó thu phục nhân tâm, rồi bình tĩnh quan sát sự thay đổi của đạo trời và đạo người. Khi đạo người chưa xuất hiện sự loạn lạc thì chưa thể sách hoạch việc hưng binh, cần chờ khi có thiên tai và nhân họa xuất hiện, thì mới có thể sách hoạch việc chinh phạt. Hiện nay Trụ Vương triều nhà Thương tuy u mê bạo ngược, nhưng vẫn chưa tới trình độ chỉ cần xô là ngã. Riêng về phía chúng ta thì lực lượng vẫn chưa đủ sức lật đổ triều đình nhà Thương. Do vậy, tuyệt đối không thể nôn nóng, không thể hành động liều lĩnh được.

– Xin Thái Sư nói thêm phải làm sao để ban hành chính lệnh?

– Việc ban hành chính lệnh phải được tiến hành từ trong sự cảm hóa âm thầm. Điều đó cũng giống như sự chuyển biến của thời gian là rất âm thầm, không ai cảm thấy được. Nhà vua cần phải suy nghĩ thật chín chắn tư tưởng “*Vô vi nhi trị*”. Cũng giống như trời và đất, không hề tuyên cáo quy luật của chính mình, nhưng vạn vật đều sinh trưởng đúng theo quy luật đó. Nên chính trị

tốt đẹp nhất, chính là nền chính trị biết thuận theo lòng dân. Đề cao những ý thức chính trị tốt đẹp để cảm hóa người dân, khiến người dân từ trong sự cảm hóa đó biết phục tùng chính lệnh. Như vậy thì thiên hạ sẽ được yên ổn. Đó chính là “*đức chính*” (sự cai trị phù hợp với đạo đức) của một Thánh nhân.

– Thế thì tại sao nhà vua lại để mất đi khả năng khống chế đối với quốc gia?

– Đó là do dùng người không đúng. Nhà vua cần tuyển chọn những người có đầy đủ sáu tiêu chuẩn, và phải nắm chắc ba sự kiện trọng đại, thì mới không dẫn tới tai họa mất nước.

– Sáu tiêu chuẩn đó có nội dung ra sao?

– Một là Nhân, hai là Nghĩa, ba là Trung, bốn là Tín, năm là Dũng, sáu là Trí.

– Phải làm thế nào mới tuyển chọn được những người phù hợp với sáu tiêu chuẩn nói trên?

– Tạo điều kiện cho họ trở thành giàu có, xem họ có thái độ bất chấp lễ giáo và pháp luật. Nếu không, thì đó là người NHÂN. Ban cho họ địa vị, xem họ có trở nên kiêu ngạo. Nếu không thì đó là người NGHĨA. Giao cho nhiệm vụ trọng đại, xem họ có thể kiên quyết hoàn thành mà không thay đổi ý chí. Nếu có thể, thì đó là người TRUNG. Giao cho họ xử lý vấn đề, xem họ có thủ đoạn dối trên gạt dưới. Nếu không, thì đó là người TÍN. Dẫn họ vào một hoàn cảnh nguy hiểm, xem họ đứng trước sự nguy hiểm có tỏ ra sợ sệt không? Nếu không, thì đó là người DŨNG. Giao cho họ xử lý những việc chuyển biến bất ngờ, xem họ có ứng phó một cách bình tĩnh. Nếu có,

thì đó là người TRÍ.

– Ngoài việc dùng người, còn phải chú ý đến vấn đề gì khác nữa?

– Không nên trao quyền xử lý ba sự kiện trọng đại cho người khác.

– Đó là ba sự kiện trọng đại nào..

– Nông, Công, Thương... Không bao giờ nên làm rối loạn những khu vực kinh tế này, cũng không nên tách rời gia tộc của họ ra. Đó gọi là “*Tam bảo*”... Những người có đầy đủ sáu điều kiện tiêu chuẩn nói trên được trọng dụng, cũng như ba đại sự nói trên được hoàn thiện, thì sự nghiệp của nhà vua sẽ hưng thịnh, quốc gia sẽ được yên ổn lâu dài.

– Một vị quân vương nên tôn sùng ai, nên áp chế ai, sử dụng ai, loại trừ ai, nghiêm cấm việc gì, chặn đứng việc gì?

– Một vị quân vương nên tôn sùng những người có đầy đủ tài đức và áp chế những người bất tài lại thiếu đức. Nên trọng dụng những trung thần, biết giữ chữ tín và có thái độ thành thực, trừ đi những phường gian trá, hư ngụy. Nghiêm cấm tất cả những hành vi bạo loạn, và chặn đứng nếp sống xa hoa.

– Tại sao một vị quân vương thường cố gắng hết sức để tuyển chọn người hiền tài, nhưng trong thực tế thì lại không thu được hiệu quả tốt đẹp như mong muốn?

– Nhà vua thường cho rằng, một người được nhiều người khen ngợi là hiền nhân, còn người thường bị mọi người chê trách là không phải hiền nhân. Do vậy, những người có vây cánh đông thì thường được trọng dụng, người ít vây cánh thì bị bài xích. Thế lực gian tà bao giờ

cũng kết thành bè đảng để mưu cầu tư lợi, nên hiền nhân luôn bị mai một, còn trung thần vô tội thì bị dồn vào chỗ chết. Bọn gian thần luôn lấy hư danh của họ để dối gạt bên trên, tranh thủ được chức tước lớn. Một xã hội như vậy, tất nhiên sẽ dẫn đến hỗn loạn. Quốc gia chắc chắn sẽ bị diệt vong.

– Phải làm thế nào để giữ được đầu óc tỉnh táo giúp cho quốc gia luôn được yên ổn và được trường tồn?

– Trụ Vương triều nhà Thương chỉ biết quốc gia mình đang tồn tại, chứ không biết nó sắp diệt vong; chỉ biết vui chơi thỏa mãn, chứ không biết tai họa sắp giáng xuống đầu. Quốc gia được trường tồn hay không, là do khi sống trong hoàn cảnh yên vui, có biết nghĩ tới lúc nguy cấp hay không. Một nhà vua phải chăng có thể được vui vẻ lâu dài, là xem nhà vua đó trong khi vui vẻ thì có nghĩ đến lúc buồn lo hay không. Ngài đã có thể nghĩ với nhiều vấn đề cơ bản đối với sự tồn vong của một quốc gia như thế, vậy đâu sợ còn có chuyện gì xảy ra nữa?

Nghe đến đây, Văn Vương đã hiểu mọi lý lẽ. Bao nhiêu điều thắc mắc cũng được giải tỏa rõ ràng. Nhà vua cảm thấy hết sức khâm phục Khương Thái Công. Nhờ lời khuyên của ông, nhà Chu được thành lập và trở thành triều đại kéo dài lâu nhất trong lịch sử Trung Hoa.

■ *(Trích trong Khương Tử Nha – luận về chính sự.)*



PHẦN XII (TỪ CÂU 173 ĐẾN 200)

173. Bàn cờ thế còn đang tranh lán,
Quyết mắt còn một trận sau cùng.
Song Xa thế nọ hiểm hung,
Về nơi Sĩ, Tượng bên cung giữ thành. *
177. Thế tiền Mã hậu canh đại Pháo,
Dầu chống ngăn trung đạo cũng nguy. *
Kỳ non kẹt mất lối đi.
Thiệu xưa Thấy dạy quên ghi thế nào.
181. Để mắc kế Chốt bày múa mỏ.
Chưa qua sông khá bỏ về không.
Ngó Xa khiếp vía kinh hoàng *
Tướng nghinh mặt Tướng, Pháo càng đợi Xe.
185. Bàn cờ thế người ta sắp sẵn,
Đủ mười con Chốt chắn mà thôi. *
Lạ đâu thêm một mắt rồi.
Cờ gian bạc lặn làm môi ai xấu.
189. Ba cộng chín có đâu mười một? *
Lý Thiên Cơ suy tốt cho tường.
Đuôi ĐÊ, đầu KHỈ thảm thương. *
Đầu ĐÊ mình KHỈ họa ương khắp trời!
- 193.

*ÂU chuyển động ba nơi một lúc. **
*Á đập dòn chín khúc lửa bay. **
*Mỹ tuôn vàng khối một ngày, **
*PHI, TẤN cô lập ÚC khai chiến trường. **

197. *Mặt trời mọc Đông phương Tam giáo. **
*Bá giao tranh phơi xác đầy đồng. **
*Gà bay xa lộ xuyên Đông, **
200. **BẢO GIANG** *Thánh xuất tấn phong tôi hiền.*

Dẫn giải

TIẾT 1. BÀN CỜ THẾ – BÀN CỜ TƯỚNG

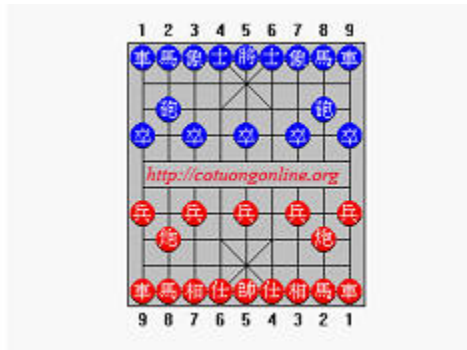
Bàn cờ là một hình chữ nhật do 9 đường dọc và 10 đường ngang cắt nhau vuông góc tại 90 điểm hợp thành. Một khoảng trống gọi là sông (hay hà) nằm ngang giữa bàn cờ, chia bàn cờ thành hai phần đối xứng bằng nhau. Mỗi bên có một cung Tướng hình vuông (Cửu cung) do 4 ô hợp thành tại các đường dọc 4, 5, 6 kể từ đường ngang cuối của mỗi bên, trong 4 ô này có vẽ hai đường chéo xuyên qua. Có 24 ô một bên, giữa là sông.

Mỗi bên có 5 loại quân chính, bao gồm: Tướng, Xe, Pháo, Mã, Tượng, Sĩ. Mỗi loại quân có số lượng khác nhau, có một chức năng riêng và tiêu diệt quân đối thủ cũng khác nhau:

- **TƯỚNG:** là quân quan trọng nhất trên bàn cờ, mất tướng cũng đồng nghĩa với ván cờ kết thúc. Tướng có thể đi chéo, thẳng, có thể lùi hay tiến trong ô vuông cấm cung.

- **Sĩ:** là quân bảo vệ cho tướng, chỉ được đi trong cấm cung, chỉ được đi chéo, sức chiến đấu thấp.
- **Tượng:** Cũng là một loại quân yếu chỉ có chức năng phòng thủ trong cấm cung. Quân này đi theo đường chéo của hình vuông gồm 2 ô cờ.
- **Mã:** Loại quân khá cơ động có thể đi khắp bàn cờ, tuy nhiên đường đi của Mã có thể bị cản bởi quân khác. Mã có đường đi chéo 2 ô liền nhau.
- **Xe:** Là quân cơ động nhất bàn cờ, Xe có thể đi ngang, đi dọc, tuy nhiên không thể đi chéo. Xe được coi là quân cờ mạnh nhất trong cờ tướng.
- **Pháo:** Quân pháo cũng khá cơ động, có thể đi ngang dọc khắp bàn cờ, tuy nhiên để tiêu diệt được quân đối phương cần phải bay qua 1 quân cờ khác.

Quân cờ được phân chia thành hai bên đối nghịch nhau. Khi bắt đầu ván cờ, mỗi bên có 16 quân cùng màu, bao gồm các loại binh chủng như sau: 1 Tướng, 2 Sĩ, 2 Tượng, 2 Mã, 2 Xe, 2 Pháo và 5 Tốt. Do Cờ Tướng bắt nguồn từ Trung Quốc nên các quân cờ được viết bằng chữ Hán để phân biệt nhau. Hình các quân cờ như dưới.



(Chú ý là quân hai bên tuy cùng loại nhưng hình lại hơi khác nhau, chỉ có Xe và Mã là giống mà thôi).

Vị trí các quân cờ khi bắt đầu ván cờ: Mỗi quân cờ chỉ đặt trên một giao điểm hay một giao điểm chỉ được đặt một quân cờ mà thôi. Khi bắt đầu ván cờ, các quân được bố trí theo một thế cờ ban đầu như hình trên. Chúng ta thấy, hai Tướng đứng chính giữa ngay trên đường dọc số 5. Đường dọc này người ta gọi là trung lộ hay trung tuyến. Thế bố trí quân ban đầu hoàn toàn đối xứng nhau giữa quân hai bên và giữa cánh phải và cánh trái.

Đánh cờ cũng như đánh trận vậy. Không được phép có những suy nghĩ quá đơn giản. Chỉ tính cho từng nước đi là một điều cực kỳ nguy hiểm. Vậy nên, mỗi lần di chuyển một quân của ta, hay ăn một quân của địch; phải tính toán cho bằng được đối phương sẽ được gì, sẽ di chuyển ra sao trong 1, 2 nước nữa. Phải tính được như vậy thì phần thắng mới có phần nắm được.

Trong cờ Tướng, người chơi không phải dựa vào thế lực bên ngoài mà chính từ bên trong, thực lực chính của người chơi. Nguyên lý bí mật được xem là một trong những nguyên lý quan trọng nhất khi đánh cờ Tướng. Bởi vì:

– Khi đánh cờ, bàn cờ, quân cờ hai bên đều đều ngang nhau, các vị trí sơ khởi, các quân cờ cũng như nhau, được bày ra trước mắt mọi người. Cái bí mật ở đây là quân nào cũng bày ra hết mà nhiều thế đánh hiểm hóc của đối phương ta không thấy được. Nhiều thế mai phục bắt quân, ta cũng không hề biết, các quân cờ của ta sắp mất đến nơi ta cũng không hay. Như vậy chính là do đối phương biết cách che đậy, giấu kín những kế hoạch để ta không ngờ, không biết.

– Người cao cờ không chỉ tính được nhiều nước đi mà còn biết giữ kín mọi mưu kế, thế đánh hay, không để cho đối phương phát hiện nghĩa là “*Xuất kỳ bất ý, công kỳ vô bị*”. Tấn công chỗ địch không phòng bị, xuất binh khi địch không chú ý. Đây cũng là một nguyên nhân làm nên chiến thắng.

– Người đánh cờ có nhiều khi không thấy được đường đi, thế đánh của đối phương là do trí xét đoán không sâu, không kỹ. Do đó, không thấy được sự an nguy của mình.

Nước cờ biển đá thành đảo

Năm 2014, Trung Quốc tập trung bồi đắp xây dựng các bãi đá chiếm được thành đảo nhân tạo. Trung Quốc đưa các tàu vận tải quân sự chở nguyên vật liệu, sắt đá, máy móc đến và xây dựng ào ạt. Mục đích của Trung Quốc xây bảy công trình này là xây “*những chiến hạm không thể đánh chìm*”, xem ra có cả nghĩa bóng lẫn nghĩa đen hình thể. Đừng quên, trước năm 1988 Trung Quốc chưa hề có một cục san hô nào ở quần đảo Trường Sa của Việt Nam. Từ năm 1988, họ tấn công vũ lực cưỡng chiếm đến nay đã bảy bãi đá. Theo công pháp quốc tế và Công ước Liên Hiệp Quốc về Luật biển 1982 (UNCLOS), một quốc gia không thể tuyên bố chủ quyền trên một bãi đá ngập sâu trong biển ở cách xa quá 200 hải lý ngoài vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa tính từ đường cơ sở của mình.

Điều 13-2 của UNCLOS quy định: Khi các bãi cạn lúc chìm lúc nổi hoàn toàn ở cách lục địa hoặc một đảo một khoảng cách vượt quá chiều rộng của lãnh hải thì chúng không có lãnh hải riêng.

Do vậy họ phải nhanh chóng tiến hành cuộc đấu sức

với công luận, với tự nhiên để chế tạo bãi đá thành đảo vì lẽ đó. Thủ đoạn tôn tạo, xây dựng ào ạt đến chóng mặt là để nhanh chóng làm đảo lộn định nghĩa các thực thể địa lý đá thành đảo, để tuyên bố chủ quyền kèm theo yêu sách vùng lãnh hải 12 hải lý bao quanh và có thể ngang ngược hơn nữa là yêu sách vùng đặc quyền kinh tế. Từ đó mà tính âm mưu vạch ra một vòng compa bán kính 200 hải lý bao trọn quần đảo Trường Sa và thêm lục địa DK1 của Việt Nam, hiện thực hóa yêu sách đường chữ U chín đoạn, bá chiếm 80% diện tích biển Đông. Các bên liên quan tố cáo Trung Quốc đã xáo trộn, làm “*phức tạp tình hình*” chính là như vậy. Khi đã làm được việc biến đá thành đảo, họ nghĩ rằng đã đạt được hai mục đích chính: chủ quyền và vấn đề bán kính 12 hải lý. Nhưng họ chưa thể thành công. Cuộc đấu tuy vậy không hề dễ dàng. Hơn một năm qua Việt Nam liên tục phản đối, Philippines phản đối. Thế giới phản đối. Dù Trung Quốc có làm trò phù thủy, đá vẫn là đá. Đá không thể biến thành đảo. Vụ kiện của Philippines về thực thể địa lý còn đang thụ lý. Cho đến giờ không ai gọi bãi đảo nhân tạo này của Trung Quốc là đảo để không trúng kế của họ.

Với đảo nhân tạo chỉ được lập ra vùng an toàn tối đa không quá 500m bán kính, theo quy định tại điều 60-5 cho các quốc gia lập đảo nhân tạo trong vùng có quyền chủ quyền và quyền tài phán. Chính vì vậy mà hải quân Mỹ mới định cho tàu chiến vào sâu trong vùng 12 hải lý để làm phép thử pháp lý với Trung Quốc về danh nghĩa các đảo nhân tạo này. Nói gì đi nữa, “*sói Trung Hoa*” – như cách gọi của người Trung Hoa hiện nay – vừa đặt được thêm một bước chân. Một bước chân nhỏ của con sói biển

nhưng lại là một bước tiến lớn vào biển Đông, không chỉ các bên liên quan mà cả thế giới cần phải ngăn chặn. Vì đó là một bước tiến mang lại hệ lụy ngày càng phức tạp tình hình cho bàn cờ biển Đông, bây giờ và mai sau.

Những gì chúng ta biết hiện giờ là Trung Quốc đang tô vẽ sự liên mạch của đường chín đoạn và giành chủ quyền hàng hải bên trong đường này bằng việc cải tạo đảo tại quần đảo Trường Sa. Một khi như vậy, Bắc Kinh có thể lấn tới và thành lập vùng nhận dạng phòng không (ADIZ) trên khắp biển Đông” – tờ báo dẫn lời một chuyên gia ở Singapore nói. Trong khi đó, tờ Thời Báo Hoàn Cầu của Trung Quốc tiếp tục dọa nạt rằng chiến tranh giữa Mỹ và Trung Quốc là điều “*khó tránh khỏi*” nếu Washington tiếp tục cản trở Bắc Kinh xây đảo nhân tạo trên biển Đông. “*Nếu mục đích cuối cùng của Mỹ là cản trở hoạt động của Bắc Kinh thì khó tránh khỏi cuộc chiến Trung – Mỹ trên biển Đông. Mức độ căng thẳng của xung đột sẽ cao hơn chuyện “xích mích” mà mọi người hay nghĩ – tờ báo nói: Chúng ta không muốn một xung đột quân sự với Mỹ nhưng nếu chuyện đó đến thì chúng ta phải chấp nhận thôi*”.

Trung quốc đã lên tiếng như vậy, còn phía chính quyền Việt nam thì sao? Hãy nghiền ngẫm một thế cờ hay để giải phóng dân tộc và đất nước thoát khỏi sự đô hộ của Trung quốc một lần nữa.

TIẾT 2. THẾ CHIẾN THỨ BA

***Đuôi ĐÊ, đầu KHI thâm thương.
Đầu ĐÊ mình KHI họa ương khắp trời!***

Dê chỉ năm Ất Mùi 2015, Khỉ chỉ năm 2016; còn Gà chỉ năm 2017.

ÂU chuyển động ba nơi một lúc.

Phải chăng chiến trận ở châu Âu sẽ diễn ra tại ba nước Ukraine, Turkey, Serbia hay Russia?

Á đập dồn chín khúc lửa bay.

Chiến trận ở châu Á sẽ diễn ra tại Thái Bình Dương? Việt nam, Philippine, Nhật, Hàn quốc, Triều Tiên, Campuchia, Lào, Malaysia, Úc, và Ấn độ?

Mỹ tuôn vàng khối một ngày, *

Hoa Kỳ vì muốn giữ địa vị cường quốc, bảo vệ các nước liên minh nên phải dùng đến vũ khí mắc tiền, chi viện tốn kém?

PHI, TẤN cô lập ÚC khai chiến trường. *

Phải chăng Philippine, Campuchia (còn có tên là Tân quốc) bị cô lập; nước Úc sẽ đánh trước để giải vây?

Mặt trời mọc Đông phương Tam giáo. *

– Mặt trời mọc chỉ nước Nhật, hay chỉ nền tôn giáo mới khai mở qui cả ba nền tôn giáo cổ NHO, THÍCH, ĐẠO như trong bài Kinh đã cho biết:

Biển trần khổ với trời nước

Ánh Thái dương dạo trước phương Đông...

Trong Tam giáo có lời khuyến dạy,

Gốc bờ lòng làm phải, làm lành.

Trung dung Khổng Thánh chỉ rành.

Từ bi Phật dạy lòng thành lòng nhơn....

Bàn cờ thay đổi của Nhật bản

Quốc kỳ Nhật:



Cờ biến thể của Nhật bản:



– Nhật Bản là một trong những nước thua cuộc trong chiến tranh thế giới thứ 2. Tháng 8/1945, khi phải đối diện với khả năng Hồng quân Liên Xô đang nhanh chóng tràn xuống và biến Nhật Bản thành một quốc gia trong khối Cộng Sản, Nhật Hoàng và bộ máy quân sự Nhật tính toán rằng đầu hàng Mỹ là biện pháp «*an toàn*» hơn rất nhiều. Và chỉ trong một thời gian vài tuần, bộ máy chiếm đóng của Mỹ tại Nhật đã hoàn thành bản Hiến pháp mới của Nhật. Ngoại trừ việc chấp nhận sự tồn tại của Nhật Hoàng như là một biện pháp để trấn an người dân Nhật, hầu như tất cả các nội dung khác của bản Hiến pháp này không khác mấy so với bản Hiến pháp Mỹ: bảo đảm các quyền tự do cơ bản của con người, quyền bình đẳng cho phụ nữ, quy định mức lương tối thiểu cho công nhân... Cộng với điều 9 – điều khoản hòa bình – thì đây có thể coi là bản Hiến pháp thân thiện và tiến bộ nhất trên thế giới. Bản Hiến pháp này đã tạo điều kiện cho Nhật Bản

tập trung mọi nguồn lực cho phát triển kinh tế, khoa học, và kỹ thuật.

Nhưng hiện nay, trong bối cảnh Trung Quốc «*giương nanh múa vuốt*,» Mỹ thì hạn chế sự can thiệp, lãnh đạo Nhật và những người hiểu địa chính trị đều thấy phải chủ động «*tự lo cho mình*» nên việc tái vũ trang là lẽ đương nhiên. Nên nhớ, nếu «*Trung Quốc*» có nghĩa là «*nước ở trung tâm thế giới*» thì Nhật có nghĩa là «*mặt trời*». Trong bối cảnh «*cảnh sát số 1 thế giới*» là Mỹ đang giảm thiểu hoạt động, Trung Quốc bành trướng và móc nối với Nga, Nhật thì muốn tái khẳng định vị trí dẫn đầu châu Á của mình... tình hình khu vực quả thật vô cùng phức tạp. Chỉ cần sai một bước rất nhỏ là có thể lại mắc vào một vòng xoáy bạo lực ngoài tầm kiểm soát.

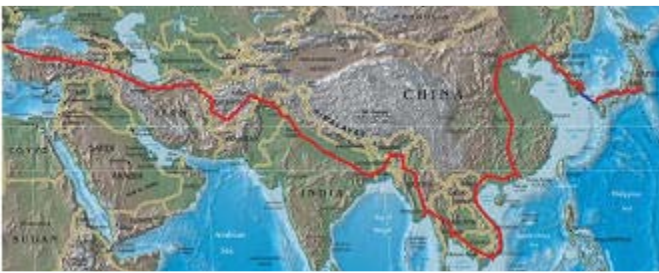
Bước vào thế kỷ 21, bàn cờ Á châu – Thái Bình Dương không còn như trước. Hoa Kỳ bận rộn và lúng túng với hai cuộc chiến tại Iraq và Afghanistan, kinh tế khủng hoảng, trong khi tại Á châu Thái bình Dương, Bắc Hàn chế bom nguyên tử và Trung Quốc trở thành một lực lượng khuynh đảo với tham vọng độc chiếm Biển Đông, con đường thông thương huyết mạch của nền kinh tế Nhật Bản. Tình hình trước mắt cho Nhật Bản thấy không còn có thể đặt an ninh của mình dưới sự che chở của Hoa Kỳ. Nhật Bản thấy họ phải chọn con đường tự bảo vệ nên họ cũng chuẩn bị sẵn phương tiện kỹ thuật và hiểu biết khoa học để có thể chế bom nguyên tử trong một thời gian ngắn.

Bá giao tranh phơi xác đầy đồng. *

Cả trăm trận giao chiến lẫn nhau, chết vô số đến xác phơi đầy đồng.

Gà bay xa lộ xuyên Đông

Có phải Ngài muốn nói đến hệ thống xa lộ xuyên Á. AH1 là tuyến đường bộ dài nhất của hệ thống xa lộ xuyên Á với tổng chiều dài 12.845 dặm (20.557 km) từ Tokyo qua Triều Tiên, Trung Quốc, Đông Nam Á và Ấn Độ đến biên giới giữa Iran, Thổ Nhĩ Kỳ và Bulgaria, tây Istanbul.



(from Tokyo, Japan via Korea, China, Hong Kong, Southeast Asia, Bangladesh, India, Pakistan, Afghanistan and Iran to the border between Turkey and Bulgaria west of Istanbul where it joins end-on with European route E80)

BẢO GIANG Thánh xuất tấn phong tôi hiền.

Đây là câu cuối cùng của bài sấm, nói lên viễn ảnh tươi sáng của nước Việt Nam với chúa Thánh, tôi hiền. Thánh nhân sẽ xuất hiện để làm một nhà lãnh đạo vừa anh hùng, vừa đạo đức.

KẾT LUẬN

KẾT LUẬN

DẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ MỞ TẠI VIỆT NAM; dân Việt Nam được chọn để truyền bá mỗi Đạo Trời. Như thế, nước Việt phải có một sứ mạng lịch sử trên thế giới như Ông Trên cho biết:

*“Một nước nhỏ nhoi trong vạn quốc,
Ngày sau làm chủ mới là kỳ”.*

Trong quyển “*TƯƠNG LAI VĂN HÓA VIỆT NAM*”, nhà văn Hồ Hữu Tường đã viết:

“Tôi muốn cất tiếng mà kêu to. Kêu thực to để ai nấy cùng nghe. Tôi muốn có một giọng tha thiết. Tha thiết để ai nấy cùng cảm. Tôi muốn có những luận điệu đanh thép. Thép đanh thép để ai nấy cùng tin. Nghe, cảm, tin... để cùng tôi đem một cái vinh quang chưa hề có trên quả địa cầu về cho dân tộc ta, dân tộc Việt. Khoái lạc vì được nhuần cái bầu không khí huy hoàng tráng lệ của một tương lai mà những chuyện thần tiên cũng chưa tả nổi... Bởi vì sự nghèo nàn túng bấn của gia đình đem so với những khốn nạn của dân tộc Việt, thì nào có ra cái gì? Bởi vì món nợ to mà nó phải trả, đem so sánh với món nợ mà dân tộc Việt phải trả với lịch sử nhân loại, thì nào có ra cái gì? Bởi vì khối vàng của đứa con kia tìm được, đem cân với cái tôi thấy có thể đem hạnh phúc và vinh quang cho dân tộc Việt thì giá trị có bao nhiêu?... Hiện nay, bạn thấy Tây phương đắc thắng, chiếm vị trí tối thượng, hãnh diện với thế giới. Về quân sự, về kinh tế, về chính trị, Tây phương là tất cả. Bạn cho Tây

phương là cái gương duy nhất, rồi bạn toan nêu cái “văn hóa” Tây phương làm Văn hóa Việt Nam. Tôi van bạn. Tôi ước mong bạn xây đắp riêng cho Việt Nam một nền Văn hóa rực rỡ, để trình trước Đại Hội đồng nhân loại làm sự nghiệp của mình... Không đâu! Tôi không chịu đâu! Đã tui nhục về mặt quân sự, đã thiệt thòi về mặt kinh tế, đã khổ sở về mặt chính trị tôi còn lòng nào đem tâm hồn mà rèn luyện, uốn nắn, hun đúc theo khuôn mẫu của nó. Tôi đã như thế. Mà dân tộc Việt có lẽ cũng như thế. Một nghìn năm bị Tàu đô hộ mà còn không bị đồng hóa, nay lại hăm hở đồng hóa với Tây phương sao?

Cũng đồng rèn luyện, uốn nắn, hun đúc loài người. Nhưng Văn hóa đuổi theo cái mục đích làm cho “người” trở nên NGƯỜI. Còn Quái hóa đuổi theo mục đích trái lại, làm cho người trở nên nô lệ. Nô lệ tất cả. Người hèn yếu bị làm nô lệ cho kẻ giàu mạnh. Kẻ giàu mạnh bị làm nô lệ của tiền bạc. Tiền bạc bị làm nô lệ của một lực lượng huyền bí, vô hình... của Quái hóa. Tinh túy của Tây phương là rèn luyện, uốn nắn, hun đúc tất cả cái gì cũng thành phương tiện, bất cứ phương tiện nào cũng trở nên tinh xảo, để cho Quái hóa sai khiến, lợi dụng. Văn chương, nghệ thuật, triết học, khoa học... tất cả đều là phương tiện. Thử cho Tây phương một cái văn hóa nào đó xem! Chẳng bao lâu, cái văn hóa ấy bị đổi thành phương tiện nốt. Bạn hãy kiểm điểm lại xem. Có tư tưởng, học thuyết, chủ nghĩa nào không bị đổi làm phương tiện, không bị lợi dụng đâu? Bạn chỉ còn có một con đường. Ấy là phỏng theo Văn hóa, cái làm cho “người” trở nên NGƯỜI. Bạn hãy tạo ra vậy! Bạn hãy tạo ra để làm ý nghĩa sống cho dân tộc Việt, để làm vinh quang cho

dân tộc Việt...

- (Trích từ tập **Tương Lai Văn Hóa Việt nam**, Huệ Minh xuất bản, in lần thứ ba, Saigon 1965.)

Ngài Phạm Công Tắc trước đây cho biết:

“Trải qua mấy thời kỳ lập quốc, các bậc anh hùng đều xuất thân trong hàng dân giả, áo vải, quần bó, ăn không cần no, ngủ không cần yên, nằm gai nếm mật, khắc cốt ghi xương chánh nghĩa của dân tộc để thực hiện cho kỳ được môi thối. Những tướng lãnh của các nước văn minh, tiên tiến, phải chăng là bậc hiền triết tài năng, luôn luôn đem chí cả phụng sự cho nước nhà, mưu cầu hạnh phúc cho toàn dân và cho đồng loại. Tào hóa đã sắp bày, vì muốn lập lại đời Thánh Đức cho muôn dân hưởng cảnh thái bình, an cư lạc nghiệp, cho nên mới có cơ thưởng phạt. Có cơ hủy diệt để dẹp lũ tham lam, hung bạo thì sau đó sẽ là cơ Sáng tạo và cơ Bảo tồn”.

ALBERT EINSTEIN viết rằng: *“Tôi không biết vũ khí nào sẽ dùng trong thế chiến thứ ba, chỉ biết thế chiến thứ tư sẽ dùng vũ khí là gậy và đá.”* (I do not know with what weapons World War III will be fought, but World War IV will be fought with sticks and stones.)

- *Liberal Judaism, Apr/May 1949*

Ngài giảng tiếp:

Điều đó có nghĩa gì? Sau thế chiến thứ ba, nhân loại sẽ trở về với thời kỳ đồ đá hoang sơ. Thấy rõ chiến tranh là tai hại chừng nào, còn ai điên cuồng gì lại gây ra chiến tranh nữa. Bài học rất đắt giá, nhưng nó sẽ thức tỉnh được lòng người ít nữa cũng hàng trăm thế kỷ.

– *“Trước cảnh sụp đổ tang tóc đau thương ấy, Thần*

Thánh cũng phải châu mày ứa lệ. Nhưng cơ Trời đã định, con người vì quá độc ác, chủ trương mutu sâu kẻ độc, giết hại lẫn nhau, để tranh đoạt bả vinh hoa, mỗi phú quý. Luật sửa phạt không thiên vị một ai, khó mà tránh dặng... Ôi! Còn gì là nhơn loại, còn gì là văn minh, rõ thật là cơn tận diệt.

Sau trận giặc long trời lở đất ấy, con người còn lại chẳng bao nhiêu, nhưng đó toàn là giống tốt, không tội lỗi, không nhiễm trược trần... Vì đã chủ trương một thuyết vô nhân Đạo, làm cho nhơn loại phải khổ đau, sanh linh đồ thán, cang thường xiêu đổ, luân lý giữa nghiêng, nước Nga sẽ bị xóa tên trên bản đồ Quốc Tế; nước Mỹ tuy bị một vết thương rất nặng, nhưng tên tuổi vẫn còn. Các phần tử tinh hoa, ưu tú của Mỹ sẽ noi gương của nước Việt Nam, lập lại một nước Mỹ Đạo đức, nhơn nghĩa. Dân Mỹ sẽ sống một cuộc đời sung túc nhàn lạc, không còn những tham vọng ích kỷ xấu xa nữa.

Đức Thượng Đế nhận thấy chí nhĩn nại, lòng Đạo đức không dời đổi, óc thông minh khôn khéo của giống Lạc Hồng, nên ban ơn cho giống dân này lãnh Đạo nhơn loại còn sống sót ở Năm Châu, hầu lập lại một xã hội mới, lấy Đạo đức nhơn nghĩa làm căn bản, loài người sẽ hưởng một đời sống vui tươi, dưới sự hướng dẫn của nước Việt Nam thuần nhứt, nước Việt Nam muôn đời... Dân tộc Việt Nam là một dân tộc thấm nhuần Đạo đức từ ngàn xưa, nhờ ảnh hưởng giáo lý của Đức Khổng Tử, Đức Lão Tử, Đức Thích Ca, Đức Chúa Jêsus, người Việt có một nền tảng luân lý rất vững chắc, luôn luôn biết thờ Trời kính Phật, sùng bái Thánh, Thần, người Việt còn biết thương yêu đồng loại như anh em một nhà, như con một cha, mà cha cả là Đức Thượng Đế.

Mặc dầu có một vài lầm lỗi, nhưng đã biết ăn năn tự

hồi. Người Việt lo lập công bồi đức, công đức ấy đến hồi đơm bông kết quả, để thưởng công xứng đáng mấy ngàn năm lập quốc, mà không lúc nào được trọn quyền tự chủ. Đức Thượng Đế sẽ ban ơn cho giống Lạc Hồng thấu hồi nguyên vẹn quyền tự chủ của mình... Vận dụng thế nào để đem lại sự thành công cho dân tộc, ấy là một nhiệm vụ rất gay go, nhưng đó mới là cái bí quyết của nhà lãnh đạo. Nhờ thắng được các sự thử thách, người Việt tỏ ra mình có đủ khả năng để giải quyết mọi trở lực. Đức Thượng Đế mới giao phó cho sứ mạng diu dắt thế giới sau này... Việt Nam sẽ giúp các sắc dân trên mặt đất ứng dụng lập trường ấy cho xứ sở mình, hầu xóa tan những nỗi bất công, buộc ràng áp bức, họ được hưởng một đời sống tự do đầy đủ, vui tươi. Các sắc dân sẽ cảm mến dân tộc Việt Nam, xem người Việt như anh cả. Chỉ có Việt Nam về mặt Nhơn Đạo thực hiện được chánh nghĩa. Về Thiên Đạo được nêu cao hơn nghĩa, bác ái, đại đồng, thuận thiên lý, hợp nhơn tâm nên nắm giềng mối cho chúng sanh trên mặt địa cầu nảy đời đời, kiếp kiếp.....”

“Khi nào Đức Di Lạc giáng lâm? Khi nền văn minh cũ với những hỗn loạn do xu phụng vật chất được chấm dứt, khi các thế lực bảo thủ bị ngăn chặn để dọn đường cho cái mới? Chúng ta cũng nên hiểu rằng: chiến tranh – với tất cả những thảm họa, tàn ác không thể tả – chẳng khác nào cây chổi của Đấng Tạo Hóa. Ngài có thể dùng nó để quét sạch tất cả những chướng ngại trên đường trở lại của Con Ngài.”

Đại Văn Hào Leo Tolstoy, một vị Thánh trong tôn giáo Cao Đài, đã viết đại tác phẩm «*Chiến Tranh và Hòa Bình*» để nói về lịch sử, về đời người và cõi chết. Tác giả cho rằng các hiện tượng xã hội, chính trị, kinh tế chỉ là các biến cố bên ngoài; các biến chuyển bên trong mới chính

KẾT LUẬN

là các kinh nghiệm thực sự của đời người. Mọi người trước hay sau đều phải chết. **Điều quan trọng nhất là biết thương yêu, biết tôn trọng sự công chánh, không làm tổn hại sinh mạng của người khác và chỉ có thể mới thật sự làm cho con người hạnh phúc, khi còn sống cũng như sau khi mất.**

SUY GẤM SẤM PHÁP GIÁO

CHÁNH KIẾN CƯ SĨ

*Kính Dâng
Phon Linh Tôn Sư Phạm Công Tác*